

*Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2016*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

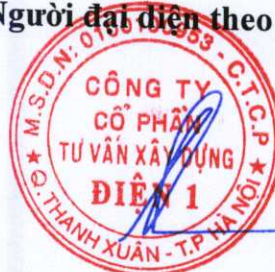
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1**
  - Mã chứng khoán: **TV1**
  - Trụ sở chính: Km 9 + 200, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
  - Điện thoại: (84.4) 22.148.374; 22.148.365
  - Fax: (84.4) 35.520.670
  - Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Tài Sơn**
  - Địa chỉ: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1, Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
  - Điện thoại: (84.4) 22.148.368
  - Fax: (84.4) 35.520.670
  - Loại công bố thông tin: **Định kỳ**
  - Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2015**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/4/2016 tại đường dẫn <http://www.pecc1.com.vn> của công ty
- Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, TH.

Người đại diện theo pháp luật



**Nguyễn Tài Sơn**

**Tài liệu gửi kèm: Báo cáo thường niên năm 2015.**



**EVNPECC1**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



## NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

Phone: +84 4 38544270 | Fax: +84 4 38541208

Email: [pecc1@pecc1.com.vn](mailto:pecc1@pecc1.com.vn) | Website: [www.pecc1.com.vn](http://www.pecc1.com.vn)

Địa chỉ: Km9+200 Nguyễn Trãi - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - TP. Hà Nội - Việt Nam

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015****MỤC LỤC**

<b>A. Thông tin chung.....</b>	<b>3</b>
I. Thông tin khái quát .....	3
II. Quá trình hình thành và phát triển .....	3
1. Quá trình hình hành và phát triển .....	3
2. Các sự kiện khác .....	3
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	4
1. Ngành nghề kinh doanh: .....	4
2. Địa bàn kinh doanh: .....	5
3. Các dự án điển hình: .....	5
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	7
1. Mô hình quản trị .....	7
2. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	8
3. Các công ty TNHH một thành viên do Công ty làm chủ sở hữu .....	10
<b>B. Tình hình hoạt động trong năm .....</b>	<b>11</b>
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	11
II. Tổ chức và nhân sự .....	18
1. Danh sách Hội đồng quản trị .....	18
2. Danh sách Ban điều hành .....	20
3. Những thay đổi trong ban điều hành .....	21
4. Ban kiểm soát .....	22
5. Số lượng cán bộ, nhân viên: .....	23
III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....	24
1. Các khoản đầu tư lớn: .....	24
1.1. Đầu tư Thủy điện Sông Bung 5 .....	24
1.2. Các dự án khác .....	25
1.3. Đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác .....	25
2. Các công ty con: .....	25
<b>IV. Tình hình tài chính .....</b>	<b>35</b>
1. Tình hình tài chính .....	35
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	36
<b>V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....</b>	<b>36</b>
1. Cổ phần .....	36
2. Cơ cấu sở hữu .....	37
3. Danh sách cổ đông đặc biệt .....	41
<b>C. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc .....</b>	<b>46</b>
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	46
II. Tình hình tài chính .....	55
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	55
IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	56
<b>D. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty .....</b>	<b>57</b>
<b>E. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty .....</b>	<b>57</b>
<b>Về sản xuất kinh doanh.....</b>	<b>57</b>

1. Hội đồng quản trị .....	62
2. Ban Kiểm soát.....	65
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Q Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan ....	66
4. Các khoản lợi ích khác:.....	68
5. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ .....	69
<b>F. Báo cáo tài chính.....</b>	<b>69</b>
1. Ý kiến kiểm toán độc lập .....	69
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	70

Đính kèm: Báo cáo kiểm toán độc lập số 123/2016/UHYACA-BCKT và số 130/2016/UHYACA-BCKT ngày 25/03/2016.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

### A. Thông tin chung

#### I. Thông tin khái quát

1. Tên giao dịch:
  - 1.1. Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1
  - 1.2. Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company 1
  - 1.3. Tên viết tắt: Pecc1
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 09/09/2014.
3. Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
4. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015: 320.127.329.256 đồng
5. Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
6. Số điện thoại: (84-4) 22148368; (84-4) 38544270
7. Số fax: (84.4) 35520670; (84-4) 38541208
8. Website: <http://www.pecc1.com.vn>
9. Mã cổ phiếu: TV1

#### II. Quá trình hình thành và phát triển

##### 1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 (PECC1) được hình thành và phát triển liên tục trên 50 năm lịch sử:

Viện thiết kế Tổng hợp thành lập năm 1960, đến năm 1967 được đổi tên là Viện Quy hoạch và thiết kế điện, đến năm 1980 là Viện thiết kế điện.

Ngày 01/07/1982 Công ty Khảo sát và thiết kế điện được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện thiết kế điện, Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện và Công ty khảo sát địa chất thủy lợi. Năm 1988 Công ty được đổi tên thành Công ty khảo sát thiết kế điện 1. Năm 1999 được đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 1.

##### 2. Các sự kiện khác

Ngày 02/01/2008 Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 100 tỷ đồng, Hiện nay vốn điều lệ của Công ty là 266.913.190.000 đ, chia thành 26.691.319 cổ phần trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 54,34%, các cổ đông khác nắm giữ 45,66 % cổ phần (riêng cổ đông nội bộ và người có liên quan nắm giữ 4.572.357 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,131 % vốn điều lệ)

Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ; Công ty không có cổ phần ưu đãi.

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 26.691.319 cổ phiếu, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

Năm 2008, các cổ đông của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 được nhận cổ tức năm 2008 bằng tiền mặt; tỷ lệ thực hiện: 18% (01 cổ phiếu được nhận 1.800 đồng); số tiền thanh toán cổ tức là 18.000.000.000 đồng;

Quyết định số 201/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 09 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 được đăng ký niêm yết 10.000.000 cổ phiếu;

Quyết định số 01/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 01 năm 2011, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 được niêm yết bổ sung 7.400.000 cổ phiếu; trong đó: 2.000.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện 20%) và 5.400.000 cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện: 54%).

Quyết định số 158/2011/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2011, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 được niêm yết bổ sung 2.609.765 cổ phiếu; đây là số lượng cổ phiếu để trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện: 15%).

Quyết định số 97/2012/QĐ-SGDHCM ngày 18 tháng 07 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 được niêm yết bổ sung 3.000.771 cổ phiếu; đây là số lượng cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện: 15%).

Ngày 05 tháng 07 năm 2013, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có thông báo số 669/2013/TB-SGDHCM về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt; số tiền thanh toán cổ tức là 27.612.643.200 đồng.

+ Ngày ĐKCC: 22/07/2013;

+ Tỷ lệ thực hiện: 12%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng);

+ Thời gian thực hiện: 09/08/2013.

Quyết định số 280/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 07 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 được niêm yết bổ sung 3.680.783 cổ phiếu; đây là số lượng cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện: 16%).

Ngày 17 tháng 09 năm 2015, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có thông báo số 970/TB-SGDHCM về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt; số tiền thanh toán cổ tức là 40.036.978.500 đồng.

+ Ngày ĐKCC: 02/10/2015;

+ Tỷ lệ thực hiện: 15%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng);

+ Thời gian thực hiện: 22/10/2015.

Tính đến ngày 31/12/2015:

+ Tổng số lượng chứng khoán của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là 26.691.319 cổ phiếu (Trong đó: số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu; số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phiếu; số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác: 0 cổ phiếu)

+ Tổng giá trị niêm yết cổ phiếu (theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là 266.913.190.000 đồng

### **III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **1. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty: Tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; Sản xuất, kinh doanh điện năng; thiết kế đường dây và trạm biến áp 500 kV; thiết

kế công trình đường dây và trạm biến áp 220 Kv; thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; lập, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; sản xuất thiết bị, linh kiện điện, điện tử cho dự án điện tử, viễn thông; đầu tư xây dựng công trình nguồn điện, đường dây và trạm biến áp; đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn; lập, thẩm tra quy hoạch phát triển ngành điện, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện mặt trời, địa nhiệt, điện thủy triều, năng lượng nguyên tử và điện hạt nhân; quy hoạch tổng hợp lưu vực sông quy mô liên tỉnh; quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình; kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Kiểm định an toàn đập; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường; báo cáo đầu tư xây dựng công trình; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các công trình sau: dân dụng, năng lượng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi...

## 2. Địa bàn kinh doanh:

Công ty là doanh nghiệp tư vấn hàng đầu của Ngành điện Việt Nam, đã và đang thực hiện toàn bộ công tác tư vấn thiết kế, khảo sát, thí nghiệm... và là tư vấn chính cho nhiều dự án công trình điện quan trọng, quy mô lớn, phức tạp của Việt Nam cũng như ở CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia...

## 3. Các dự án điển hình:

Dự án thủy điện: Sơn La công suất 2400 MW, đập bê tông đầm lăn cao 138m; Bản Vẽ công suất 320MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Tuyên Quang công suất 342MW, đập đá đổ bản mặt bê tông, cao 92m; Lai Châu công suất 1200MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m, ngày 14/12/2015 tổ máy số 1 đã hòa điện thành công vào lưới điện Quốc gia; Luangprabang trên dòng chính sông MeKông (Lào), công suất 1100MW; Hạ Sê San 2 (Campuchia), công suất 400MW; Sông Bung 2, Khe bố, Huội quang, Thác Bà, Nậm Mô, Nậm Ban 2 và 3, Nhận Hạc, Pắc Ma, Sông Ba Hạ, Thác Mơ mở rộng, Xekaman 3, Bản Chát, AnKhê-KaNak, Bản Vẽ, Bảo Lâm 1, Trung Thu...

Ngày 14/12/2015 tổ máy số 1 Thủy điện Lai Châu chính thức hòa vào lưới điện quốc gia, sớm trước 1 năm so với yêu cầu của Quốc hội đề ra.

Dự án hồ chứa: hồ chứa nước Đập Hàn, Nước Trong...

Dự án nhiệt điện: Uông Bí MR1,2 tổng công suất 600MW; Quảng Ninh 1,2 tổng công suất 1200MW; Thái Bình 1 công suất 600MW; Thái Bình 2 tổng công suất 1200MW; Dung Quất tổng công suất 1200 MW; Mông Dương 1 tổng công suất 1080 MW; Mông Dương 2 tổng công suất 1120 MW; Nghi Sơn 1 tổng công suất 600 MW; Nghi Sơn 2 tổng công suất 1200MW; Nhiệt điện Nông Sơn, Nhiệt điện Vũng Áng 3.1; Nhiệt điện Long Phú 2; Báo cáo đánh giá tiềm năng địa nhiệt cho phát triển tại Việt Nam...

Dự án lưới điện: Đường dây và trạm đồng bộ 500kV Bắc Nam mạch 1, 2; Đường dây 500 kV Sơn La - Lai Châu; Đường dây 500/220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2 và nhiều đường dây, trạm 220kV, 110kV.

Dự án điển hình năm 2015:

- Thủy điện: Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa trong các tình huống xả lũ khẩn cấp Bậc thanh thủy điện Sông Đà - GD1; Nậm Mô 2; Thượng Kom Tum; Long Tạo; Nậm Cùn; Thành Sơn...
- Nhiệt điện: Long Phú 1; Quảng Ninh 3; Sông Hậu 1...
- Lưới điện: Đường dây 500/220 kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín; Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500 kV, 220 kV khu vực miền Bắc; Nâng công suất TBA 500 kV Sơn La; TBA 220 kV Bảo Lâm, Thanh Uyên, Sơn Tây...

Đội ngũ chuyên gia và kỹ sư của Công ty có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, được thử thách từ thực tế các dự án trong nước, quốc tế và có nhiều thời gian làm việc với chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu của các công ty tư vấn nổi tiếng quốc tế.

Công ty luôn đi đầu ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến của thế giới, ứng dụng các phần mềm tính toán hiện đại, đổi mới các thiết bị thí nghiệm vào công tác tư vấn thiết kế các công trình, đặc biệt là công trình ở vùng có động đất mạnh, địa chất phức tạp, hồ chứa có dung tích nước lớn, nhà máy điện ngầm và hồ với công suất lớn, tiêu biểu là:

Thiết kế đập đá đổ bản mặt bê tông là công nghệ mới mà Công ty đưa vào áp dụng đầu tiên tại Việt Nam và đã thành công tại dự án Thủy điện Tuyên Quang, đã đưa hồ chứa vào vận hành sớm 2 năm và giảm chi phí hàng trăm tỉ đồng. Với việc lựa chọn công nghệ bê tông đầm lăn (RCC) cho đập Thủy điện Sơn La cho phép đưa tổ máy số 1 vào vận hành sớm 2 năm và hoàn thành công trình sớm 3 năm so với kế hoạch được duyệt... Công nghệ RCC đã và đang được thực hiện cho đập thủy điện Plei Krông, Bản Vẽ, Bản Chát, Lai Châu và một số thủy điện khác;

Tính toán lựa chọn tối ưu các công nghệ lò hơi phù hợp với đặc thù chất lượng than Việt Nam và thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường;

Tính toán phân tích hệ thống, lựa chọn thiết bị đồng bộ cho thiết kế đường dây, trạm biến áp, nhà máy điện có điện áp đến 500kV. Thiết kế trạm GIS điện áp đến 500kV;

Các thiết bị khảo sát địa hình, địa chất, địa vật lý hiện đại có độ chính xác cao. Khảo sát địa chất theo phương pháp đo địa chấn khúc xạ để xác định điều kiện địa chất nền, các thông số sóng dọc, sóng ngang, mô đun khối, mô đun đàn hồi động, mô đun trượt động... cho tính toán động đất và thiết kế công trình, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của nền và vật liệu để phục vụ thiết kế công trình;

Công tác nghiên cứu, thí nghiệm vật liệu bê tông đã có bước đột phá, đã áp dụng kinh nghiệm và các tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trong việc lựa chọn cấp phối liên tục, cho phép khắc phục những khó khăn về kỹ thuật để đổ bê tông khối lớn với tốc độ nhanh, đáp ứng yêu cầu an toàn, kinh tế và giảm thời gian xây dựng;

Các dự án do Công ty thực hiện luôn đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng, góp phần kịp thời cung cấp nguồn điện năng phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Công ty đã được Nhà nước trao tặng Danh hiệu anh hùng lao động, Huân chương độc lập hạng nhì, nhiều Huân chương lao động và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Để phát triển bền vững, Công ty đã đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Sông Bung 5 với hình thức đầu tư là Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh. Dự án với công suất 57MW, điện lượng bình quân năm 230,34 triệu kWh, dự án được xây dựng trên Sông Bung thuộc địa phận huyện Nam Giang và Đông Giang tỉnh Quảng Nam. TM1 đã phát điện thương mại từ ngày 28/12/2012; TM2 đã phát điện thương mại từ ngày 19/07/2013.

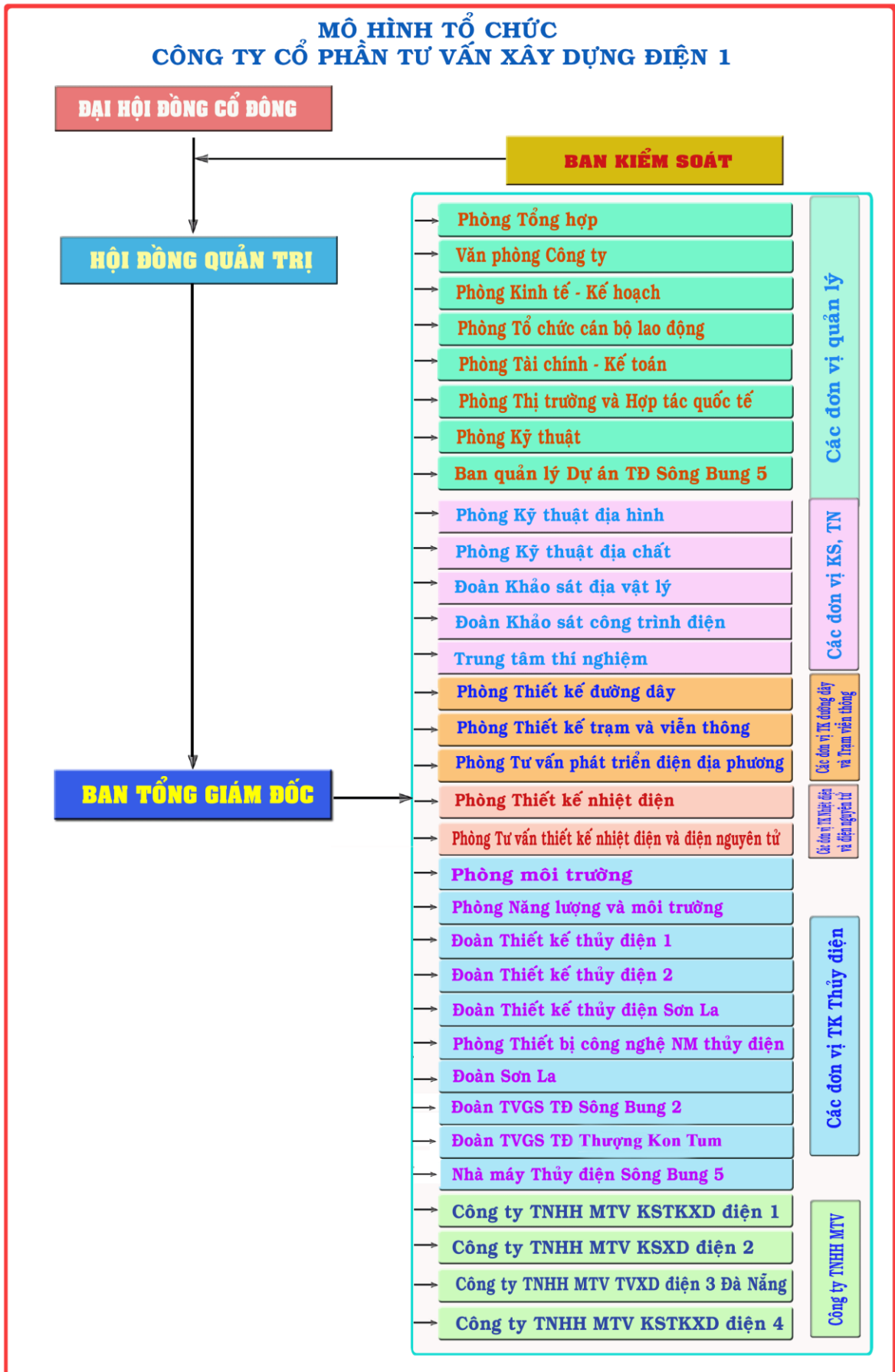
Năm 2013 doanh thu bán điện: 172,257 tỷ đồng; Năm 2014 doanh thu bán điện: 127,979 tỷ đồng; Năm 2015 doanh thu bán điện: 158,863 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2014.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới trang thiết bị công nghệ, đầu tư nguồn lực để thực hiện các dự án điện năng lượng tái tạo, dự án điện hạt nhân nhằm cung cấp dịch vụ kỹ thuật tốt nhất cho khách hàng, đồng thời với việc đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Sông Bung 5 hiệu quả sẽ góp phần nâng cao thương hiệu mạnh PECC 1, nâng cao giá trị công ty, xây dựng Công ty phát triển bền vững



**IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**1. Mô hình quản trị**



## 2. Cơ cấu bộ máy quản lý

### 2.1 Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển... của Công ty theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai nhiệm kỳ đại hội.

### 2.2 Hội đồng quản trị:

Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo Quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

Ông Lê Minh Hà	- Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tài Sơn	- Thành viên
Ông Phạm Viết Hùng	- Thành viên
Ông Phạm Nguyên Hùng	- Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	- Thành viên

### 2.3 Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát Công ty:

Ông Thạch Văn Năng	- Trưởng ban (đến ngày 24/04/2015)
Bà Trịnh Thúy Quỳnh	- Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 11/05/2015)
(Bà Trịnh Thúy Quỳnh được bầu làm thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 24/04/2015)	
Ông Mai Hữu Thung	- Thành viên
Bà Lê Thị Ngọc Bích	- Thành viên

### 2.4 Ban Tổng Giám đốc:

Bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Danh sách Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm:

Ông Nguyễn Tài Sơn	- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hoài	- Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/02/2015)
(Kể từ ngày 01/02/2015 Ông Phùng Văn Hoài nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí)	
Ông Phạm Nguyên Hùng	- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hoàng Cầm	- Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/08/2015)

### 2.5 Các phòng chức năng

- Phòng Tổng hợp

Phòng Tổng hợp là đơn vị có chức năng trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị công ty, thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc công ty, những Người đại

điện phần vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Công ty Mẹ, Cổ đông Nhà nước đồng thời là cổ đông lớn nắm giữ cổ phần chi phối) trong việc quản lý, điều hành công ty.

- Văn phòng Công ty

Văn phòng là bộ phận tham mưu của lãnh đạo Công ty thực hiện nhiệm vụ quản lý các lĩnh vực công tác hành chính, quản trị, thi đua khen thưởng, y tế, phục vụ, bảo vệ cơ quan Công ty; công tác quản lý phương tiện giao thông và văn phòng phẩm.

- Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch có chức năng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kế hoạch, thống kê về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng; kinh doanh điện năng và dịch vụ khách hàng; xúc tiến đầu tư và theo dõi các dự án đầu tư xây dựng; công tác đấu thầu.

- Phòng Tổ chức cán bộ lao động

Phòng TCCB LĐ có chức năng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo quản trị, đào tạo nhân sự; quản lý lao động, công tác tiền lương, chế độ và chính sách đối với người lao động; thanh tra, bảo vệ, pháp chế; thi đua, tuyên truyền; công tác kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động.

- Phòng Kỹ thuật

Phòng Kỹ thuật có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác quản lý chất lượng; kỹ thuật công nghệ; công tác sáng kiến; cải tiến kỹ thuật, thư viện và lưu trữ kỹ thuật, công tác thông tin và công nghệ tin học. Chủ trì tổ chức, đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan lập hồ sơ chào thầu, giải quyết thủ tục, đăng ký, tham dự đấu thầu dự án, công trình.

- Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; xúc tiến và quản lý công tác đầu tư tài chính; chi trả lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Phòng Thị trường và hợp tác quốc tế

Phòng Thị trường và hợp tác quốc tế có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý công tác đánh giá tiềm năng, nghiên cứu phát triển thị trường và điều hành công việc trong các lĩnh vực tư vấn hợp tác quốc tế.

## 2.6 Các đơn vị sản xuất thuộc Công ty

### 2.6.1. Các đơn vị kỹ thuật, khảo sát, thí nghiệm

- ✓ Phòng Kỹ thuật địa hình
- ✓ Phòng Kỹ thuật địa chất
- ✓ Đoàn Khảo sát địa vật lý
- ✓ Đoàn Khảo sát công trình điện
- ✓ Trung tâm thí nghiệm

### 2.6.2. Các đơn vị thiết kế đường dây, trạm và viễn thông

- ✓ Phòng Thiết kế đường dây
- ✓ Phòng Tư vấn phát triển điện địa phương
- ✓ Phòng Thiết kế trạm và viễn thông

### 2.6.3. Các đơn vị thiết kế nhiệt điện và điện nguyên tử

- ✓ Phòng Thiết kế nhiệt điện

- ✓ Phòng Tư vấn thiết kế nhiệt điện và điện nguyên tử

#### 2.6.4. Các đơn vị thiết kế thủy điện

- ✓ Phòng Năng lượng và môi trường
- ✓ Đoàn Thiết kế thủy điện 1
- ✓ Đoàn Thiết kế thủy điện 2
- ✓ Đoàn Thiết kế thủy điện Sơn La
- ✓ Phòng Thiết bị công nghệ nhà máy thủy điện
- ✓ Đoàn Sơn La
- ✓ Phòng Môi trường
- ✓ Đoàn Tư vấn giám sát công trình thủy điện Sông Bung 2
- ✓ Đoàn Tư vấn giám sát công trình thủy điện Thượng Kom Tum

#### 2.6.5. Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 5

#### 2.6.6. Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

### 3. Các công ty TNHH một thành viên do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện làm chủ sở hữu (Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ 100%; Quyền biểu quyết của Công ty mẹ 100%)

#### 3.1. Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 1

- Trụ sở đăng ký: Km2 đường Phùng Hưng, phường Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.22.148.501 Fax: 04.33.542.806
- Email: pidc1@pecc1.com.vn
- Vốn điều lệ: 17.102.000.000 đồng (\*)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104005901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/04/2009. Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 21.600.000.000 đồng.

- Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Huỳnh Phong; Sinh năm: 1961- Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

(\*) Quyết định số 509/QĐ-TVĐ1-P4 ngày 01/12/2009 của HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 về việc: điều chỉnh giảm vốn - giao vốn điều lệ cho Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 1

#### 3.2. Công ty TNHH một thành viên khảo sát xây dựng điện 2

- Trụ sở đăng ký: Số 8/2 đường Phan Đình Phùng, phường Tây Sơn, PleiKu, Gia Lai.
- Điện thoại: 059. 3873.669
- Email: picc2@pecc.com.vn
- Vốn điều lệ: 4.870.000.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 25/02/2009; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18/09/2012.

- Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Văn Tân; Sinh năm: 1962 - Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

#### 3.3. Công ty TNHH một thành viên Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng

- Trụ sở đăng ký: Số 503 Núi Thành, phường Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0511.3611.320 – 0511.3620.074 Fax: 0511.3611.325
- Email: tvxddien3dn@vnn.vn
- Vốn điều lệ: 6.517.000.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401429815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 21/06/2011.

- Người đại diện theo pháp luật:  
Họ và tên: Từ Văn Đông; Sinh năm: 1962 - Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

### 3.4. Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 4

- Trụ sở đăng ký: Số 599 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.22.148.243 Fax: 04.38.546.167
- Email: pidc4@pecc1.com.vn
- Vốn điều lệ: 6.060.000.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104005649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/03/2009; Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 15/10/2009.

- Người đại diện theo pháp luật:  
Họ và tên: Phạm Anh Tuấn; Sinh năm: 1961 - Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

## B. Tình hình hoạt động trong năm

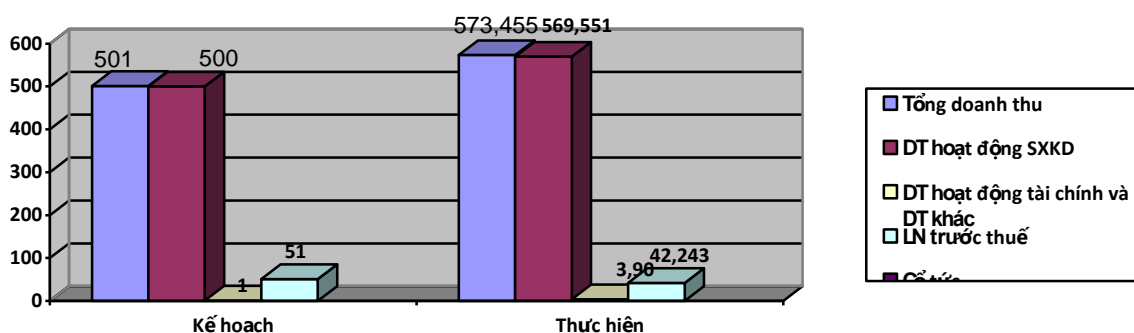
### I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 1. So sánh tình hình thực hiện năm 2015 so với kế hoạch năm 2015

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch SXKD năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	501,000	573,455	114,46%
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD	500,000	569,551	113,68%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	0,600	3,627	604,58%
1.3	Doanh thu khác	0,400	0,277	69,30%
2	Lợi nhuận trước thuế	51,000	42,243	82,83%
3	Lợi nhuận trước thuế /doanh thu	10,18%	7,37%	

Biểu đồ so sánh tình hình thực hiện năm 2015 so với kế hoạch năm 2015



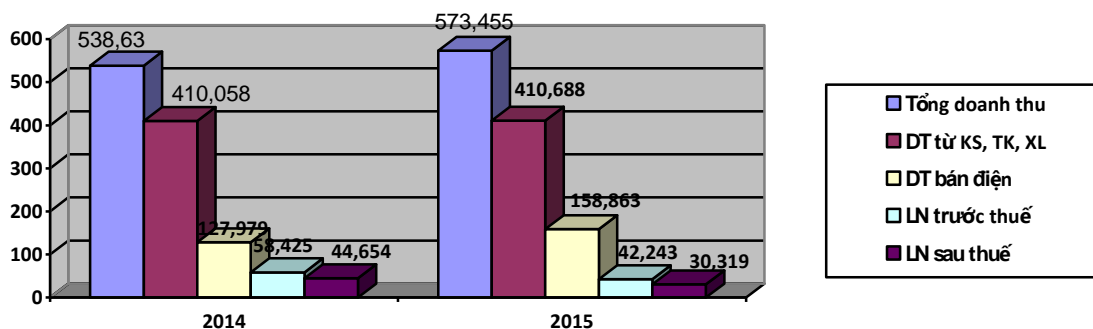
Bảng 2. So sánh tình hình hoạt động SXKD năm 2015 so với năm 2014

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	538,630	573,455	106,47%
1.1	Doanh thu KS, TK, XL	410,058	410,688	100,15%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	0,361	3,627	1005,20%
1.3	Doanh thu khác	0,232	0,277	109,61%

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ %
1.4	Doanh thu bán điện	127,979	158,863	124,13%
2	Lợi nhuận trước thuế	58,425	42,243	72,30%
3	Lợi nhuận sau thuế	44,654	30,319	67,90%
4	Lợi nhuận sau thuế /doanh thu	8,29%	5,29%	

Biểu đồ so sánh tình hình hoạt động SXKD năm 2015 so với năm 2014



Bảng 3. Tình hình sử dụng vốn

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn vốn	Tại ngày 01/01/2015	Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Tại ngày 31/12/2015
		Quý 4 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo	Quý 4 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo	
A	B	1	2	3	4	C
1. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	333,474	8,973	31,392	0	44,738	320,127
3. Nguồn vốn vay	1.222,412	177,501	511,285	178,203	490,082	1.243,616
4. Nguồn vốn khác	351,380	95,547	262,436	65,955	245,841	367,975
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,907,266</b>	<b>282,022</b>	<b>805,113</b>	<b>244,158</b>	<b>780,661</b>	<b>1.931,718</b>

**Đánh giá:**

So với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 được ĐHDCTD thường niên năm 2015 thông qua ngày 24/4/2015: Công ty đạt 573,455 tỷ đồng doanh thu tăng 72,455 tỷ đồng tỷ lệ tăng là 15%; doanh thu bán điện đạt 158,863 tỷ đồng, giảm 9%; Lợi nhuận trước thuế 42,243 tỷ đồng, giảm 17,17% với giá trị giảm 8,757 tỷ đồng.

Các nguyên nhân dẫn đến doanh thu bán điện Sông Bung 5 thực hiện giảm so với kế hoạch là do: Sự biến đổi khí hậu đã làm cho lượng mưa trong lưu vực giảm, chỉ đạt khoảng

65% so với lượng mưa trung bình nhiều năm trước; thủy điện Sông Bung 4 ở bậc trên thủy điện Sông Bung 5 tích nước để phát điện vào cuối quý 4/2014 và đầu quý 1/2015; theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1537/QĐ-TTg ngày 07/9/2015, hàng năm để đảm bảo yêu cầu giảm lũ cho hạ du, mực nước đón lũ của các hồ thủy điện bậc trên Sông Bung 5 là A Vương, Đawk Mi 4, Sông Tranh 2 và Sông Bung 5 còn phải đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông và nhu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du trong mùa cạn.

Năm 2015, doanh thu của công ty vượt 34,825 tỷ đồng so với năm 2014, tỷ lệ tăng là 6,47%, trong đó doanh thu bán điện tăng 30,884 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế giảm 14,335 tỷ đồng tương ứng với mức giảm là 32,10%.

Tình hình sử dụng vốn của công ty năm 2015 không có sự biến động nhiều so với năm 2014, tuy nhiên cần lưu ý là vốn chủ sở hữu của công ty chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ chưa tới 16,6% so với tổng nguồn vốn, điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được tài trợ chủ yếu từ vốn vay do đó ảnh hưởng đến khả năng cân đối tài chính của công ty.

Căn cứ kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua thì tỷ lệ trả cổ tức năm 2015 là 12,5% trong điều kiện tổng lợi nhuận trước thuế phải đạt 51 tỷ đồng, tuy nhiên tình hình thực tế cho thấy tổng lợi nhuận trước thuế năm 2015 chỉ đạt 42,243 tỷ đồng, lợi nhuận ròng của công ty là 30,319 tỷ đồng, sau khi trích lập các quỹ và giảm trừ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện thì dự kiến nguồn lợi nhuận còn lại để chi trả cổ tức cho các cổ đông công ty là 28,026 tỷ đồng tương ứng với mức cổ tức 10,5%.

Tóm lại: doanh thu năm 2015 tăng so với năm 2014 chủ yếu là do doanh thu bán điện tăng (doanh thu bán điện đóng góp đến 88% phần doanh thu tăng thêm); lợi nhuận giảm có nhiều lý do nhưng chủ yếu là do giá vốn và các loại chi phí đều tăng mạnh. Mặt khác tốc độ tăng tổng doanh thu không thể bù đắp được tốc độ tăng tổng chi phí, cụ thể: trong khi tổng doanh thu năm 2015 tăng 34,825 tỷ đồng (tỷ lệ tăng là 6,47%) thì tổng chi phí tăng đến 51,007 tỷ đồng (tỷ lệ tăng là 10,62%) nên năm 2015 công ty chỉ đạt 42,243 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, giảm 27,70% so với cùng kỳ; lợi nhuận ròng đạt 30,319 tỷ đồng, bằng 67,9% so với năm 2014 và chỉ thực hiện được 82,83% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Chi tiết như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2015/năm 2014	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	538,630	573,455	34,825	106,47%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	538,037	569,551	31,513	
	<i>Trong đó: Doanh thu bán điện</i>	<i>127,979</i>	<i>158,863</i>	<i>30,884</i>	
	- Doanh thu hoạt động tài chính	0,361	3,627	3,267	
	- Thu nhập khác	0,232	0,277	0,045	
2	Tổng chi phí	480,205	531,212	51,007	110,62%
	- Giá vốn hàng bán	326,629	353,851	27,222	
	- Chi phí tài chính	109,766	111,594	1,828	
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	38,199	50,090	11,891	
	- Chi phí khác	5,611	15,678	10,067	
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	58,425	42,243	-16,182	72,30%
4	Thuế TNDN	13,772	11,925	-1,847	
5	Lợi nhuận ròng	44,654	30,319	-14,335	67,90%

**Bảng 4. Bảng cân đối kế toán**
*Đơn vị tính: tỷ đồng*

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 31/12/2015	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100	863,470	909,115	45,645	105%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	47,117	29,503	-17,614	63%
1. Tiền	111	47,117	29,503		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	419,966	408,435	-11,531	97%
1. Phải thu khách hàng	131	376,126	352,419		
2. Trả trước cho người bán	132	10,230	16,646		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	33,162	39,370		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	0,448	0		
IV. Hàng tồn kho	140	396,325	471,115	74,790	119%
1. Hàng tồn kho	141	396,325	471,115		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	0,062	0,062		
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	0,062	0,062		
<b>B-TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200	1.043,796	1.022,603	-21,193	98%
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	94,835	85,251	-9,584	90%
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	78,496	72,739		
2. Trả trước cho người bán	212	21,070	17,410		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-4,731	-4,898		
II. Tài sản cố định	220	934,972	928,023	-6,949	99%
1. Tài sản cố định hữu hình	221	916,542	903,918		
- Nguyên giá	222	1.102,950	1.138,618		
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	-186,408	-234,700		
3. Tài sản cố định vô hình	227	18,430	24,105		
- Nguyên giá	228	27,544	35,255		



TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 31/12/2015	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-9,114	-11,149		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	4,682	2,280		
2. Chi phí xây dựng dở dang	242	4,682	2,280		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	9,307	7,048	-2,259	76%
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9,307	7,048		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>	<b>1.907,266</b>	<b>1.931,718</b>	<b>24,452</b>	<b>101%</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 31/12/2015	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.573,792</b>	<b>1.611,590</b>	<b>37,798</b>	<b>102%</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	858,179	927,759	69,580	108%
1. Phải trả người bán	311	62,923	30,221		
2. Người mua trả tiền trước	312	45,519	44,912		
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	59,317	39,928		
4. Phải trả người lao động	314	85,263	90,970		
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	315	2,516	2,874		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	13,578	35,334		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	46,036	47,357		
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	537,273	628,981		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5,755	7,183		
II. Nợ dài hạn	330	715,613	683,832	-31,782	96%
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17,506	56,036		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	12,968	13,161		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	685,139	614,634		
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>333,474</b>	<b>320,127</b>	<b>-13,346</b>	<b>96%</b>

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 31/12/2015	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
I. Vốn chủ sở hữu	410	333,224	320,127		
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	266,913	266,913		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	21,157	22,230		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0,5	0,5		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	44,654	30,484		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0,25	0		
1. Nguồn kinh phí	431	0,25	0		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>	<b>1.907,266</b>	<b>1.931,718</b>	<b>24,452</b>	<b>101%</b>

**Bảng 5. Nợ phải thu - phải trả**  
*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Diễn giải	Số tiền	Stt	Diễn giải	Số tiền
A	Nợ phải thu	493.685.698.770	B	Nợ phải trả	1.611.590.306.854
I	Phải thu ngắn hạn	408.434.737.203	I	Nợ ngắn hạn	927.758.566.398
1	Phải thu khách hàng	352.418.631.976	1	Vay và nợ thuê tài chính	628.981.162.776
	<i>Trong đó</i>		1.1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	191.810.428.222
1.1	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 1	15.118.820.359	1.2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	49.347.157.184
1.2	Công ty TNHH MTV KSD Điện 2	17.628.856.050	1.3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	12.490.033.575
1.3	Công ty TNHH MTV KSD Điện 3	24.685.129.635	1.4	Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	70.000.000.000
1.4	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	26.852.357.281	1.5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	25.056.104.214
1.5	Công ty mẹ	268.133.468.651	1.6	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	7.800.938.413
2	Trả trước cho người bán	16.646.242.724	1.7	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thanh Xuân	1.558.603.954
3	Phải thu khác	39.369.862.503	1.8	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	3.680.000.000
II	Phải thu dài hạn	85.250.961.567	1.9	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thanh Xuân	920.194.056
1	Phải thu khách hàng	72.739.150.073	1.10	Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên trong Công ty	266.317.703.158

	<i>Trong đó</i>	
1.1	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 1	11.817.450.020
1.2	Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 2	0
1.3	Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 3	0
1.4	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	0
1.5	Công ty mẹ	60.921.700.053
2	Trả trước cho người bán	17.409.624.442
3	Dự phòng phải thu khó đòi	-4.897.812.948

2	Phải trả người bán	30.220.727.168
3	Người mua trả tiền trước	44.911.551.317
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	39.927.511.592
5	Phải trả người lao động	90.969.510.716
6	Chi phí phải trả	2.874.264.081
7	Phải trả nội bộ	35.333.888.711
8	Các khoản phải trả khác	47.356.879.372
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.183.070.665
II	Nợ dài hạn	683.831.740.456
1	Phải trả người bán dài hạn	56.036.237.515
2	Người mua trả tiền trước	13.161.059.185
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	614.634.443.756
	<i>Trong đó:</i>	
3.1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	613.139.443.756
3.2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	1.495.000.000

Năm 2015 các khoản phải thu là 493,686 tỷ đồng, trong đó các khoản phải thu ngắn hạn là 408,435 tỷ đồng, các khoản phải thu dài hạn là 85,251 tỷ đồng; phải thu khách hàng ngắn hạn là 352,419 tỷ đồng, trong đó: Công ty mẹ là 268,133 tỷ đồng; Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 1 là 15,119 tỷ đồng; Công ty TNHH một thành viên khảo sát xây dựng điện 2 là 17,629 tỷ đồng; Công ty TNHH một thành viên tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng là 24,685 tỷ đồng và Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 4 là 26,852 tỷ đồng so với năm 2014; tình hình thu nợ của khách hàng năm 2015 đã tích cực, tuy nhiên nợ đọng từ các chủ đầu tư còn nhiều, năm 2015 công ty đã chủ động thu hồi công nợ khách hàng do EVN nắm quyền chi phối. Mặt khác các khoản nợ từ những năm trước do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, Nhà nước cắt giảm đầu tư công, do đó các chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc thu xếp vốn để thanh toán cho công ty. Do nợ phải thu của khách hàng còn nhiều nên công ty gặp khó khăn về tài chính.

Năm 2015 Công ty đã cơ cấu lại các khoản vay, giảm các khoản vay có lãi suất cao, tăng các khoản vay có lãi suất thấp hơn, do đó chi phí lãi vay năm 2015 giảm trên 3 tỷ với năm 2014 (năm 2015 chi phí lãi vay là 106,618 tỷ đồng, năm 2014 là 109,745 tỷ đồng).

Năm 2015 nợ phải trả của Công ty là 1.611,590 tỷ đồng tăng 37,798 tỷ đồng so với năm 2014, trong đó nợ ngắn hạn là 927,759/858,179 tỷ, tăng 69,580 tỷ (tăng 8%), nợ dài hạn 683,832/715,613 tỷ đồng giảm 31,782 tỷ (giảm 4%).

Công ty là chủ đầu tư dự án thủy điện Sông Bung 5; hình thức đầu tư: Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh, hạn mức tín dụng ngân hàng cam kết với Công ty để đầu tư nhà máy thủy điện Sông Bung 5 là 900 tỷ đồng, thời hạn vay là 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng thời kỳ. Số dư gốc vay đến 31/12/2015 là 649,140 tỷ đồng.

Năm 2015 là năm rất nhiều khó khăn, các chủ đầu tư khó khăn về vốn, nợ công ty nhiều. Để đáp ứng nhu cầu về vốn cho sản xuất, đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 5 và trả lương cho người lao động công ty đã phải vay nhiều, đến ngày 31/12/2015 vay và nợ thuê tài chính (ngắn hạn+dài hạn) của công ty là 1.243,616 tỷ đồng, trong đó vay ngân hàng là 977,298 tỷ đồng; các khoản vay với cán bộ công nhân viên trong Công ty là 266,318 tỷ đồng.

+ Thu nhập bình quân năm 2015 đạt 9,468 triệu đồng/người/tháng

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015

+ Lợi nhuận trước thuế : 42,243 tỷ đồng/51 tỷ đồng kế hoạch

+ Lợi nhuận sau thuế : 30,319 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 30,319 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế thu nhập còn lại chưa phân phối là 30,276 tỷ đồng, dự kiến được phân phối như sau: (1) Trích lập các quỹ Công ty và để lại năm sau vào khoảng 2,25 tỷ đồng; và (2) Trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông khoảng 28,026 tỷ đồng (01 cổ phiếu được nhận 1.050 đồng).



CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 5  
(Chính thức hòa lưới điện quốc gia tháng 7/2012)

## II. Tổ chức và nhân sự

### 1. Danh sách Hội đồng quản trị

#### 1.1. Ông Lê Minh Hà - Chủ tịch HĐQT

- Ông Lê Minh Hà sinh năm 1958 tại Nghệ An; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán.
- Quá trình công tác:
  - 1977-1985: Đi bộ đội đến năm 1981 ra quân về học Đại học Tài chính Kế toán
  - 1986-06/2002: Công tác tại phòng Tài chính Kế toán
  - 07/2002-2007: Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng
  - 01/2008-01/2013: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng
  - 02/2013-04/2013: Phó chủ tịch HĐQT, Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng

- 05/2013-nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 8.513.252 cổ phần tương đương với: 31,9 % vốn điều lệ
- Trong đó:*
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 2.711.561 cổ phần tương đương với: 10,16 % vốn điều lệ
  - + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán đại diện cho EVN: 5.801.691 cổ phần tương đương với: 21,74 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
  - Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không
- 1.2. Ông Nguyễn Tài Sơn - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (TGD)
- Ông Nguyễn Tài Sơn sinh năm 1958 tại Thanh Hóa; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy công thủy điện.
  - Quá trình công tác:
    - 1982-1985: Kỹ sư Công ty khảo sát thiết kế điện 1
    - 1985-1987: Trợ lý kỹ thuật Viện kỹ thuật cơ giới quân sự
    - 1987-2007: Trưởng đoàn thiết kế, Phó Giám đốc
    - 01/2008-11/2011: Phó TGD
    - 11/2011-03/2012: Phó TGD điều hành
    - 03/2012-nay: TV.HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1
  - Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 4.406.309 cổ phần tương đương với: 16,51 % vốn điều lệ
- Trong đó:*
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 53.754 cp tương đương với: 0,2 % vốn điều lệ
  - + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán đại diện cho EVN: 4.351.268 cổ phần tương đương với: 16,30 % vốn điều lệ
  - + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Vợ Nguyễn Trà My sở hữu 1.287 cổ phần tương đương với: 0,01 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không
- 1.3. Ông Phạm Viết Hùng - Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Viết Hùng sinh năm 1963 tại Sơn La; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy điện.
  - Quá trình công tác:
    - 10/1986-07/2006: Công tác tại Công ty Tư vấn xây dựng điện 1
    - 07/2006-10/2008: Chuyên viên Ban Thẩm định – EVN
    - 10/2008-02/2009: Chuyên viên Ban Quản lý đầu tư – EVN
    - 02/2009-nay: Phó trưởng Ban Quản lý đầu tư – EVN
  - Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 4.354.765 cổ phần tương đương với: 16,32 % vốn điều lệ
- Trong đó:*
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 3.497 cp tương đương với: 0,01 % vốn điều lệ
  - + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán đại diện cho EVN: 4.351.268 cổ phần tương đương với: 16,30 % vốn điều lệ
  - + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không
- 1.4. Ông Phạm Nguyên Hùng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Nguyên Hùng sinh năm 1972 tại Hải Dương; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật.

- Quá trình công tác:
  - 1995-2005: Đoàn Thiết kế thủy điện 1
  - 2005-2008: Phó trưởng Đoàn Thiết kế thủy điện 1
  - 2009-04/2013: Trưởng Đoàn Thiết kế thủy điện 1
  - 04/2013-01/2014: Thành viên HĐQT, Trưởng Đoàn Thiết kế thủy điện 1
  - 01/2014-nay: TV. HĐQT, Phó TGD kiêm Trưởng Đoàn Thiết kế thủy điện 1
- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó TGD kiêm Trưởng Đoàn Thiết kế thủy điện 1 Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 36.020 cổ phần tương đương với: 0,13 % vốn điều lệ

*Trong đó:*

- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân 36.020 cp tương đương với: 0,13 % vốn điều lệ
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- + Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

#### 1.5. Ông Lê Minh Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Ông Lê Minh Tuấn sinh năm 1973 tại Hà Nội; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư nhiệt.

- Quá trình công tác:
  - 2007-2008: Phòng Thiết kế Nhiệt điện
  - 2008-04/2013: Trưởng phòng Tư vấn thiết kế Nhiệt điện và Điện nguyên tử
  - 04/2013-01/2014: TV. HĐQT, TP Tư vấn thiết kế Nhiệt điện và Điện nguyên tử
  - 01/2014-nay: TV. HĐQT, Phó TGD kiêm TP Tư vấn thiết kế Nhiệt điện và Điện nguyên tử
- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó TGD kiêm Trưởng phòng Tư vấn thiết kế Nhiệt điện và Điện nguyên tử Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 194.412 cổ phần tương đương với: 0,73 % vốn điều lệ

*Trong đó:*

- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 194.412 cổ phần tương đương với: 0,73 % vốn điều lệ
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- + Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

## 2. Danh sách Ban điều hành

### 2.2.1. Ông Nguyễn Tài Sơn - Tổng Giám đốc (xem danh sách HĐQT)

### 2.2.2. Ông Phùng Văn Hoài - nguyên Phó Tổng Giám đốc

(Kể từ ngày 01/02/2015 Ông Phùng Văn Hoài nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí)

- Ông Phùng Văn Hoài sinh năm 1955 tại Hà Nội; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình.

- Quá trình công tác:
  - 09/1976-04/1994: Kỹ sư ĐCCT, Đoàn khảo sát Sông Đà
  - 04/1994-04/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Địa chất
  - 04/2009-01/2015: Phó TGD Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1
  - 01/2015-nay: Nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 11.227 cổ phần tương đương với: 0.04 % vốn điều lệ

*Trong đó:*

- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 5.337 cp tương đương với: 0.02 % vốn điều lệ
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Con Phùng Thu Hương sở hữu 5.890 cổ phần tương đương với: 0,02 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

### 2.2.3. Ông Phạm Nguyên Hùng - Phó Tổng Giám đốc (xem danh sách HĐQT)

2.2.4. Ông Lê Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc (xem danh sách HĐQT)

2.2.5. Ông Đặng Hoàng Cầm - Phó Tổng Giám đốc

(Ông Đặng Hoàng Cầm được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 10/08/2015)

- Ông Đặng Hoàng Cầm sinh năm 1962 tại Nghệ An; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Thạc sỹ, Kỹ sư chính địa chất công trình-địa chất thủy văn.

• Quá trình công tác:

06/1985-02/1994:	Xí nghiệp khảo sát xây dựng Điện 3
02/1994-07/2002:	Công ty Tư vấn xây dựng điện 1
07/2002-11/2011:	Phó phòng (trung tâm) thí nghiệm
12/2011-08/2015:	Trưởng Trung tâm thí nghiệm
08/2015-nay:	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 5.215 cổ phần tương đương với: 0.02 % vốn điều lệ

*Trong đó:*

- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 5.215 cp tương đương với: 0.02 % vốn điều lệ
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- + Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

2.2.6. Bà Vũ Thị Hải - nguyên Quyền Kế toán trưởng

(Kể từ ngày 01/01/2015 Bà Vũ Thị Hải nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí)

2.2.7. Ông Nguyễn Hồng Tuấn - Quyền Kế toán trưởng

(Ông Nguyễn Hồng Tuấn được bổ nhiệm Quyền Kế toán trưởng kể từ ngày 01/01/2015)

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn sinh năm 1972 tại Hải Dương; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

• Quá trình công tác:

12/1996-1998:	Công ty Tư vấn xây dựng điện 1
1999-06/2014:	Chuyên viên Phòng TCKT
06/2014-12/2014:	Phó trưởng phòng TCKT
01/2015-nay:	Phó trưởng phòng TCKT phụ trách phòng TCKT kiêm Quyền Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1

- Chức vụ hiện tại: Phó trưởng phòng TCKT phụ trách phòng TCKT kiêm Quyền Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 793.064 cổ phần tương đương với: 2,97 % vốn điều lệ

*Trong đó:*

- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân 687.994 cp tương đương với: 2,58 % vốn điều lệ
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Vợ Trần Thị Minh Hậu sở hữu 105.070 cổ phần tương đương với: 0,39 % vốn điều lệ.

- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

***Những thay đổi trong ban điều hành***

- Ông Phùng Văn Hoài, Phó Tổng Giám đốc nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/02/2015
- Bà Vũ Thị Hải, Quyền Kế toán trưởng nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/01/2015
- Ông Nguyễn Hồng Tuấn được bổ nhiệm Quyền Kế toán trưởng kể từ ngày 01/01/2015
- Ông Đặng Hoàng Cầm được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 10/08/2015

### 3. Ban kiểm soát

#### 3.1. Ông Thạch Văn Năng - Trưởng BKS (đến ngày 24/04/2015)

- Ông Thạch Văn Năng sinh năm 1961 tại Hà Nội; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0 cổ phần tương đương với: 0,00 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

#### 3.2. Bà Trịnh Thúy Quỳnh - Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 11/05/2015)

- Bà Trịnh Thúy Quỳnh sinh năm 1980 tại Hà Nội; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - 06/2002-09/2004: Công ty dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán AASC
  - 09/2004-03/2005: Công ty thông tin viễn thông điện lực
  - 04/2005-03/2013: Chuyên viên, phó trưởng ban tổng hợp - EVN
  - 03/2013-nay: Phó trưởng ban quản lý đầu tư vốn – EVN
  - 04/2014-nay: Trưởng BKS Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 2 (kiêm nhiệm)
- Chức vụ hiện tại: Trưởng BKS Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 (kiêm nhiệm)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0 cổ phần tương đương với: 0,00 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

#### 3.3. Bà Lê Thị Ngọc Bích - Thành viên BKS

- Bà Lê Thị Ngọc Bích sinh năm 1966 tại Hà Nội; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán, Thạc sỹ thủy điện
- Quá trình công tác:
  - 03/1988-12/1988: Viện năng lượng và điện khí hóa
  - 01/1989-nay: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1
- Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 157.946 cổ phần tương đương với: 0,59 % vốn điều lệ  
*Trong đó:*
  - + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 157.946 cp tương đương với: 0,59 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

#### 3.4. Ông Mai Hữu Thung - Thành viên BKS

- Ông Mai Hữu Thung sinh năm 1959 tại Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
  - 1978-1986: Đi bộ đội
  - 1986-1990: Học Đại học Tài chính Kế toán TP Hồ Chí Minh
  - 1991-2008: Công tác tại Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam
  - 2008-nay: Công tác tại Công ty cổ phần kho cảng xăng dầu Hàng không Miền Nam
- Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1. Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kho cảng xăng dầu Hàng không Miền Nam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 598.211 cổ phần tương đương với: 2,24 % vốn điều lệ  
*Trong đó:*
  - + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 205.569 cp tương đương với: 0,77 % vốn điều lệ
  - + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Vợ Nguyễn Thị Lượ sở hữu 392.642 cổ phần tương đương với: 1,47 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không



**Những thay đổi trong ban kiểm soát**

- Ông Thạch Văn Năng thôi giữ chức Trưởng ban kiểm soát kể từ ngày 24/04/2015
- Bà Trịnh Thúy Quỳnh giữ chức Trưởng ban kiểm soát kể từ ngày 11/05/2015

**4. Số lượng lao động:**
**4.1. Tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2015**

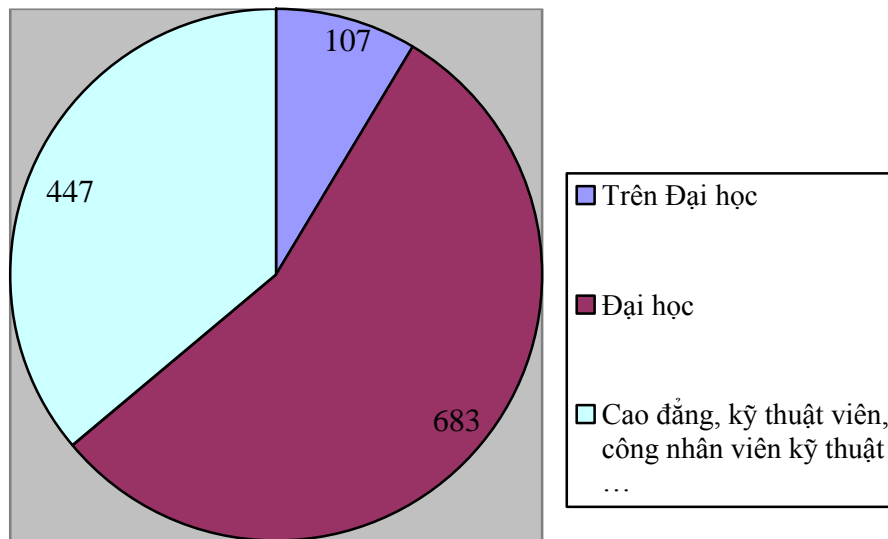
Lao động của toàn Công ty hiện tại là 1237 người, giảm 99 người so với năm 2014, trong đó số lao động có trình độ: Tiến sỹ 3 người, thạc sỹ 104 người, kỹ sư và cử nhân 683 người, số còn lại là cao đẳng, kỹ thuật viên, công nhân viên kỹ thuật. Nhân sự tư vấn thủy điện còn nhiều để đáp ứng công việc hiện tại, trong thời gian tới có thể điều chuyển các nhân sự về chuyên ngành xây dựng, cơ điện sang tư vấn nhiệt điện, lưới điện.

**Bảng 7. Cơ cấu lao động theo đơn vị quản lý**
*Đơn vị tính: người*

Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó					
		Viên chức		Nhân viên		Công nhân kỹ thuật	Hợp đồng thời vụ
		Quản lý	CMNV	CMNV KT	P/vụ, bảo vệ..		
Khối cơ quan công ty	816	82	448	19	10	121	136
Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	155	14	39	9	7	84	2
Công ty TNHH một thành viên khảo sát xây dựng điện 2	115	10	10	9	4	41	35
Công ty TNHH một thành viên tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	65	16	11	6	1	31	0
Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	86	24	31	5	1	11	14
<b>Tổng số</b>	<b>1237</b>	<b>146</b>	<b>539</b>	<b>48</b>	<b>23</b>	<b>288</b>	<b>187</b>

Thu nhập bình quân năm 2015 của người lao động trong công ty đạt khoảng 9,468 triệu đồng/người/tháng tăng khoảng 1,252 triệu đồng/người/tháng so với năm 2014.

Biểu đồ cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo của Công ty năm 2015



#### 4.2. Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn xác định người lao động là nguồn lực quan trọng nhất với sự phát triển bền vững của Công ty. Năm 2015 Công ty tiếp tục đầu tư nguồn kinh phí để tiếp tục đào tạo hàng năm về sử dụng các phần mềm tính toán, an toàn lao động và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

Chế độ tiền lương, tiền thưởng được xây dựng trên các tiêu chí gắn vào hiệu quả thực hiện công việc của người lao động và vị trí công việc. Phần thu nhập tính theo thâm niên công tác chiếm khoảng 30% tổng thu nhập của người lao động; thu nhập tính theo điểm năng suất lao động chiếm 70%, nhờ đó đã kịp thời động viên những người có trình độ, năng lực và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

Hàng năm Công ty duy trì tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, mời tổ chức y tế về khám tại Công ty để tạo điều kiện cho người lao động tham gia, đã phát hiện sớm một số ca bệnh hiểm nghèo để điều trị kịp thời.

Công đoàn Công ty tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch.

Công ty luôn chú trọng xây dựng và phát triển các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Hàng năm đều tổ chức hội thao tạo điều kiện để người lao động giao lưu, gắn bó với nhau trên tinh thần hợp tác, chia sẻ. Tham gia đầy đủ hội thao khối các cơ quan tư vấn của EVN.

### III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 1. Các khoản đầu tư lớn:

##### 1.1. Đầu tư Thủy điện Sông Bung 5

Dự án thủy điện Sông Bung 5 do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 làm chủ đầu tư với phương thức Đầu tư xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh, với công suất 57MW; điện lượng trung bình năm 230,34 triệu kWh.

Đến 31/12/2015, khối lượng xây dựng công trình đã thực hiện khoảng 98%. TM1 đã phát điện thương mại từ ngày 28/12/2012; TM2 đã phát điện thương mại từ ngày 19/07/2013; Năm 2013 đã phát được 174 triệu kWh điện thương mại; Năm 2014 đã phát được 125 triệu kWh điện thương mại; Năm 2015 đã phát được 151,7 triệu kWh điện thương mại, với giá trị trước thuế VAT là 158,86 tỷ đồng.

Công việc còn lại thực hiện trong năm 2016: Hoàn thiện các công việc như hàng rào bảo vệ nhà máy, đấu nối với đường Hồ Chí Minh...

Vốn đã giải ngân đến ngày 31/12/2015 là 1.085,26 tỷ đồng

Trong đó

+ Tiền vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam là 702,71 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 64,75%

+ Vốn tự có của Công ty là 382,55 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 35,25% (bao gồm cả trả lãi vay trong giai đoạn đầu tư)

Kế hoạch vốn năm 2016

Tổng nhu cầu vốn năm 2016 (cả VAT): 31,87 tỷ đồng (không bao gồm chi phí trả gốc và lãi vay)

*Cơ cấu vốn:*

- Vốn vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt nam là 22,31 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 70%

- Vốn tự có của Công ty là 9,56 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 30%

Vốn tự có do Công ty thu xếp từ nguồn vốn khấu hao, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn khác của Công ty.

## 1.2. Các dự án khác

Cho đến thời điểm lập báo cáo này Công ty chưa có chủ trương tham gia góp vốn hoặc làm chủ đầu tư các dự án khác ngoài công trình Thủy điện Sông Bung 5

## 1.3. Đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác

Công ty đến nay chưa góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

## 2. Các công ty con:

### 2.1. Tình hình đầu tư và hiệu quả của đầu tư vốn vào các công ty con:

Bảng 8. Vốn điều lệ và lợi nhuận của các công ty con năm 2015 như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Stt	Đầu tư vào công ty con	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)	Lợi nhuận sau thuế 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)
1	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	17,102	100	1,956	11,44%
2	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát xây dựng điện 2	4,870	100	0,839	17,23%
3	Công ty TNHH một thành viên Tư vấn dựng điện 3 Đà Nẵng	6,517	100	1,166	17,89%
4	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	6,060	100	0,734	12,11%
	<b>Cộng</b>	<b>34,549</b>		<b>4,695</b>	<b>13,59%</b>

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của các công ty con (do công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ):

- + Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý hoá phục vụ cho công tác nghiên cứu thiết kế đánh giá chất lượng công trình.
- + Khoan phục thí nghiệm phục vụ cho công tác xử lý gia cố nền, khoan phục chống thấm
- + Thi công khoan phục bê tông màng chống thấm, gia cố xử lý nền
- + Thi công xây lắp đường dây và trạm
- + Tư vấn thiết kế lưới trạm điện, tư vấn thiết kế thủy điện

**2.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con:**

- + Công ty TNHH một thành viên KSTK XD điện 1:

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2015/năm 2014	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	42.693	34.100	-8.593	79,87%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.676	34.090		
	- Doanh thu hoạt động tài chính	17	6		
	- Thu nhập khác	0	3		
2	Tổng chi phí	40.609	31.591	-9.018	77,79%
	- Giá vốn hàng bán	36.398	25.395		
	- Chi phí tài chính	638	1.225		
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.366	4.969		
	- Chi phí khác	207	2		
3	Lợi nhuận thuần	2.291	2.508		
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.084	2.509	425	120,39%
5	Thuế TNDN	504	552		
6	Lợi nhuận ròng	1.580	1.956	377	123,85%
7	Tài sản ngắn hạn	57.414	57.331		
8	Tài sản dài hạn	12.066	16.431		
9	Tổng tài sản	69.480	73.762	4.282	106,16%
10	Nợ ngắn hạn	49.448	43.849		
11	Nợ dài hạn	1.527	1.408		
12	Tổng nợ phải trả	50.975	45.257	-5.718	88,78%
13	Vốn điều lệ	17.102	17.102		
14	Vốn chủ sở hữu	18.504	18.504		
15	Hàng tồn kho	14.377	15.130	754	105,24%

**Chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn tính	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,161	1,307	
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,870	0,962	
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,734	0,614	
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,755	2,446	
5	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,614	0,462	
6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,702	5,739	
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,537	10,573	
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	9,237	11,440	
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,274	2,652	
10	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	5,368	7,356	

Tổng doanh thu năm 2015 đạt 34,1 tỷ đồng bằng 79,87%, giảm 8,593 tỷ đồng; tổng chi phí giảm 9,018 tỷ đồng bằng 77,79%; Lợi nhuận sau thuế tăng 0,377 tỷ đồng tăng 23,85% so với năm 2014.

Tổng tài sản tăng 4,282 tỷ đồng tăng 6,16%; tổng nợ phải trả giảm 5,718 tỷ đồng mức giảm 11,22% so với năm 2014.

Hàng tồn kho : Năm 2015, tổng giá trị hàng tồn kho là 15,130 tỷ đồng, tăng 0,754 tỷ đồng tăng 5,24% so với năm 2014.

Về chỉ tiêu tài chính: năm 2015, khả năng thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh của công ty trong giới hạn an toàn và cao hơn so với năm 2014.

Tại thời điểm 31/12/2015, số dư vay và nợ ngắn hạn của công ty là trên 21 tỷ đồng.

+ Công ty TNHH một thành viên KSXĐ điện 2:

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2015/năm 2014	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	25.003	22.826	-2.177	91,29%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.921	22.668		
	- Doanh thu hoạt động tài chính	14	12		
	- Thu nhập khác	68	147		

2	Tổng chi phí	23.345	21.782	-1.562	93,31%
	- Giá vốn hàng bán	20.007	18.860		
	- Chi phí tài chính	1.074	876		
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.160	2.013		
	- Chi phí khác	103	34		
3	Lợi nhuận thuần	1.694	931		
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.659	1.044	-615	62,92%
5	Thuế TNDN	373	205		
6	Lợi nhuận ròng	1.286	839	-447	65,24%
7	Tài sản ngắn hạn	26.532	35.496		
8	Tài sản dài hạn	4.459	3.638		
9	Tổng tài sản	30.992	39.134	8.143	126,27%
10	Nợ ngắn hạn	25.409	33.520		
11	Nợ dài hạn	0	0		
12	Tổng nợ phải trả	25.409	33.520	8.111	131,92%
13	Vốn điều lệ	4.870	4.870		
14	Vốn chủ sở hữu	5.583	5.615	32	100,58%
15	Hàng tồn kho	8.795	12.471	3.676	141,79%

*Chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn tính	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,044	1,059	
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,698	0,687	
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,820	0,857	
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,552	5,970	
5	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,804	0,579	

6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,161	3,702	
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	23,039	14,945	
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	26,410	17,230	
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,150	2,144	
10	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	6,796	4,107	

Năm 2015 tổng doanh thu giảm 2,177 tỷ đồng, bằng 91,29% so với năm 2014; tổng chi phí giảm 1,562 tỷ đồng; lợi nhuận ròng giảm 0,447 tỷ đồng; tổng giá trị tài sản tăng 8,143 tỷ đồng tăng 26,27% so với năm 2014.

Năm 2015 nợ phải trả (bao gồm cả ngắn hạn và dài hạn) tăng 31,92% so với năm 2014 với giá trị tăng thêm là 8,111 tỷ đồng.

So với đầu năm 2015, cuối năm 2015 hàng tồn kho của công ty tăng 41,79% với giá trị là 3,676 tỷ đồng.

Năm 2015, khả năng thanh toán trong ngắn hạn của công ty tốt hơn so với năm 2014 (năm 2014 là 1,044 lần, năm 2015 là 1,059 lần), điều này thể hiện khả năng thanh toán trong ngắn hạn của công ty trong tình trạng tốt.

Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2015 công ty còn phải trả nợ và vay ngắn hạn với số tiền trên 8 tỷ đồng và còn phải thu trong ngắn hạn của khách hàng là 17,63 tỷ đồng gấp 3,14 lần vốn chủ sở hữu.

+ Công ty TNHH một thành viên Tư vấn XD điện 3 Đà Nẵng:

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2015/năm 2014	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	21.519	22.841	1.322	106,14%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.488	22.781		
	- Doanh thu hoạt động tài chính	7	10		
	- Thu nhập khác	25	50		
2	Tổng chi phí	20.081	21.341	1.260	106,27%
	- Giá vốn hàng bán	16.311	17.261		
	- Chi phí tài chính	899	368		
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.860	3.692		
	- Chi phí khác	11	20		
3	Lợi nhuận thuần	1.424	1.471		
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.439	1.500	62	104,30%
5	Thuế TNDN	305	335		

6	Lợi nhuận ròng	1.133	1.166	33	102,86%
7	Tài sản ngắn hạn	43.675	42.351		
8	Tài sản dài hạn	3.634	2.861		
9	Tổng tài sản	47.309	45.212	-2.097	95,57%
10	Nợ ngắn hạn	39.163	37.038		
11	Nợ dài hạn	0	0		
12	Tổng nợ phải trả	39.163	37.038	-2.125	94,57%
13	Vốn điều lệ	6.517	6.517		
14	Vốn chủ sở hữu	8.146	8.175	28	100,35%
15	Hàng tồn kho	8.319	5.175	-3.145	62,20%

### Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn tính	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,115	1,143	
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,903	1,004	
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,828	0,819	
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,807	4,531	
5	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,454	0,504	
6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,275	5,117	
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,913	14,262	
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	17,392	17,889	
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,396	2,579	
10	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	6,627	6,455	

Năm 2015, tình hình thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, vốn chủ sở hữu đều cao hơn so với năm trước, mức tăng lần lượt là 6,14%, 4,30%, 0,35%. Chỉ tiêu hàng tồn kho giảm 3,145 tỷ đồng bằng 62,20% so với năm 2014.

Năm 2015, khả năng thanh toán trong ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh đều cao hơn so với năm 2014. Các chỉ tiêu này lần lượt là 1,143 lần và 1,004 lần, vốn công ty được bảo toàn, tổng nợ phải trả của công ty giảm 2,125 tỷ đồng, bằng 94,57% so với năm 2014.

Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2015 công ty còn phải trả vay và nợ ngắn hạn với số tiền trên 18 tỷ đồng và còn phải thu trong ngắn hạn của khách hàng gần 25 tỷ đồng gấp 3,02 lần và 2,22 lần vốn chủ sở hữu.



**+ Công ty TNHH một thành viên KSTK XD điện 4:**
**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2015/năm 2014	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	33.617	24.900	-8.716	74,07%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.505	24.822		
	- Doanh thu hoạt động tài chính	15	13		
	- Thu nhập khác	97	65		
2	Tổng chi phí	31.613	23.954	-7.660	75,77%
	- Giá vốn hàng bán	27.789	20.481		
	- Chi phí tài chính	487	596		
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.325	2.626		
	- Chi phí khác	12	251		
3	Lợi nhuận thuần	1.919	1.132		
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.003	947	-1.057	47,25%
5	Thuế TNDN	361	213		
6	Lợi nhuận ròng	1.642	734	-908	44,68%
7	Tài sản ngắn hạn	53.753	52.974		
8	Tài sản dài hạn	3.763	3.478		
9	Tổng tài sản	57.515	56.451	-1.064	98,15%
10	Nợ ngắn hạn	50.145	49.040		
11	Nợ dài hạn	0	0		
12	Tổng nợ phải trả	50.145	49.040	-1.105	97,80%
13	Vốn điều lệ	6.060	6.060		
14	Vốn chủ sở hữu	7.371	7.412	41	100,56%
15	Hàng tồn kho	11.928	17.219	5.291	144,35%

**Chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,072	1,080	
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,834	0,729	
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,872	0,869	

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn tính	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	6,803	6,617	
5	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,583	0,440	
6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,901	2,956	
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22,280	9,900	
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	27,099	12,108	
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,855	1,300	
10	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	5,727	4,561	

Năm 2015, tình hình thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí giảm mạnh so với năm trước, mức giảm lần lượt là 25,63%, 24,23%. Đặc biệt lợi nhuận ròng năm 2015 của công ty chỉ đạt 0,734 tỷ đồng, giảm 0,908 tỷ đồng tương ứng mức giảm là 55,32% so với năm 2014.

Tính đến ngày 31/12/2015 công ty còn phải trả vay và nợ ngắn hạn với số tiền gần 15 tỷ đồng và còn phải thu trong ngắn hạn của khách hàng gần 27 tỷ đồng gấp 2,45 lần và 4,43 lần vốn điều lệ.

**Bảng 9. Kết quả kinh doanh và tài sản của 4 công ty TNHH một thành viên do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2014					Thực hiện năm 2015					Tỷ lệ %
		Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH một thành viên Tư vấn dự án điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Cộng	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH một thành viên Tư vấn dự án điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Cộng	
1	Tổng doanh thu	42.693	25.003	21.519	33.617	122.833	34.100	22.826	22.841	24.900	104.667	85%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.084	1.659	1.439	2.003	7.185	2.509	1.044	1.500	947	5.999	
3	Lợi nhuận thuần	2.291	1.694	1.424	1.919	7.327	2.508	931	1.471	1.132	6.041	82%
4	Lợi nhuận ròng	1.580	1.286	1.133	1.642	5.642	1.956	839	1.166	734	4.695	83%
5	Tài sản ngắn hạn	57.414	26.532	43.675	53.753	181.374	57.331	35.496	42.351	52.974	188.152	
6	Tổng tài sản	69.480	30.992	47.309	57.515	205.296	73.762	39.134	45.212	56.451	214.560	
7	Nợ ngắn hạn	49.448	25.409	39.163	50.145	164.165	43.849	33.520	37.038	49.040	163.446	
8	Tổng nợ	50.975	25.409	39.163	50.145	165.692	45.255	33.520	37.038	49.040	164.852	
9	Vốn chủ sở hữu	18.504	5.583	8.146	7.371	39.604	18.504	5.615	8.175	7.412	39.705	

**Tổng quát :** So với năm 2014, năm 2015 tổng doanh thu của 4 công ty TNHH một thành viên giảm 15%, lợi nhuận ròng giảm 17%, tổng tài sản tăng 5%, nợ ngắn hạn giảm 0,4%.

Năm 2015, tổng nợ và vốn chủ sở hữu ít biến động so với năm 2014.



THỦY ĐIỆN SƠN LA (Hạ Rotor Tổ máy thứ 6)



PECC1 được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trao Huân chương lao động hạng 2



Chủ tịch HĐQT Lê Minh Hà nhận cúp vàng thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2015

#### IV. Tình hình tài chính

##### 1. Tình hình tài chính

###### 1.1. Các chỉ tiêu

Bảng 10. Tình hình sản xuất kinh doanh

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	1.907.265.612.399	1.931.717.636.110	101,28%
	Tài sản ngắn hạn	863.469.694.282	909.115.116.352	105,29%
	Tài sản dài hạn	1.043.795.918.117	1.022.602.519.758	97,97%
2	Tổng nguồn vốn	1.907.265.612.399	1.931.717.636.110	101,28%
	Nợ ngắn hạn	832.206.621.056	927.758.566.398	111,48%
	Nợ dài hạn	741.585.361.588	683.831.740.456	92,21%
	Vốn chủ sở hữu	333.473.629.755	320.127.329.256	96,00%
3	Tổng doanh thu	538.629.964.933	573.455.359.906	106,47%
4	Tổng chi phí	480.204.806.602	531.212.128.927	110,62%

5	Tổng lợi nhuận trước thuế	58.425.158.331	42.243.230.979	72,30%
6	Lợi nhuận ròng	44.653.573.162	30.318.636.355	67,90%

1.2. Các chỉ tiêu khác: Không

## 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 11. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	Diễn giải	Đơn tính	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	Lần	1,006	0,980	
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,544	0,472	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,825	0,834	
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,719	5,034	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
3.1	Vòng quay hàng tồn kho	(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	0,906	0,816	
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản		Lần	0,282	0,295	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		%	8,299	5,323	
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)		%	13,390	9,471	
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)		%	2,341	1,570	
4.4	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần		%	11,859	10,121	

## V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày ĐKCC 14/3/2016)

### 1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 26.691.319 cổ phần

- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 25.856.182 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 835.137 cổ phần

## 2. Cơ cấu sở hữu

### 2.1. Tỷ lệ cổ đông sở hữu

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	14.504.227	54,34%	1	1	0
	- Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	14.504.227	54,34%	1	1	0
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	17.215.788	64,50%	2	1	1
	- Trong nước	17.215.788	64,50%	2	1	1
	+ EVN	14.504.227	54,34%	1	1	0
	+ Ông Lê Minh Hà	2.711.561	10,16%	1	0	1
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
4	Công đoàn công ty	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0,00%	0	0	0
7	Cổ đông khác	9.475.531	35,50%	1.638	23	1.616
	- Trong nước	9.469.915	35,48%	1.635	22	1.613
	- Nước ngoài	5.616	0,02%	3	1	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.691.319</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.640</b>	<b>24</b>	<b>1.616</b>
Trong đó:						

- Trong nước	26.685.703	99,98%	1.637	23	1.614
- Nước ngoài	5.616	0,02%	3	1	2

2.2. Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên và cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
<b>Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)</b>					
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0106000804	Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	14.504.227	54,34%
2	Lê Minh Hà	012469723	Số nhà 73, phố Long Biên 1, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	2.711.561	10,16%
	<b>Cộng</b>			<b>17.215.788</b>	<b>64,50%</b>
<b>Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu &lt;5%)</b>					
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	23/GCNTVLK	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	32	0,00%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	01/GCNTVLK	Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	6	0,00%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	04/GCNTVLK	Số 9 Hoàng Văn Thụ, KĐT Chánh Nghĩa, Thị Xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	6	0,00%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	61/GCNTVLK	Tầng 2, Toà nhà 71 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	85	0,00%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	148/GCNTVLK	Tầng M-3-7, số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	5	0,00%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	03/GCNTVLK	Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	22	0,00%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	51/GCNTVLK	Lầu 8&9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, Q1, Hồ Chí Minh	27	0,00%
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	27/GCNTVLK-1	Tầng 4, CR3-04B, 109 Tôn Dật Tiên, P.Tân Phú, Q7, Hồ Chí Minh	3	0,00%



Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	37/GCNTVLK	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà Việt Dragon, số 141 Nguyễn Du, Q1, Hồ Chí Minh	1	0,00%
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	02/GCNTVLK	72 Nguyễn Huệ, Q1, Hồ Chí Minh	46	0,00%
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VIỆT	0309553539	27-29 Hai Bà Trưng, P Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh	7.800	0,03%
12	Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	0309587030	56 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, Hồ Chí Minh	366.950	1,37%
13	Công ty cổ phần Tài Việt	4103004257	47/25A Đường số 61, P14, Q.Gò Vấp, Hồ Chí Minh	10	0,00%
14	Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên Bưu Điện	0100796508	68 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	92.046	0,34%
15	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	06/GCNTVLK-2	41 Mạc Đĩnh Chi, P.Đa Kao, Q1, Hồ Chí Minh	5	0,00%
16	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	09/GCNTVLK	Tầng 17, Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3	0,00%
17	Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông á	13/GCNTVLK	Tầng 2 và tầng 3 Toà nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, Hồ Chí Minh	6	0,00%
18	CTCP Chứng khoán Bản Việt	69/GCNTVLK	Tháp tài chính BITEXCO, tầng 15, 02 Hải Triều, P.Bến Nghé, Q.1, Hồ Chí Minh	7	0,00%
19	CTCP Chứng khoán Châu á - Thái Bình Dương	34/GCNTVLK	tầng 2+3, Tòa nhà Machinco Building, số 444 đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội	5	0,00%
20	Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	0300989419	56 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, Hồ Chí Minh	2.090	0,01%

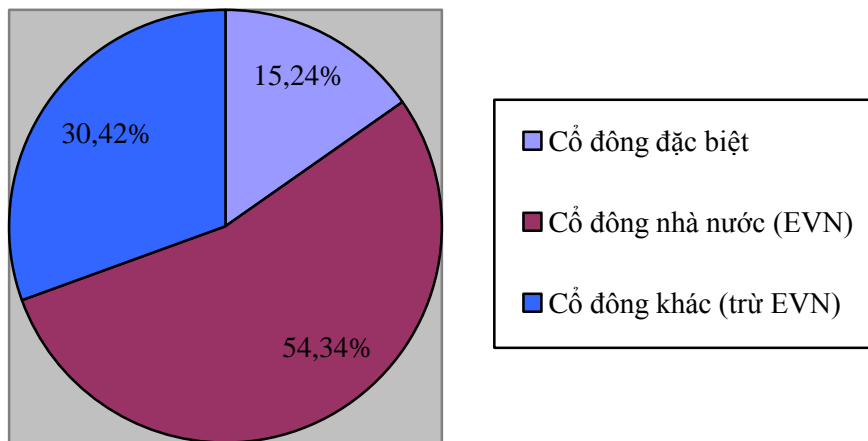
Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
21	CTY TNHH Tư Vấn Tài Chính thuế Đồng Sự.	3700879328	1/4C Tân Hiệp, Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương	6	0,00%
22	Chi nhánh Cty TNHH Quảng Cáo Mắt Vàng	0101191657-001	56 phạm Ngọc Thạch, P6, Q.3, Hồ Chí Minh	3.400	0,01%
23	SBI SECURITIES CO.,LTD.	CA4878	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	5.300	0,02%
	<b>Cộng</b>			<b>477.860</b>	<b>1,79%</b>
	<b>Tổng cộng</b>			<b>17.693.648</b>	<b>66,29%</b>

### 2.3. Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyên nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Cổ đông đặc biệt	835.137	3.232.331	4.067.468	15,24%
1. Hội đồng quản trị	701.137	2.298.107	2.999.244	11,24%
2. Ban Giám đốc (Không bao gồm CP của Thành viên HĐQT)	0	5.215	5.215	0,02%
3. Ban kiểm soát	134.000	229.515	363.515	1,36%
4. Giám đốc tài chính (Không có chức danh Giám đốc tài chính)	0	0	0	0,00%
5. Q. Kế toán trưởng (Ông Nguyễn Hồng Tuấn)	0	687.994	687.994	2,58%
6. Người được ủy quyền công bố thông tin	0	11.500	11.500	0,04%
II. Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00%
III. Công đoàn Công ty	0	0	0	0,00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (Không có)	0	0	0	0,00%
V. Cổ đông khác	0	22.623.851	22.623.851	84,76%
1. Trong nước	0	22.618.235	22.618.235	84,74%
1.1. Cá nhân	0	7.777.269	7.777.269	29,14%
1.2. Tổ chức	0	14.840.966	14.840.966	55,6%

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyên nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>Trong đó Nhà nước:</i>	0	14.504.227	14.504.227	54,34%
2. Nước Ngoài	0	5.616	5.616	0,02%
2.1. Cá nhân	0	316	316	0,00%
2.2. Tổ chức	0	5.300	5.300	0,02%
<b>TỔNG CỘNG</b>	835.137	25.856.182	26.691.319	100,00%

Biểu đồ cơ cấu loại hình sở hữu của cổ đông



### 3. Danh sách cổ đông đặc biệt

St t	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
<b>A. Cổ đông nhà nước</b>							
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	0106000804		Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	14.504.227	54,34%	0
	Người đại diện sở hữu						

St t	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
	+ Ông Lê Minh Hà (Chủ tịch HDQT)	012469723	24/08/2001	Số nhà 73, Long Biên 1, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	5.801.691	21,74%	0
	+ Ông Nguyễn Tài Sơn (Thành viên HDQT, Tổng Giám đốc)	010388352	07/04/2006	Tổ 3, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	4.351.268	16,30%	0
	+ Ông Phạm Viết Hùng (Thành viên HDQT)	013231785	07/11/2009	Ban quản lý đầu tư, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	4.351.268	16,30%	0
Tổng cộng A					14.504.227	54,34%	0
<b>B. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)</b>							
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	0106000804		Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	14.504.227	54,34%	0

St t	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
2	Ông Lê Minh Hà	012469723	24/08/2001	Số nhà 73, Long Biên 1, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	2.711.561	10,16%	666.097
Tổng cộng B (Không bao gồm CP của EVN)					2.711.561	10,16%	666.097
C. Cổ đông chiến lược (Không có)							
Tổng cộng C					0	0,00%	0
D. Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI (Không có)							
Tổng cộng D					0	0,00%	0
<b>TỔNG CỘNG (A+B+C+D)</b>					<b>17.215.788</b>	<b>64,50%</b>	<b>666.097</b>

#### 4. Danh sách chi tiết về cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin

Loại cổ đông	Stt	Họ tên (Bao gồm chức vụ)	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
HĐQT	1	Ông Lê Minh Hà (Chủ tịch HĐQT)	666.097	2.045.464	2.711.561	10,16%
	2	Ông Nguyễn Tài Sơn (Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc)	35.040	18.714	53.754	0,20%
	3	Ông Phạm Viết Hùng (Thành viên HĐQT)	0	3.497	3.497	0,01%
	4	Ông Phạm Nguyên Hùng (Thành viên HĐQT)	0	36.020	36.020	0,13%
	5	Ông Lê Minh Tuấn (Thành viên HĐQT)	0	194.412	194.412	0,73%

Loại cổ đông	Stt	Họ tên (Bao gồm chức vụ)	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Đại diện vốn của EVN tại TV1		Ông Lê Minh Hà (Chủ tịch HĐQT). Đại diện 40% phần vốn của EVN tại TV1	0	5.801.691	5.801.691	21,74%
		Ông Nguyễn Tài Sơn (Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc). Đại diện 30% phần vốn của EVN tại TV1	0	4.351.268	4.351.268	16,30%
		Ông Phạm Viết Hùng (Thành viên HĐQT). Đại diện 30% phần vốn của EVN tại TV1	0	4.351.268	4.351.268	16,30%
BTGD	1	Ông Nguyễn Tài Sơn (Tổng Giám đốc) - đã tính vào Thành viên HĐQT	35.040	18.714	53.754	0,20%
	2	Ông Đặng Hoàng Cẩm (Phó Tổng giám đốc)	0	5.215	5.215	0,02%
	3	Ông Phạm Nguyên Hùng (Phó Tổng Giám đốc) - đã tính vào Thành viên HĐQT	0	36.020	36.020	0,13%
	4	Ông Lê Minh Tuấn (Phó Tổng Giám đốc) - đã tính vào Thành viên HĐQT	0	194.412	194.412	0,73%
BKS	1	Bà Trịnh Thúy Quỳnh (Trưởng ban)	0	0	0	0,00%
	2	Ông Mai Hữu Thung (Thành viên)	134.000	71.569	205.569	0,77%
	3	Bà Lê Thị Ngọc Bích (Thành viên)	0	157.946	157.946	0,59%
GD tài chính	Không có chức danh này					
Q. KTT	1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	0	687.994	687.994	2,58%

Loại cổ đông	Stt	Họ tên (Bao gồm chức vụ)	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Người được ủy quyền CBTT	1	Ông Trịnh Quốc Trung	0	11.500	11.500	0,04%
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>835.137</b>	<b>17.736.558</b>	<b>18.571.695</b>	<b>69,58%</b>

**5. Danh sách cổ đông khác có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không**

**6. Thông tin về cổ đông Nhà nước đồng thời là cổ đông lớn**

Hiện tại, Tập đoàn Điện lực Việt Nam là cổ đông Nhà nước đồng thời là cổ đông lớn.

Tên cổ đông: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Số Đăng ký doanh nghiệp: 0106000804

Địa chỉ: Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội

Số lượng cổ phần sở hữu: 14.504.227 cổ phần, chiếm 54,34% Vốn điều lệ

Thông tin về người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 14.504.227 cổ phần. Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty như sau:

Ông Lê Minh Hà, Chủ tịch HĐQT: Đại diện cho 40% vốn của EVN tại Công ty tương ứng là 5.801.691 cổ phần, chiếm 21,74% Vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Tài Sơn, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: Đại diện 30% vốn của EVN tương ứng là 4.351.268 cổ phần, chiếm 16,3% Vốn điều lệ.

Ông Phạm Việt Hùng, Thành viên HĐQT: Đại diện 30% vốn của EVN tương ứng là 4.351.268 cổ phần, chiếm 16,3% Vốn điều lệ.

**7. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không**

**8. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không**

**9. Các chứng khoán khác: Không**

**10. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan**

- Giao dịch cổ phiếu:

+ Năm 2015 các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Quyền Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan không giao dịch cổ phiếu TV1

+ Năm 2015 các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Quyền Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan được nhận cổ tức năm 2014 bằng tiền; tỷ lệ thực hiện 15%.

- Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người có liên quan đến chính Công ty): không

## 11. Tình hình khác:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Công ty tiến hành chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền với giá trị là 40.036.978.500 đồng; ngày đăng ký cuối cùng: 02/10/2015; tỷ lệ thanh toán 15% (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng); ngày thanh toán: ngày 22/10/2015.

### C. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu bán điện năm 2015 đạt 158,863 tỷ đồng, so với năm 2014 tăng 30,884 tỷ đồng, tỷ lệ tăng là 24,13%; tuy nhiên doanh thu bán điện năm 2015 chỉ bằng 91% so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm (kế hoạch là 175 tỷ đồng).

Năm 2015, Sản xuất kinh doanh truyền thống vượt kế hoạch 85,688 tỷ đồng, kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty xem Bảng tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 đã được kiểm toán kèm theo.

##### 2. Phát triển thị trường

Năm 2015, Công ty đã ký được 170 hợp đồng với tổng giá trị là 470 tỷ đồng; các dự án thuộc EVN chiếm 42%, tương ứng 197 tỷ đồng; các dự án không thuộc EVN chiếm tỷ lệ 58%, tương ứng 273 tỷ đồng.

*Đánh giá:* Đã tập trung và đạt hiệu quả cao trong công tác phát triển thị trường, các hợp đồng ký trên đã thực hiện và nghiệm thu trong năm 2015 khoảng 140 tỷ; thực hiện và nghiệm thu trong năm 2016 và các năm tiếp theo khoảng 330 tỷ đồng.

Hiệu quả công tác đấu thầu các dự án nguồn, lưới điện còn thấp; so với năng lực của công ty thì giá trị hợp đồng khảo sát thiết kế công trình nhiệt điện, thủy điện, lưới điện còn thấp.

##### 3. Thu hồi vốn, công nợ

Năm 2015, với sự bám sát của Công ty với các chủ đầu tư, toàn Công ty đã thu được 659,951 tỷ đồng. Công ty mẹ đã thu được 575,712 tỷ đồng, 04 Công ty con thu được 84,239 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2015, các chủ đầu tư còn nợ Công ty 425,158 tỷ đồng, trong đó còn phải thu ngắn hạn là 352,419 tỷ đồng, còn phải thu dài hạn là 72,739 tỷ đồng. Chi tiết xem bảng 12.

Bảng 12. Thu hồi vốn và công nợ

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị	Còn phải thu khách hàng			Tiền thu 2015
	Ngắn hạn	Dài hạn	Cộng	
Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện1	15.118.820.359	11.817.450.020	26.936.270.379	30.092.149.308
Công ty TNHH MTV KSXD Điện 2	17.628.856.050	0	17.628.856.050	20.171.461.947



Đơn vị	Còn phải thu khách hàng			Tiền thu 2015
	Ngắn hạn	Dài hạn	Cộng	
Công ty TNHH MTV K SXD Điện 3	24.685.129.635	0	24.685.129.635	15.142.726.455
Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	26.852.357.281	0	26.852.357.281	18.832.521.386
Công ty mẹ	268.133.468.651	60.921.700.053	329.055.168.704	575.712.157.405
<b>Cộng</b>	<b>352.418.631.976</b>	<b>72.739.150.073</b>	<b>425.157.782.049</b>	<b>659.951.016.501</b>

Năm 2015 Công ty đã tích cực, chủ động rà soát, đối chiếu công nợ với các khách hàng, xác định tuổi nợ để làm cơ sở trích lập các khoản dự phòng

Tại thời điểm 31/12/2015, công nợ như sau:

1/ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 628.981.162.776 đồng

Trong đó:

- Vay và nợ cá nhân: 266.317.703.158 đồng
  - + Công ty mẹ: 222.818.282.351 đồng
  - + Công ty con: 43.499.420.807 đồng
- Vay ngân hàng: 362.663.459.618 đồng
  - + Công ty mẹ: 344.014.628.033 đồng
  - + Công ty con: 18.648.831.585 đồng

2/ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: 614.634.443.756 đồng

Trong đó:

- Công ty mẹ: 614.634.443.756 đồng
- Công ty con: 0 đồng

**Tổng cộng (1+2): 1.243.615.606.532 đồng**



HỢP TÁC VỚI CHUYÊN GIA COLENCO (THỤY SỸ) VÀ UCRAINA TƯ VẤN THIẾT KẾ CTTĐ LAI CHÂU



KÝ HỢP ĐỒNG VỚI SEMCORP (SIMGAPORE) TƯ VẤN THIẾT KẾ NHIỆT ĐIỆN DUNG QUẤT

## HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA VÀ THỂ THAO



GIẢI BÓNG ĐÁ PECC1 2015



Giải bóng chuyền PECC1 năm 2015

**Bảng 13. Tổng hợp kết quả kinh doanh năm 2015**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	499.473,203	34.090,387	22.667,634	22.781,299	24.822,286	-34.284,161	569.550,647
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	499.473,203	34.090,387	22.667,634	22.781,299	24.822,286	-34.284,161	569.550,647
4. Giá vốn hàng bán	11	306.138,053	25.395,386	18.859,630	17.260,902	20.480,847	-34.284,161	353.850,657
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	193.335,150	8.695,001	3.808,004	5.520,397	4.341,439		215.699,990
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.282,200	6,206	11,811	9,647	12,787	-4.695,150	3.627,500
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	108.529,807	1.224,573	875,944	367,630	596,379		111.594,333
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36.790,160	4.969,038	2.012,898	3.691,814	2.625,605		50.089,514
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	56.297,383	2.507,595	930,973	1.470,600	1.132,242	-4.695,150	57.643,642
11. Thu nhập khác	31	12,067	3,182	146,625	50,000	65,339		277,213
12. Chi phí khác	32	15.370,558	1,952	33,912	20,243	250,961		15.677,625
13. Lợi nhuận khác	40	-15.358,491	1,230	112,714	29,757	-185,622		-15.400,411
15. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	40.938,892	2.508,825	1.043,687	1.500,357	946,620	-4.695,150	42.243,231
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.620,256	552,371	204,570	334,532	212,866		11.924,595

18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30.318,636	1.956,454	839,117	1.165,825	733,754	-4.695,150	30.318,636
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	30.318,636						30.318,636
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	1.136						1.136

**Bảng 14. Bảng cân đối kế toán năm 2015**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	760.871,912	47.330,749	35.496,241	42.350,981	52.973,786	-29.908,553	909.115,116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	19.274,996	1.651,250	2.975,461	2.740,056	2.861,465		29.503,228
1. Tiền	111	19.274,996	1.651,250	2.975,461	2.740,056	2.861,465		29.503,228
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	320.414,826	30.549,224	19.998,885	34.436,227	32.893,465	-29.857,890	408.434,737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	268.133,469	15.118,820	17.628,856	24.685,130	26.852,357		352.418,632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15.026,687	306,981	500,000	330,000	482,574		16.646,243
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	13.973,525	11.440,004		7.281,618		-32.695,148	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	23.281,145	4.074,436	2.259,730	3.160,217	6.594,335		39.369,863
7. Dự phòng phải thu khó đòi	137		-391,017	-389,701	-1.020,739	-1.035,801	2.837,258	
IV. Hàng tồn kho	140	421.120,166	15.130,275	12.471,232	5.174,699	17.218,856		471.115,228

1. Hàng tồn kho	141	421.120,166	15.130,275	12.471,232	5.174,699	17.218,856		471.115,228
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	61,924	0,000	50,664			-50,664	61,924
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	61,924	0,000	50,664			-50,664	61,924
<b>B-TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1.033.530,095</b>	<b>16.430,917</b>	<b>3.638,216</b>	<b>2.861,217</b>	<b>3.477,670</b>	<b>-37.335,595</b>	<b>1.022.602,520</b>
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	76.270,770	11.817,450				-2.837,258	85.250,962
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	60.921,700	11.817,450					72.739,150
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	17.409,624						17.409,624
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-2.060,555					-2.837,258	-4.897,813
II. Tài sản cố định	220	915.866,806	3.825,187	3.309,182	2.762,386	2.259,821		928.023,382
1. Tài sản cố định hữu hình	221	892.133,481	3.825,187	3.293,936	2.405,601	2.259,821		903.918,027
- Nguyên giá	222	1.082.983,454	27.041,516	13.907,488	8.914,310	5.771,312		1.138.618,081
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	-190.849,973	-	-	-6.508,709	-3.511,491		-234.700,055
3. Tài sản cố định vô hình	227	23.733,324		15,246	356,785			24.105,355
- Nguyên giá	228	33.811,471		253,869	1.189,309			35.254,649
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-10.078,146		-238,623	-832,524			-11.149,293
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.215,718				64,558		2.280,277
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.215,718				64,558		2.280,277
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	34.549						
1. Đầu tư vào công ty con	251	34.549						
VI. Tài sản dài hạn khác	260	4.627,801	788,28	329,034	98,83	1.153,291	50,664	7.047,900
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.627,801	788,28	329,034	98,83	1.153,291	50,664	7.047,900

<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>	<b>1.794.402,007</b>	<b>63.761,666</b>	<b>39.134,457</b>	<b>45.212,198</b>	<b>56.451,456</b>	<b>-67.244,148</b>	<b>1.931.717,636</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>								
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.479.431,102</b>	<b>45.257,232</b>	<b>33.519,745</b>	<b>37.037,593</b>	<b>49.039,783</b>	<b>-32.695,148</b>	<b>1.611.590,307</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>797.007,437</b>	<b>43.849,157</b>	<b>33.519,745</b>	<b>37.037,593</b>	<b>49.039,783</b>	<b>-32.695,148</b>	<b>927.758,566</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18.604,100	7.852,373	904,433	119,811	2.740,011		30.220,727
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	31.797,591	2.207,947	6.195,352	2.462,083	2.248,578		44.911,551
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	35.901,538	885,615	1.308,024	684,584	1.147,749		39.927,512
4. Phải trả người lao động	314	68.834,275	5.995,483	5.579,255	7.725,851	2.834,647		90.969,511
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.787,755		28,088	48	10,421		2.874,264
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	54.055,511		3.937,696		10.035,829	-32.695,148	35.333,889
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	14.494,381	4.988,840	6.842,552	6.425,369	14.605,737		47.356,879
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	566.832,910	21.008,464	8.180	18.131,451	14.828,337		628.981,163
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.699,376	910,433	544,345	1.440,443	588,473		7.183,071
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>682.423,665</b>	<b>1.408,075</b>					<b>683.831,740</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	54.628,162	1.408,075					56.036,238
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	13.161,059						13.161,059
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	614.634,444						614.634,444
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>314.970,905</b>	<b>18.504,435</b>	<b>5.614,712</b>	<b>8.174,605</b>	<b>7.411,673</b>	<b>-34.549</b>	<b>320.127,329</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>314.970,905</b>	<b>18.504,435</b>	<b>5.614,712</b>	<b>8.174,605</b>	<b>7.411,673</b>	<b>-34.549</b>	<b>320.127,329</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	266.913,190	17.102,000	4.870,000	6.517,000	6.060,000	-34.549	266.913,190
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	17.073,481	1.402,435	744,712	1.657,605	1.351,673		22.229,906

10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	500						500,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	30.484,233						30.484,233
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.794.402,007</b>	<b>63.761,666</b>	<b>39.134,457</b>	<b>45.212,198</b>	<b>56.451,456</b>	<b>-67.244,148</b>	<b>1.931.717,636</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (Báo cáo kiểm toán độc lập) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 số 123/2016/UHYACA-BCKT và số 130/2016/UHYACA-BCKT ngày 25/03/2016 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY ACA*

**Bảng 15. Tình hình chia trả cổ tức cho các cổ đông (đến ngày 31/03/2016)**

Stt	Nội dung	Tỷ lệ thực hiện	Số tiền	Đã thanh toán	Còn phải thanh toán			Ghi chú
					Cộng	EVN	Khác	
1	Cổ tức năm 2008	18%	18.000.000.000	8.019.699.800	9.980.300.200	9.780.571.800	199.728.400	Bằng tiền
2	Cổ tức năm 2009	20%	20.000.000.000					Bằng cổ phiếu
3	Cổ tức năm 2010	15%	26.100.000.000					Bằng cổ phiếu
4	Cổ tức năm 2011	15%	30.014.647.500					Bằng cổ phiếu
5	Cổ tức năm 2012	12%	27.612.643.200	23.339.993.989	4.272.649.211	3.796.976.411	475.672.800	Bằng tiền
6	Cổ tức năm 2013	16%	36.816.857.600					Bằng cổ phiếu
7	Cổ tức năm 2014	15%	40.036.978.500	17.163.103.500	22.873.875.000	21.756.340.500	1.117.534.500	Bằng tiền
	<b>Bằng cổ phiếu</b>		<b>112.931.505.100</b>					
	<b>Bằng tiền</b>		<b>85.649.621.700</b>	<b>48.522.797.289</b>	<b>37.126.824.411</b>	<b>35.333.888.711</b>	<b>1.792.935.700</b>	
	<b>Cộng</b>		<b>198.581.126.800</b>					



#### **4. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

Trong bối cảnh kinh tế suy giảm, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư thiết bị công nghệ phần mềm, vì vậy đã nhận được thêm công việc từ khảo sát cho dự án điện hạt nhân, được tham gia lập FS của Trung tâm nghiên cứu hạt nhân, đang tích cực để được nhận làm tổng thầu EPC dự án thủy lợi thủy điện.

## **II. Tình hình tài chính**

### **1. Tình hình tài sản:**

Tổng tài sản năm 2015 của PECC1 tăng 24,452 tỷ đồng so với năm 2014; trong đó tài sản ngắn hạn tăng 45,645 tỷ đồng; tài sản dài hạn giảm 21,193 tỷ đồng.

Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

	Năm 2014	Năm 2015
Lợi nhuận thuần/QB tổng tài sản (%)	3,392	3,003

Chỉ số sinh lời của tài sản năm 2015 thấp hơn so với năm 2014 (năm 2014 là 3,392%/năm 2014 là 3,003%)

### **2. Tình hình nợ phải trả:**

Một số chỉ tiêu đánh giá:

	Năm 2014	Năm 2015
Hệ số tự tài trợ (%)	17,484	16,572

Chỉ tiêu này cho ta thấy nguồn vốn của công ty được tài trợ chủ yếu từ nguồn vốn vay, năm 2015 chỉ tiêu hệ số tự tài trợ giảm 0,912% so với năm 2014 điều này cho thấy năm 2015 Công ty tuy đã sử dụng hợp lý các nguồn vốn, nhưng không bằng năm 2014.

	Năm 2014	Năm 2015
Hệ số nợ trên tổng tài sản (%)	82,52	83,43

Năm 2014 công ty muốn sử dụng 100 đồng vốn thì công ty phải vay nợ 82,52 đồng; năm 2015 công ty muốn sử dụng 100 đồng vốn thì công ty chỉ phải vay nợ 83,43 đồng.

### **3. Lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2015
Hệ số lợi nhuận trước thuế/VĐL(%)	23,90	21,60

Năm 2014 cứ 100 đồng vốn điều lệ, Công ty tạo ra 23,90 đồng lợi nhuận, năm 2015 cứ 100 đồng vốn điều lệ, công ty chỉ tạo ra được 21,60 đồng lợi nhuận.

## **III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công việc tư vấn tiếp tục giảm sút, khối lượng công tác khảo sát và tư vấn thủy điện giảm, áp lực cạnh tranh cao, năm 2015 Công ty cần kiện toàn bộ máy lãnh đạo điều hành, xây dựng kế hoạch điều chỉnh nguồn nhân lực phù hợp với nguồn công việc, chú trọng nhân lực cho khối tư vấn lưới điện và nhiệt điện để nâng cao hiệu quả Công ty.

#### **IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

##### **1. Mục tiêu hoạt động của công ty:**

Công ty hoạt động với mục tiêu chiến lược là đầu tư phát triển bền vững, chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành nghề hoạt động; mục tiêu cụ thể là sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn, vì lợi ích đất nước, lợi ích khách hàng, lợi ích cổ đông và người lao động trong công ty.

##### **2. Định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2013-2018.**

###### **2.1. Các giải pháp quản lý, điều hành Công ty**

Để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của chủ sở hữu, Công ty sẽ tập trung thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành sau đây:

- Tổ chức công tác quản trị công nợ, đặc biệt là nợ phải thu, đối chiếu công nợ phải thu với khách hàng; xác định tuổi nợ làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu theo quy định; đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán các công trình hoàn thành và thu hồi nợ.

- Nỗ lực phát triển thị trường các ngành nghề tiềm năng; tham gia các dự án cấp ngầm, lưới điện, lưới điện thông minh, an ninh thông tin hệ thống điện, thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo, thủy lợi, kè biển, kè sông, các dự án tại nước ngoài,... đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

- Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giám sát xây dựng các công trình điện (chú trọng các công trình đường dây và trạm biến áp) để tạo sự khác biệt vượt trội về giải pháp tiên tiến, tính hiệu quả cao về kinh tế - kỹ thuật; đồng thời tìm mọi biện pháp tối ưu chi phí để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ, khuyến khích những người thực sự có năng lực và kinh nghiệm, những người lao động giỏi, tránh hiện tượng "chảy máu chất xám", tạo điều kiện cho họ gắn bó và cống hiến hết mình cho sự thành công của Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty TNHH một thành viên do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ.

- Hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ về quản trị Công ty liên quan đến việc đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng đối với các Trưởng đơn vị trực thuộc Công ty, những người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các công ty TNHH một thành viên do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ.

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, cán bộ quản lý; phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật chuyên sâu; mua sắm các thiết bị, phần mềm tính toán tiên tiến thuộc các lĩnh vực mới, tiềm năng; xây dựng văn hóa công ty, đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Mua sắm các thiết bị công nghệ, phần mềm tính toán tiên tiến trong khảo sát, thiết kế điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo, ổn định và an ninh thông tin hệ thống điện, lưới điện thông minh và đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật chuyên sâu.

Giảm giá các gói thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế thuộc lĩnh vực ngành nghề truyền thống và lĩnh vực mới, tiềm năng nhằm đảm bảo doanh thu, việc làm, thu nhập cho gần 1.300 người lao động trong công ty

Nghiên cứu, lựa chọn một số dự án thủy điện nhỏ và tìm kiếm đối tác đầu tư để hình thành tổ hợp cùng tham gia đầu tư xây dựng công trình và thực hiện công tác tư vấn khảo sát, thiết kế và quản lý dự án.

## 2.2. Kế hoạch thực hiện năm 2016

Năm 2016, tập trung để thực hiện kế hoạch với các chỉ tiêu chính sau:

Tập trung chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Doanh thu : 500 tỷ

Trong đó: Khảo sát, tư vấn, xây lắp : 325 tỷ

Bán điện : 175 tỷ

Chỉ tiêu tài chính:

Lợi nhuận trước thuế : 42,3 tỷ

Cổ tức : 10 % (giá trị 26.691.319.000 đồng)

**V. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không**

**D. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty**

**I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty**

### 1. Sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Những khó khăn

- Nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty thấp. Khi cổ phần hoá, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/01/2006, giá trị thực tế vốn nhà nước tại Công ty được xác định là 113 tỷ, trong đó tổng giá trị tài sản từ nhà cửa, máy móc trang bị sản xuất là gần 77,339 tỷ và giá trị tài sản vô hình là 35,661 tỷ. Vốn điều lệ của Công ty được xác định 100 tỷ, số còn lại đã được Công ty trả Nhà nước. Như vậy, hàng năm hoạt động của Công ty phải được trích khấu hao và trả cổ tức tương ứng cho giá trị tài sản vô hình. Để đảm bảo sản xuất, Công ty phải vay rất nhiều.

- Công việc tư vấn giảm nhiều, nhiều công trình đầu tư bị cắt giảm hoặc kéo dài.

- Áp lực cạnh tranh giữa các tổ chức tư vấn tăng cao.

- Vốn của các chủ đầu tư thiếu, chậm trả tiền dẫn đến Công ty phải nợ lương người lao động, vay ngân hàng lãi suất cao. Chi phí tăng, lợi nhuận giảm.

#### 1.2. Kết quả đạt được

- Các dự án của Công ty thực hiện đã đáp ứng được tiến độ, chất lượng, hiệu quả, nhiều dự án quy mô lớn điều kiện địa chất phức tạp, xây dựng trong vùng động đất, được áp dụng công nghệ hiện đại đã được đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả. Nâng cao thương hiệu Công ty.

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015: Tổng doanh thu vượt 14,46% (thực hiện: 573,455 tỷ đồng/kế hoạch 501,000 tỷ đồng); Lợi nhuận trước thuế giảm mạnh, giảm 17,17% (thực hiện: 42,243 tỷ đồng/kế hoạch 51 tỷ đồng).

So với năm 2014, năm 2015: Lợi nhuận trước thuế giảm mạnh 27,70% với giá trị là 16,182 tỷ đồng (năm 2014: 58,425 tỷ đồng/năm 2015: 42,243 tỷ đồng); Lợi

nhuận ròng giảm 32,10% với giá trị là 14,335 tỷ đồng (năm 2014: 44,654 tỷ đồng/năm 2015: 30,319 tỷ đồng)

Ngày 25/03/2016 Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA đã ký báo cáo kiểm toán độc lập (công ty mẹ và hợp nhất). Ngày 28/03/2016, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện I đã công bố thông tin các báo cáo trên tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty để các nhà đầu tư tham khảo.

Năm 2015, Công ty đã tập trung vào công tác phát triển thị trường đạt hiệu quả cao. Công ty đã ký được 170 hợp đồng với tổng giá trị là 470 tỷ đồng; các dự án thuộc EVN chiếm 42%, tương ứng 197 tỷ đồng; các dự án không thuộc EVN chiếm tỷ lệ 58%, tương ứng 273 tỷ đồng. Các hợp đồng ký trên đã thực hiện và nghiệm thu trong năm 2015 khoảng 140 tỷ; thực hiện và nghiệm thu trong năm 2016 và các năm tiếp theo khoảng 330 tỷ đồng.

- Công ty đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, sắp xếp hợp lý sản xuất.
- Công ty đã đang và sẽ tích cực xúc tiến quan hệ với khách hàng để có hợp đồng EPC dự án thủy lợi, thủy điện, tham gia tổng thầu EPC dự án nhiệt điện.
- Năm 2015, Công ty tích cực phát triển lực lượng tư vấn để tham gia tư vấn các dự án nhiệt điện, điện nguyên tử, tham gia cùng Viện năng lượng Nguyên tử và tư vấn Nga lập FS trung tâm nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt là cơ sở tích cực cho việc phát triển công tác tư vấn điện nguyên tử của Công ty.
- 04 công ty TNHH MTV do công ty sở hữu 100% vốn điều lệ đã chủ động trong công việc, nâng cao năng lực hoạt động.

Đầu tư thủy điện Sông Bung 5 đúng năng lực của Công ty, năm 2015 doanh thu bán điện đạt 158,863 tỷ đồng, thành công của dự án Sông Bung 5 là cơ sở tích cực để khách hàng tin cậy, xem xét giao Công ty thực hiện dự án tổng thầu EPC thủy lợi, thủy điện.

- Đã đầu tư mua một số phần mềm tính toán hiện đại, công tác đào tạo nâng cao năng lực kỹ sư đã được tập trung. Đầu tư trang thiết bị công nghệ cao, phần mềm đồng bộ đã được ứng dụng hiệu quả vào các dự án.
- Các kỹ sư của Công ty được làm việc trực tiếp với các kỹ sư của các hãng tư vấn nổi tiếng quốc tế, trực tiếp nghiên cứu thiết kế các dự án phức tạp, năng lực và kinh nghiệm được nâng cao, đảm đương được nhiệm vụ là tư vấn chính của các dự án quy mô lớn và phức tạp.
- Công tác thu hồi vốn đã được Công ty tập trung, tích cực.
- Sản xuất kinh doanh có lãi, thủy điện Sông Bung 5 đã phát điện kinh doanh, vốn được bảo toàn phát triển, tài sản của Công ty được tăng thêm.
- Duy trì tốt các hoạt động văn hoá thể thao, tạo môi trường gắn kết người lao động trong Công ty và với các công ty Tư vấn của EVN.

## 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các cuộc họp định kỳ, đột xuất kịp thời xem xét và thông qua các quyết định, giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc phân cấp, uỷ quyền cho Tổng giám đốc giải quyết một số vấn đề theo đúng chủ trương đã được thống nhất. Kịp thời chỉ đạo, giám sát, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty để giải quyết các vấn đề phát sinh, tạo điều kiện để các Công ty TNHH MTV phát triển việc làm, đảm bảo tốt kế hoạch SXKD. Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh

thần trách nhiệm vì công việc và sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với Ban Kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch.

### 3. Vấn đề khác

#### 3.1. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Năm 2015 tuy vẫn còn nhiều khó khăn về phát triển thị trường đặc biệt là việc thu hồi vốn nhưng Công ty vẫn quan tâm đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Kết quả thực hiện như sau:

- Đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ là 13 người
- Đào tạo tại nước ngoài, công tác theo dự án là 19 lượt người
- Lí luận chính trị cao cấp 3 người.
- Kinh phí cho công tác đào tạo của công ty năm 2015 là 316 triệu đồng

#### 3.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của công ty

Công ty chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm đồng bộ, hiện đại đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Với mục tiêu đảm bảo mọi sản phẩm, dịch vụ luôn đạt chất lượng cao, tiến độ và giá thành cạnh tranh nhất, năm 2015 Công ty đã tiếp tục đầu tư nhiều phần mềm lớn, hiện đại phục vụ công tác tính toán, thiết kế công trình như Phần mềm Thiết kế chi tiết hóa kết cấu cột thép 3D- Bocad, phần mềm lập bản đồ địa chất 3D, phần mềm Autocad phục vụ thiết kế, phần mềm phân tích, tính toán cho nhà máy ANSY và các phần mềm phục vụ tính toán công trình thủy điện, ...

Công tác điều hành được thực hiện phần lớn bằng phần mềm, qua mạng máy tính đã giảm thiểu được thời gian, chi phí, nhân lực cũng như tối ưu hóa công tác văn thư, lưu trữ. Công ty đã đưa vào sử dụng chữ ký số trong việc ký duyệt văn bản, hồ sơ đáp ứng nhanh chóng tiến độ thực hiện công việc. Hệ thống thư điện tử Công ty tiện lợi, thân thiện người dùng đã được sử dụng phổ biến, thường xuyên trong gửi, nhận văn bản điện tử phục vụ công việc.

Năm 2015, Công ty đã đầu tư đồng bộ và đưa vào vận hành phòng họp hội nghị truyền hình trực tuyến góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án.

Hệ thống máy chủ và phần mềm đồng bộ của Công ty hoạt động ổn định, hiệu quả, đảm bảo vận hành tốt các dịch vụ mạng và các ứng dụng quản lý của như Điều hành văn bản, Quản lý nhân sự, Quản lý và thanh quyết toán hợp đồng ... cũng như công tác lưu trữ số.

Nhân lực của bộ phận chuyên trách quản lý, triển khai hệ thống công nghệ thông tin Công ty được chú trọng, đội ngũ làm chủ được các dịch vụ, công nghệ và vận hành ổn định hệ thống, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

#### 3.3. Công tác tuyển dụng

Năm 2015, đã tuyển dụng 45 lao động, trong đó công ty mẹ tuyển dụng: 14 lao động; các công ty con tuyển dụng: 31 lao động.

Trong năm 2015, riêng công ty mẹ có 7 người chuyển công tác; có 20 trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động và thôi việc, giải quyết cho 28 người hưởng chế độ hưu trí.

Công ty đã ban hành quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương đối với các đơn vị sản xuất, quản lý trực thuộc công ty tạo điều kiện ưu đãi để các lãnh đạo đơn vị kịp thời động viên các nhân sự có chất lượng lao động tốt, thu hút người lao động có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý về công ty, tránh tình trạng chảy máu

chất xám... Tuy nhiên, việc thực hiện tại đơn vị sản xuất chưa thực sự hiệu quả. Có một số kỹ sư đã chuyển đi nay muốn trở lại làm việc tại Công ty, số lượng ít nhưng là tín hiệu tốt.

## **II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và người đại diện tại các Công ty TNHH một thành viên.**

Ban điều hành Công ty đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã có nhiều cố gắng để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh. Công tác phát triển thị trường đã được tập trung vào công việc có điều kiện thanh toán nhanh, tìm kiếm công việc từ các dự án chống biến đổi khí hậu, điện hạt nhân. Công tác thu hồi vốn đã được tập trung, tích cực.

Người đại diện tại các Công ty TNHH một thành viên đã chỉ đạo điều hành theo Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Các thành viên của Ban điều hành Công ty và các người đại diện có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

## **III. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

### **1. Định hướng phát triển giai đoạn 2013-2018**

Tập trung chỉ đạo để Công ty thực hiện tốt định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2013-2018.

- Phát triển việc làm, đa dạng hoá sản phẩm.
- Sắp xếp hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự toàn Công ty.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị Công ty, chú trọng về quản trị tài chính, nâng cao hiệu quả thu hồi vốn.
- Phối hợp với các đối tác thành lập các liên doanh hoặc tham gia góp vốn để nghiên cứu, lựa chọn một số dự án thủy điện nhỏ có hiệu quả đầu tư cao, nhằm mang lại nhiều lợi nhuận cho công ty
- Xây dựng Công ty phát triển, đảm bảo hài hoà lợi ích người lao động và cổ đông. Bảo toàn và phát triển vốn, năm 2013 mức cổ tức là 16%; năm 2014 mức cổ tức là 15%, mức cổ tức năm 2015 là 10,5%, phần đầu mức cổ tức các năm 2016-2018 từ 10% trở lên

### **2. Kế hoạch 2016**

Tập trung chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Doanh thu : 500 tỷ

Trong đó: Khảo sát, thiết kế, xây lắp : 325 tỷ

Bán điện : 175 tỷ

Chỉ tiêu tài chính:

Lợi nhuận trước thuế : 42,3 tỷ

Cổ tức : 10% (giá trị 26.691.319.000 đồng)

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện của Hội đồng quản trị năm 2015**

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đã bầu HĐQT và BKS của nhiệm kỳ 2 (2013-2018). Năm 2015, HĐQT tập trung chỉ đạo thực hiện:

- Hoàn thiện tổ chức và nhân sự của Công ty.

- Phát triển thị trường. Chú trọng các dự án nhiệt điện, lưới điện, dự án chống biến đổi khí hậu, điện hạt nhân.
- Phát triển các dự án đầu tư. Liên doanh với các nhà thầu mạnh để thực hiện các dự án EPC.
- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu chi phí.
- Xây dựng và triển khai thực hiện văn hoá Công ty.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị công ty, chú trọng về quản trị tài chính, nâng cao hiệu quả thu hồi vốn, đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán với các chủ đầu tư
- Xây dựng Công ty phát triển, đảm bảo hài hoà lợi ích người lao động và cổ đông. Bảo toàn và phát triển vốn, năm 2013 mức cổ tức là 16%; năm 2014 mức cổ tức là 15%, năm 2015 mức cổ tức là 10,5%, phần đầu mức cổ tức các năm 2016-2018 từ 10% trở lên
- Tập trung phát triển các dự án do EVN là chủ đầu tư
- Phát triển việc làm từ Tập đoàn Dầu khí, Than và các tập đoàn kinh tế tư nhân có dự án tại Việt Nam, Lào, Campuchia...
- Tích cực triển khai để được tham gia tổng thầu EPC dự án nhiệt điện; điện nguyên tử; thực hiện tổng thầu EPC các dự án thủy lợi
- Tích cực triển khai để được các chủ đầu tư giao thầu hoặc tham gia đấu thầu tư vấn xây dựng công trình giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; các dự án về chống biến đổi khí hậu; các dự án về môi trường...
- Phối hợp với các đối tác thành lập các liên doanh hoặc tham gia góp vốn để nghiên cứu, lựa chọn một số dự án thủy điện nhỏ có hiệu quả đầu tư cao, nhằm mang lại nhiều lợi nhuận cho công ty
- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, tập trung quyết toán các hợp đồng đã hoàn thành để thu hồi 5% vốn. Xử lý nợ tồn đọng.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với số lượng phù hợp, đồng bộ đầu tư trang thiết bị phần mềm công nghệ hiện đại.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm và các dịch vụ tư vấn
- Phát triển việc làm trong nước và nước ngoài, trong đó tập trung vào các dự án lưới điện, nhiệt điện, dự án năng lượng tái tạo, điện hạt nhân.
- Tổ chức thực hiện hiệu quả tổng thầu EPC dự án thủy điện, thủy lợi. Phối hợp với các đối tác để thực hiện tổng thầu EPC các dự án nhiệt điện, dự án biến đổi khí hậu.
- Nghiên cứu phát triển dự án thủy điện để Công ty tiếp tục đầu tư.
- Tổ chức quản lý, vận hành công trình và thiết bị Thủy điện Sông Bung 5 an toàn và hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị Công ty. Chú trọng về quản trị tài chính, nâng cao hiệu quả thu hồi vốn.

## J. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ %	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Cộng		
1	Ông Lê Minh Hà	Chủ tịch	5.801.691	2.711.561	8.513.252	31,9%	Điều hành
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên	4.351.268	53.754	4.405.022	16,5%	Điều hành
3	Ông Phạm Viết Hùng	Thành viên	4.351.268	3.497	4.354.765	16,32%	Không điều hành
4	Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên	0	36.020	36.020	0,13%	Điều hành
5	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	0	194.412	194.412	0,73%	Điều hành
	Cộng		14.504.227	2.999.244	17.503.471	65,58%	

#### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và theo các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Tại các cuộc họp HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các thành viên HĐQT đã phối hợp với Tổng Giám đốc trong việc điều hành thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì.

Số lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Năm 2015 các Thành viên Hội đồng quản trị đã trực tiếp tham dự 10 phiên họp và 10 lần lấy ý kiến bằng văn bản.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Minh Hà	Chủ tịch HĐQT	20	100%	
2	Nguyễn Tài Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	20	100%	
3	Phạm Viết Hùng	Phó trưởng Ban Quản lý đầu tư - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	20	100%	



Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
4	Phạm Nguyên Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	20	100%	
5	Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	20	100%	

**Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng quản trị**

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung và kết quả
1	24	12/01/2015	Thông qua phương án bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Vĩnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng.
2	25	03/03/2015	Kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 (triệu tập họp ĐHĐCĐ năm 2015 vào 8h00 thứ Sáu, ngày 24/04/2015; ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự họp ĐHĐCĐ là ngày 18/03/2015; tỷ lệ thực hiện: 01 cổ phiếu – 01 quyền biểu quyết).
3	26	05/03/2015	Đề nghị Ngân hàng TMCP Công Thương VN gia hạn thời gian thanh toán số dư nợ gốc của các khoản vay phục vụ đầu tư xây dựng công trình thủy điện Sông Bung 5.
4	27	12/03/2015	Thông qua chủ trương và phương án nhân sự xem xét lựa chọn bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty.
5	28	25/03/2015	Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện 2014, kế hoạch 2015; việc lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2015; việc cử người thay thế thành viên Ban kiểm soát để đưa ra biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
6	29	30/03/2015	Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009 được nêu tại Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/2015/SB5-PLHĐTD giữa Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Bên cho vay và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 - Bên vay (Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/2015/SB5-PLHĐTD là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009, hạn mức tín dụng là 900 tỷ đồng); ủy quyền ông Nguyễn Tài Sơn, Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/2015/SB5-PLHĐTD.
7	30	04/06/2015	Thông qua Kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực năm 2015.
8	31	05/06/2015	Thông qua chủ trương, phương án nhân sự bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1.
9	32	03/07/2015	Về việc phân bổ lợi nhuận năm 2014 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1, cụ thể như sau: - Chi trả cổ tức cho các cổ đông: 40.036.978.500 đồng

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung và kết quả
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích lập các quỹ: 4.464.439.538 đồng</li> <li>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quỹ đầu tư phát triển: 1.113.000.000 đồng</li> <li>+ Quỹ phúc lợi khen thưởng: 3.338.000.000 đồng</li> <li>+ Lợi nhuận để lại: 13.439.538 đồng</li> </ul> </li> </ul>
10	33	29/07/2015	Thông qua phương án vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân; ủy quyền cho TGD công ty chỉ đạo đàm phán ký kết hợp đồng tín dụng.
11	34	07/08/2015	Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Đông giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1.
12	35	10/08/2015	Thông qua việc bổ nhiệm ông Đặng Hoàng Cầm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
13	36	12/08/2015	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng và đảm bảo cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên; ủy quyền cho TGD công ty chỉ đạo đàm phán ký kết hợp đồng tín dụng.
14	37	03/09/2015	Thông qua việc ông Đặng Xuân Hạnh thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1 vì lý do sức khỏe.
15	38	15/09/2015	<p>Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền đồng Việt Nam theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TV1 ngày 24/04/2015:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn chi trả: Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2014;</li> <li>- Ngày ĐKCC: 02/10/2015;</li> <li>- Tỷ lệ thực hiện: 15%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng);</li> <li>- Ngày thanh toán: 22/10/2015.</li> </ul>
16	39	06/11/2015	Thông qua phương án vay vốn lưu động tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Hà Nội; ủy quyền cho TGD công ty chỉ đạo đàm phán ký kết hợp đồng tín dụng.
17	40	17/11/2015	Thông qua chủ trương, phương án nhân sự bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4.
18	41	19/11/2015	Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Chính giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
19	42	07/12/2015	Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Trinh giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4.

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung và kết quả
20	43	09/12/2015	Thành lập Đoàn Tư vấn giám sát Công trình thủy điện Thượng Kom Tum và phương án bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Trưởng đoàn Tư vấn giám sát Công trình thủy điện Thượng Kom Tum.

1.4. Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 người, trong đó có 01 người có trình độ tiến sỹ; 01 người có trình độ thạc sỹ và 03 người có trình độ kỹ sư, cử nhân.

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ %	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Cộng		
1	Ông Thạch Văn Năng	Trưởng ban	0	0	0	0,00%	Đến ngày 24/04/2015
2	Bà Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng ban	0	0	0	0,00%	Bổ nhiệm ngày 11/05/2015
3	Ông Mai Hữu Thung	Thành viên	0	205.569	205.569	0,77%	
4	Bà Lê Thị Ngọc Bích	Thành viên	0	157.946	157.946	0,59%	
	Cộng		0	363.515	363.515	1,36%	

### 2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị (HDQT) và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Chủ động đề xuất với HDQT một số vấn đề liên quan về kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy định nội lệ, kiểm toán độc lập, thu hồi công nợ .
- Tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên , đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc và đúng Luật pháp.
- Kiểm tra, soát xét báo cáo bán niên và thẩm định báo cáo tài chính năm 2015
- Sau ĐHCĐ thường niên tháng 4/2015 đến tháng 4/2016, Ban Kiểm soát đã thực hiện 3 cuộc họp, trong đó có 01 cuộc họp có sự tham gia đầy đủ của 03 thành viên; 02 cuộc họp có sự tham gia của 02 thành viên bao gồm cả Trưởng Ban kiểm soát
- Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có Biên bản làm việc của Ban Kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty. Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi

thông tin, tài liệu với Công ty và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Năm 2015, Ban Kiểm soát đã duy trì chế độ làm việc theo Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. Ban Kiểm soát đã làm việc cẩn trọng, có tinh thần trách nhiệm, liên hệ và phối hợp tốt trong thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

2.3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Năm 2015, tiếp tục có sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan; Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đã có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị Công ty.

2.4. Kiến nghị

Với mục tiêu phát triển Công ty ổn định và bền vững, Ban kiểm soát có một số kiến nghị chính như sau :

- Tìm kiếm và triển khai các hướng kinh doanh, các sản phẩm tư vấn mới, gia tăng thị phần tư vấn để đảm bảo doanh thu và lợi nhuận, phát triển Công ty ổn định và lâu dài;
- Giảm bớt đầu mỗi để nâng tầm quy mô và tập trung nguồn lực; quản lý chi phí, quản lý rủi ro và cải thiện năng suất lao động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng, bổ sung điều chỉnh và ban hành đầy đủ, kịp thời hệ thống văn bản quản trị Công ty nhằm quản lý chặt chẽ, chủ động thực hiện và công khai giám sát đánh giá hiệu quả;
- HĐQT cần quan tâm xem xét kế hoạch dòng tiền, có cơ chế phù hợp để công tác thu hồi công nợ đạt hiệu quả tốt, định kỳ kiểm điểm tình hình thực hiện;
- Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình hoàn thành, bám sát tiến độ thi công và quản lý tốt chi phí dở dang, phản ánh đúng giá trị các công trình dở dang thực hiện;
- Tăng cường công tác quản lý nợ phải thu, kiểm kê phân loại tuổi nợ, trích lập dự phòng nợ phải thu theo qui định và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; từng bước giảm nợ phải thu;
- Từng bước đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 3 lần theo qui định, làm lành mạnh hoá tình hình tài chính;
- Về đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 5: Đề nghị Công ty thực hiện việc kiểm toán công trình hoàn thành, xác định khối lượng, đơn giá, tổng giá trị thực hiện đầu tư phù hợp với quy định làm cơ sở cho việc thanh quyết toán công trình, quản lý và trích khấu hao TSCĐ theo chế độ.
- Quản lý tốt các khoản tạm ứng, tích cực thu hồi hoàn ứng, giảm thời gian hoàn ứng....

**3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Q Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao (đơn vị tính: đồng)**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương (tạm tính)	Lương bình quân/người/tháng	Lương chi đợt nghỉ mát, tết	Thù lao	Cộng
I	Hội đồng quản trị		1.336.500.000		12.000.000	72.000.000	1.420.500.000
1	Ông Lê Minh Hà	CT HĐQT	364.500.000	30.375.000	3.000.000		367.500.000
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	TV HĐQT - TGD	351.000.000	29.250.000	3.000.000		354.000.000
3	Ông Phạm Nguyên Hùng	TV HĐQT - Phó TGD	310.500.000	25.875.000	3.000.000		313.500.000
4	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT - Phó TGD	310.500.000	25.875.000	3.000.000		313.500.000
5	Ông Phạm Việt Hùng	TV HĐQT				72.000.000	72.000.000
II	Ban Tổng Giám đốc		226.833.000		3.000.000		229.833.000
1	Ông Phùng Văn Hoài	Phó TGD	34.500.000	34.500.000			34.500.000
2	Ông Đặng Hoàng Cẩm	Phó TGD	192.333.000	16.027.750	3.000.000		195.333.000
III	Ban kiểm soát		171.900.000		3.000.000	120.000.000	294.900.000
1	Ông Thạch Văn Năng	Nguyên Trưởng BKS				16.000.000	16.000.000
2	Bà Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng BKS				32.000.000	32.000.000
3	Ông Mai Hữu Thung	TV BKS				36.000.000	36.000.000
4	Bà Lê Thị Ngọc Bích	TV BKS	171.900.000	14.325.000	3.000.000	36.000.000	210.900.000
IV	Q. Kế toán trưởng						
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Q. KTT	250.648.950	20.887.413	3.000.000		253.648.950
V	Người được ủy quyền CBTT						
1	Ông Trịnh Quốc Trung	Trưởng phòng tổng hợp, Thư ký công ty	270.647.954	22.553.996	3.000.000		273.647.954
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.256.529.904</b>		<b>24.000.000</b>	<b>192.000.000</b>	<b>2.472.529.904</b>

**4. Các khoản lợi ích khác:**

Năm 2015 các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Quyền Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và những người có liên quan được nhận cổ tức năm 2014 bằng tiền; tỷ lệ thực hiện 15%.

Đơn vị: đồng

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Trước thuế	Khấu trừ thuế TNCN	Sau thuế
1	Ông Lê Minh Hà	Chủ tịch HĐQT	4.067.341.500	203.367.075	3.863.974.425
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	80.631.000	4.031.550	76.599.450
3	Ông Phạm Viết Hùng	Thành viên HĐQT	5.245.500	262.275	4.983.225
4	Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên HĐQT	54.030.000	2.701.500	51.328.500
5	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	291.618.000	14.580.900	277.037.100
6	Ông Phùng Văn Hoài	Phó Tổng giám đốc (đến ngày 01/02/2015)	1.333.500	66.675	1.266.825
7	Ông Đặng Hoàng Cẩm	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/08/2015)	7.822.500	391.125	7.431.375
8	Bà Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 11/05/2015)	0	0	0
9	Ông Thạch Văn Năng	Trưởng BKS (đến ngày 24/04/2015)	0	0	0
10	Bà Lê Thị Ngọc Bích	Thành viên BKS	236.919.000	11.845.950	225.073.050
11	Ông Mai Hữu Thung	Thành viên BKS	308.353.500	15.417.675	292.935.825
12	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Q. KTT (bổ nhiệm ngày 01/01/2015)	1.031.991.000	51.599.550	980.391.450
13	Ông Trịnh Quốc Trung	Tp. Tổng hợp, Thư ký công ty, CBTT	17.250.000	862.500	16.387.500

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Trước thuế	Khấu trừ thuế TNCN	Sau thuế
14	Bà Nguyễn Trà My (Vợ ông Nguyễn Tài Sơn)	Không	1.930.500	96.525	1.833.975
15	Bà Trần Thị Minh Hậu (Vợ ông Nguyễn Hồng Tuấn)	Không	157.605.000	7.880.250	149.724.750
16	Bà Nguyễn Thị Lượ (Vợ ông Mai Hữu Thung)	Không	588.963.000	29.448.150	559.514.850
17	Bà Phùng Thu Hương (Con ông Phùng Văn Hoài)	Không	8.835.000	441.750	8.393.250
	<b>Tổng</b>		<b>6.859.869.000</b>	<b>342.993.450</b>	<b>6.516.875.550</b>

## 5. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Năm 2015 các Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, quyền Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và những người có liên quan không giao dịch cổ phiếu TV1.

Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn, cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn và người có liên quan đến chính Công ty): Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy chế về quản trị Công ty được ban hành đã được Công ty nghiêm túc thực hiện.

Trong năm 2016 tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế còn thiếu để Công ty thực hiện.

## K. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán độc lập

1.1. Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

1.2. Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn

mức kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.3. Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập

Tên: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA

Trụ sở chính : Tầng 9, tòa nhà HL, số 82 đường Duy Tân, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Phone : 844.3755 7446

Fax : 844.3755 7448

[www.uhyvietnam.com.vn](http://www.uhyvietnam.com.vn).

Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho Công ty :

Ông Phạm Gia Đạt - Phó Tổng Giám đốc, Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0798-2014-112-1. Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

Ông Hà Minh Long - Kiểm toán viên, Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1221-2014-112-1.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 (mã CK TV1) đã báo cáo, công bố thông tin toàn văn Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán số 123/2016/UHYACA-BCKT và số 130/2016/UHYACA-BCKT ngày 25/03/2016, tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải tại địa chỉ Website: <http://www.pecc1.com.vn> của công ty ngày 28/03/2016.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được đăng trên Tạp chí Thanh tra Tài chính - Cơ quan của Bộ Tài Chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2016

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Hà**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**



---

*Hà Nội, tháng 03 năm 2016*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 41

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Minh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên
Ông Phạm Viết Hùng	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Tài Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hoài	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/02/2015)
Ông Đặng Hoàng Cẩm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 10/08/2015)
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Quyền Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/01/2015)
Bà Vũ Thị Hải	Quyền Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/01/2015)

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 và thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC) hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Tài Sơn**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số: 123 /2016/UHYACA-BCKT**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây được gọi là “Công ty”), được lập ngày 25/03/2016, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA (UHY ACA LTD)**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Hà Minh Long

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

1221-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>760.871.911.745</b>	<b>716.756.011.724</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.274.995.809	41.069.026.799
Tiền	111		19.274.995.809	41.069.026.799
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>320.414.826.334</b>	<b>322.719.775.822</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	268.133.468.651	280.988.893.833
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.026.687.444	7.664.471.362
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		13.973.525.495	13.847.039.472
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	23.281.144.744	19.771.411.155
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	447.960.000
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>421.120.165.554</b>	<b>352.905.285.055</b>
Hàng tồn kho	141	7	421.120.165.554	352.905.285.055
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>61.924.048</b>	<b>61.924.048</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	61.924.048	61.924.048
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.033.530.095.016</b>	<b>1.057.009.833.988</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>76.270.769.709</b>	<b>91.279.481.964</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	60.921.700.053	72.269.733.620
Trả trước cho người bán dài hạn	212		17.409.624.442	21.070.303.130
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.060.554.786)	(2.060.554.786)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>915.866.805.940</b>	<b>920.938.336.752</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	892.133.481.498	902.880.081.802
- Nguyên giá	222		1.082.983.454.412	1.048.324.652.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.849.972.914)	(145.444.571.046)
Tài sản cố định vô hình	227	10	23.733.324.442	18.058.254.950
- Nguyên giá	228		33.811.470.568	26.101.318.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.078.146.126)	(8.043.063.512)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.215.718.483</b>	<b>4.480.489.663</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.215.718.483	4.480.489.663
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>34.549.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		34.549.000.000	34.549.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.627.800.884</b>	<b>5.762.525.609</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	4.627.800.884	5.762.525.609
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.794.402.006.761</b>	<b>1.773.765.845.712</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.479.431.101.914</b>	<b>1.445.347.095.406</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>797.007.436.726</b>	<b>731.261.161.014</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	18.604.100.103	46.074.109.678
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31.797.590.637	31.314.047.510
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	35.901.538.482	56.217.766.316
Phải trả người lao động	314		68.834.275.055	58.232.325.631
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.787.754.592	1.383.105.008
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		54.055.510.946	36.977.854.591
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	14.494.380.648	17.765.170.953
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	566.832.910.384	480.740.500.768
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.699.375.879	2.556.280.559
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>682.423.665.188</b>	<b>714.085.934.392</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	13	54.628.162.247	15.978.974.787
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		13.161.059.185	12.967.515.849
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	614.634.443.756	685.139.443.756
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>314.970.904.847</b>	<b>328.418.750.306</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>314.970.904.847</b>	<b>328.168.750.306</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		266.913.190.000	266.913.190.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		17.073.481.430	16.101.984.744
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.484.233.417	44.653.575.562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		165.597.062	44.653.575.562
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.318.636.355	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>250.000.000</b>
Nguồn kinh phí	431		-	250.000.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.794.402.006.761</b>	<b>1.773.765.845.712</b>



**Nguyễn Tài Sơn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Hồng Tuấn**  
Q. Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Mai Hương**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	499.473.202.804	457.511.478.540
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>499.473.202.804</b>	<b>457.511.478.540</b>
Giá vốn hàng bán	11	20	306.138.052.588	268.186.582.886
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>193.335.150.216</b>	<b>189.324.895.654</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	8.282.199.643	5.949.345.376
Chi phí tài chính	22	22	108.529.807.055	106.667.765.815
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>103.553.978.019</i>	<i>106.647.040.752</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	36.790.160.040	26.488.072.756
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>56.297.382.764</b>	<b>62.118.402.459</b>
Thu nhập khác	31		12.066.910	41.182.142
Chi phí khác	32	24	15.370.557.600	5.277.460.548
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(15.358.490.690)</b>	<b>(5.236.278.406)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>40.938.892.074</b>	<b>56.882.124.053</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	10.620.255.719	12.228.550.891
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>30.318.636.355</b>	<b>44.653.573.162</b>



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hồng Tuấn  
Q. Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>40.938.892.074</b>	<b>56.882.124.053</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	49.575.162.496	42.225.873.735
Các khoản dự phòng	03	-	(471.379.425)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.803.890.683	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(4.791.593.181)	(5.833.369.670)
Chi phí lãi vay	06	103.553.978.019	106.647.040.752
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>191.080.330.091</b>	<b>199.450.289.445</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	14.774.811.136	(4.930.969.064)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(68.214.880.499)	(65.234.006.511)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.890.744.643)	(3.071.763.912)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.134.724.725	2.412.633.700
Tiền lãi vay đã trả	14	(103.450.580.619)	(103.884.241.570)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.391.057.210)	(14.694.793.586)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.777.794.630	211.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.846.062.960)	(1.273.348.980)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.974.334.651</b>	<b>8.984.799.522</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(39.129.716.336)	(64.484.810.010)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	11.454.545	36.181.818
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.780.138.636	5.797.187.852
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(34.338.123.155)</b>	<b>(58.651.440.340)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		446.360.103.909	445.599.067.501
Tiền trả nợ gốc vay	34		(430.772.694.293)	(409.326.832.401)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.114.868.205)	(214.501.080)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(527.458.589)</b>	<b>36.057.734.020</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(21.891.247.093)</b>	<b>(13.608.906.798)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>41.069.026.799</b>	<b>54.603.510.892</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		97.216.103	74.422.705
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>19.274.995.809</b>	<b>41.069.026.799</b>



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hồng Tuấn  
Q. Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hương  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, tên viết tắt là PECC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103021734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần 8 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 vào ngày 09/09/2014.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 có trụ sở tại: Km 9+200, đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 266.913.190.000 đồng, chia thành 26.691.319 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phần tương ứng 145.042.270.000 đồng, chiếm 54,34% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.187.092 cổ phần tương ứng 121.870.920.000 đồng, chiếm 45,66% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TV1.

**1.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Khảo sát thiết kế các công trình điện;
- Gia công, thử nghiệm cột điện bằng thép;
- Xây dựng, sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Xây dựng lưới điện từ 35 KV trở xuống;
- Nghiên cứu lập dự án đầu tư;
- Thiết kế các công trình điện tất cả các giai đoạn;
- Khảo sát xây dựng, khảo sát môi trường, thí nghiệm địa chất, vật liệu xây dựng...phục vụ thiết kế;
- Thẩm định đồ án thiết kế công trình điện không do Công ty thiết kế;
- Tổng thầu khảo sát, thiết kế và quản lý dự án các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn EVN;
- Lập hồ sơ vật tư, thiết bị phục vụ cho chào thầu các công trình điện, kiểm định chất lượng xây dựng các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn EVN;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn Hợp đồng kinh tế công trình điện;
- Tư vấn dịch vụ và xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: công tác điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình, lập hồ sơ và dịch vụ tổ chức đấu thầu về thiết kế, mua sắm trang thiết bị, xây lắp công trình, giám sát xây dựng, nhận thầu quản lý xây dựng;
- Gia công thử nghiệm cột điện các loại;
- Xây dựng sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt;
- Dịch vụ khảo sát và đo vẽ bản đồ (địa hình, địa chính);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính (tiếp)**

- Xây lắp các công trình lưới điện có cấp điện áp đến 110KV;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí điện lực;
- Kiểm định công trình xây dựng và các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Từ ngày 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán. Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 30 - Thuyết minh báo cáo tài chính.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng tư vấn và các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

**3.5 Trích lập dự phòng**

Tại ngày 31/12/2015, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**3.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Ngoài ra, Công ty áp dụng việc trích khấu hao tài sản cố định theo Thông báo số 2190/EVN-TCKT của Tập đoàn Điện lực Việt Nam hướng dẫn thi hành Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

**3.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính. Chi tiết tài sản cố định vô hình như sau:

- Phần mềm máy tính: khấu theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong 3 năm.
- Quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí về đầu tư xây dựng công trình Thủy điện Sông Bung 5, công trình này chưa hoàn thành toàn bộ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khi công trình này hoàn thành và khai thác theo từng hạng mục, được Công ty phê duyệt theo phân cấp, các chi phí đầu tư xây dựng dở dang sẽ được kết chuyển và ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

**3.9 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty, khoản đầu tư vào Công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần nhận được từ các Công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư.

**3.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.11 Phải trả người bán**

Các khoản phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Các khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người bán.

Phần phát sinh tăng của các khoản phải trả người bán cho các nhà thầu phụ nước ngoài được hạch toán trên cơ sở giá trị nghiệm thu giữa Chủ đầu tư với Công ty về hạng mục nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện.

**3.12 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thực chi và chưa thu thập đầy đủ chứng từ được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu và chi phí của công trình xây lắp được ghi nhận khi công trình đã hoàn thành được bàn giao và khách hàng chấp nhận thanh toán. Ngoài ra, đối với các công trình xây dựng dở dang, doanh thu và chi phí liên quan được xác định tương ứng với các phần công việc (hạng mục) đã nghiệm thu có xác nhận của chủ đầu tư.

Đối với các công trình đã hoàn thành và ghi nhận doanh thu của các năm trước nhưng khi quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền mà bị cắt giảm giá trị thanh toán sẽ được Công ty điều chỉnh giảm doanh thu và công nợ tương ứng vào năm hiện hành.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các khoản đầu tư mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**3.14 Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế được xác định căn cứ theo tỷ lệ hoàn thành của công trình đã nghiệm thu trong năm.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Các khoản tồn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

**3.16 Ngoại tệ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3.17 Thuế*****Thuế Giá trị gia tăng***

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với các hoạt động của Công ty là 0% và 10%.

***Thuế Thu nhập doanh nghiệp***

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của kỳ hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 22%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.18 Bên liên quan**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

**3.19 Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Tiền mặt	1.182.906.318	1.076.961.470
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.092.089.491	39.992.065.329
<b>Cộng</b>	<b>19.274.995.809</b>	<b>41.069.026.799</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	32.951.013.052	32.951.013.052
- Các khoản phải thu khách hàng khác	235.182.455.599	248.037.880.781
<b>Cộng</b>	<b>268.133.468.651</b>	<b>280.988.893.833</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Công ty Truyền tải Điện 1	6.879.549.170	4.352.753.245
- Công ty Cổ phần thủy điện Văn Chấn	6.360.507.261	6.360.507.261
- Công ty Cổ phần BITECO Nho Quế	8.678.878.311	8.678.878.311
- Các khoản phải thu khách hàng khác	39.002.765.311	52.877.594.803
<b>Cộng</b>	<b>60.921.700.053</b>	<b>72.269.733.620</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>329.055.168.704</b>	<b>353.258.627.453</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>180.912.792.865</b>	<b>160.889.286.549</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>23.281.144.744</b>	-	<b>19.771.411.155</b>	-
- Tạm ứng	18.174.036.348	-	17.716.626.551	-
- Thuế giá trị gia tăng tạm hạch toán	408.972.894	-	62.640.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên	2.387.944.816	-	1.863.773.000	-
- Phải thu cán bộ, công nhân viên	-	-	2.362.500	-
- Phải thu tiền bảo hiểm xã hội	1.435.020.856	-	-	-
- Phải thu khác	875.169.830	-	126.009.104	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.281.144.744</b>	-	<b>19.771.411.155</b>	-

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.051.440.500	-	1.135.283.638	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	420.068.725.054	-	351.770.001.417	-
<b>Cộng</b>	<b>421.120.165.554</b>	-	<b>352.905.285.055</b>	-

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>61.924.048</b>	<b>61.924.048</b>
- Các khoản khác	61.924.048	61.924.048
<b>Dài hạn</b>	<b>4.627.800.884</b>	<b>5.762.525.609</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.449.192.181	1.405.308.210
- Lợi thế thương mại	2.178.608.703	4.357.217.399
<b>Cộng</b>	<b>4.689.724.932</b>	<b>5.824.449.657</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>586.862.179.379</b>	<b>387.983.145.903</b>	<b>65.619.757.207</b>	<b>7.653.577.359</b>	<b>205.993.000</b>	<b>1.048.324.652.848</b>
- Mua trong năm	2.026.701.818	3.890.042.927	2.800.810.000	1.315.540.000	-	10.033.094.745
- Đầu tư XDCB hoàn thành	13.797.276.975	17.996.865.650	1.274.594.314	-	-	33.068.736.939
- Tăng khác	-	135.961.628.764	2.640.405.714	-	-	138.602.034.478
- Thanh lý, nhượng bán	-	(357.769.670)	(111.423.000)	(860.690.619)	(32.246.000)	(1.362.129.289)
- Giảm khác	(145.682.935.309)	-	-	-	-	(145.682.935.309)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>457.003.222.863</b>	<b>545.473.913.574</b>	<b>72.224.144.235</b>	<b>8.108.426.740</b>	<b>173.747.000</b>	<b>1.082.983.454.412</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>62.144.324.804</b>	<b>50.035.522.292</b>	<b>26.772.743.990</b>	<b>6.397.907.641</b>	<b>94.072.319</b>	<b>145.444.571.046</b>
- Khấu hao trong năm	14.284.660.740	26.370.701.480	5.371.386.878	706.044.663	34.737.396	46.767.531.157
- Thanh lý, nhượng bán	-	(357.769.670)	(111.423.000)	(860.690.619)	(32.246.000)	(1.362.129.289)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>76.428.985.544</b>	<b>76.048.454.102</b>	<b>32.032.707.868</b>	<b>6.243.261.685</b>	<b>96.563.715</b>	<b>190.849.972.914</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>524.717.854.575</b>	<b>337.947.623.611</b>	<b>38.847.013.217</b>	<b>1.255.669.718</b>	<b>111.920.681</b>	<b>902.880.081.802</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>380.574.237.319</b>	<b>469.425.459.472</b>	<b>40.191.436.367</b>	<b>1.865.165.055</b>	<b>77.183.285</b>	<b>892.133.481.498</b>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 41.424.333.028 đồng.

Giá trị còn lại các tài sản cầm cố thế chấp của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 901.501.031.295 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2015	15.623.924.042	10.477.394.420	26.101.318.462
- Mua trong năm	7.080.900.831	1.401.800.000	8.482.700.831
- Thanh lý, nhượng bán	-	(772.548.725)	(772.548.725)
Tại 31/12/2015	<u>22.704.824.873</u>	<u>11.106.645.695</u>	<u>33.811.470.568</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2015	-	8.043.063.512	8.043.063.512
- Trích khấu hao trong năm	1.517.854.972	1.289.776.367	2.807.631.339
- Thanh lý, nhượng bán	-	(772.548.725)	(772.548.725)
Tại 31/12/2015	<u>1.517.854.972</u>	<u>8.560.291.154</u>	<u>10.078.146.126</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2015	<u>15.623.924.042</u>	<u>2.434.330.908</u>	<u>18.058.254.950</u>
Tại 31/12/2015	<u>21.186.969.901</u>	<u>2.546.354.541</u>	<u>23.733.324.442</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.215.718.483	2.215.718.483	4.480.489.663	4.480.489.663
Nhà máy thủy điện Sông Bung 5	2.215.718.483	2.215.718.483	4.480.489.663	4.480.489.663
Cộng	<u>2.215.718.483</u>	<u>2.215.718.483</u>	<u>4.480.489.663</u>	<u>4.480.489.663</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Công ty TNHH MTV Khảo sát và Thiết kế Xây dựng Điện 1	17.102.000.000	17.102.000.000	17.102.000.000	17.102.000.000
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	4.870.000.000	4.870.000.000	4.870.000.000	4.870.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	6.517.000.000	6.517.000.000	6.517.000.000	6.517.000.000
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	6.060.000.000	6.060.000.000	6.060.000.000	6.060.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>34.549.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.604.100.103</b>	<b>18.604.100.103</b>	<b>46.074.109.678</b>	<b>46.074.109.678</b>
Công ty Cổ phần Khảo sát và Địa chính	4.549.133.824	4.549.133.824	4.549.133.824	4.549.133.824
Công ty Tractebel Engineering	3.000.033.344	3.000.033.344	2.587.231.256	2.587.231.256
Công ty Cổ phần xây dựng 47	311.182.098	311.182.098	33.904.955.578	33.904.955.578
Các đối tượng khác	10.743.750.837	10.743.750.837	5.032.789.020	5.032.789.020
<b>Dài hạn</b>	<b>54.628.162.247</b>	<b>54.628.162.247</b>	<b>15.978.974.787</b>	<b>15.978.974.787</b>
Công ty Cổ phần xây dựng 47	33.904.955.578	33.904.955.578	-	-
Các đối tượng khác	20.723.206.669	20.723.206.669	15.978.974.787	15.978.974.787
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>803.011.271</b>	<b>803.011.271</b>	<b>859.409.222</b>	<b>859.409.222</b>
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Miền trung	205.920.784	205.920.784	205.920.784	205.920.784
Trung tâm công nghệ Thông tin EVN	190.563.645	190.563.645	164.784.098	164.784.098
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4	141.066.154	141.066.154	141.066.154	141.066.154
Ban điều hành Dự án Thủy điện Pleikrong	133.664.300	133.664.300	133.664.300	133.664.300
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3	131.796.388	131.796.388	-	-
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	-	-	213.973.886	213.973.886



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	28.385.216.827	36.681.902.210	43.427.819.760	21.639.299.277
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.636.187.097	11.134.137.582	12.391.057.210	8.379.267.469
- Thuế thu nhập cá nhân	8.828.086.334	2.143.498.610	8.039.265.536	2.932.319.408
- Thuế tài nguyên	3.298.451.186	11.162.324.336	14.431.941.835	28.833.687
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	237.012.224	77.493.589	314.505.813	-
- Các loại thuế khác	3.897.632.282	1.000.000.501	4.342.470.845	555.161.938
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.935.180.366	14.767.025.901	14.335.549.564	2.366.656.703
<b>Cộng</b>	<b>56.217.766.316</b>	<b>76.966.382.729</b>	<b>97.282.610.563</b>	<b>35.901.538.482</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.787.754.592</b>	<b>1.383.105.008</b>
Thủy điện Hòa Bình - Xây dựng mốc hành lang	-	87.272.727
Đánh giá tiềm năng trên sông Nam Et	-	113.830.900
Thủy điện Hạ Sê San 2	-	841.298.969
Nhiệt điện Ninh Thuận - KS lựa chọn địa điểm	-	203.670.632
Trung tâm Điện lực Nghệ An	-	78.759.091
Sê San 3A	-	58.272.689
Thủy điện Đasiat	318.856.305	-
Thủy điện Hòa Na	498.991.681	-
Thủy điện A Lưới	365.006.629	-
Thủy điện Sông Đà Giai đoạn 1	1.501.502.577	-
Trích trước chi phí lãi vay	103.397.400	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.787.754.592</b>	<b>1.383.105.008</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.494.380.648</b>	<b>17.765.170.953</b>
Kinh phí công đoàn	357.111.629	268.491.777
Bảo hiểm xã hội	-	739.129.324
Bảo hiểm thất nghiệp	1.094.372.200	542.722.717
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.042.896.819	16.214.827.135
<i>Lợi nhuận, cổ tức chia cho cổ đông</i>	<i>2.084.996.915</i>	<i>812.925.620</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác (*)</i>	<i>10.957.899.904</i>	<i>15.401.901.515</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>14.494.380.648</b>	<b>17.765.170.953</b>

(\*) Các khoản phải trả, phải nộp khác là các khoản chi phí phải trả cán bộ công nhân viên đã hoàn chứng từ về, nhưng Công ty chưa thanh toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	Tại 01/01/2015		Trong năm		Tại 31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>480.740.500.768</b>	<b>480.740.500.768</b>	<b>480.800.103.909</b>	<b>394.707.694.293</b>	<b>566.832.910.384</b>	<b>566.832.910.384</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (1)	197.289.249.451	197.289.249.451	187.810.428.222	229.289.249.451	155.810.428.222	155.810.428.222
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (7)	-	-	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực (2)	81.000.000.000	81.000.000.000	14.000.000.000	25.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long Biên (3)	29.000.000.000	29.000.000.000	49.347.157.184	29.000.000.000	49.347.157.184	49.347.157.184
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (4)	-	-	7.410.938.413	-	7.410.938.413	7.410.938.413
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (8)	-	-	390.000.000	-	390.000.000	390.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (5)	-	-	25.056.104.214	-	25.056.104.214	25.056.104.214
Vay cá nhân (6)	173.451.251.317	173.451.251.317	160.785.475.876	111.418.444.842	222.818.282.351	222.818.282.351
<b>Vay dài hạn</b>	<b>685.139.443.756</b>	<b>685.139.443.756</b>	<b>1.950.000.000</b>	<b>72.455.000.000</b>	<b>614.634.443.756</b>	<b>614.634.443.756</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (7)	685.139.443.756	685.139.443.756	-	72.000.000.000	613.139.443.756	613.139.443.756
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (8)	-	-	1.950.000.000	455.000.000	1.495.000.000	1.495.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.165.879.944.524</b>	<b>1.165.879.944.524</b>	<b>482.750.103.909</b>	<b>467.162.694.293</b>	<b>1.181.467.354.140</b>	<b>1.181.467.354.140</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTDHM/NHCT326-PECC1 ngày 04/12/2014 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với mục đích mua nguyên vật liệu, trả lương cán bộ công nhân viên và các chi phí khác để phục vụ hoạt động tư vấn, khảo sát, thiết kế. Hạn mức tín dụng là 240.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ.
- (2) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng hạn mức tín dụng số 15/2015/HĐTD-HM-DN/TCĐL ngày 11/06/2015 được ký kết giữa Công ty với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng là 95.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ phù hợp với từng phương án kinh doanh cụ thể, khả năng thu hồi vốn vòng quay vốn lưu động nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận nợ và được ghi trên khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Cho vay có bảo đảm bằng nguồn thu từ các Hợp đồng kinh tế, hàng tháng Công ty chuyển doanh thu vào tài khoản do EVNFinance chỉ định tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành tối thiểu 50% tổng dư nợ tại EVNFinance thời điểm thông báo chuyển vốn. Tài sản đảm bảo bổ sung: Toàn bộ giá trị các khoản phải thu khách hàng bình quân của bên B tại mọi thời điểm.
- (3) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng cấp tín dụng số 427.15.053.1268888.TD ngày 18/06/2015 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Long Biên với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động tư vấn, thiết kế, giám sát năm 2015 – 2016 của khách hàng và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng văn bản nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là: Quyền đòi nợ/ Khoản phải thu hình thành từ các phương án Ngân hàng tài trợ, các tài sản đảm bảo khác mà Công ty cũng như bên thứ ba đã hoặc sẽ dùng để bảo đảm tại Ngân hàng cũng được sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty theo hợp đồng cấp tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- (4) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng cấp tín dụng số 91-21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN ngày 03/09/2015 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hà Nội với mục đích vay thanh toán lương cố định hàng tháng, lương nhân công và các chi phí khác theo từng công trình phục vụ cho hoạt động tư vấn, khảo sát và thiết kế của khách hàng. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng văn bản nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là: Quyền đòi nợ/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bất động sản là trụ sở của khách hàng.
- (5) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015/HM/NHNT.TX-TV1 ngày 13/11/2015 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh miễn ký quỹ, phát hành thư tín dụng miễn ký quỹ, hiết khấu có truy đòi, các hình thức tín dụng khác mà Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cho phép. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ phát sinh của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 tối thiểu tương đương với mức dư nợ tại Vietcombank trong kỳ.
- (6) Là các khoản vay ngắn hạn với cán bộ công nhân viên trong Công ty, có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(7) Toàn bộ số dư khoản vay dài hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với mục đích đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5. Hạn mức tín dụng là 900.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng thời kỳ. Số dư gốc vay đến 31/12/2015 là 649.139.443.756 đồng. Ngân hàng sẽ xác định số dư nợ gốc cụ thể phải thanh toán vào mỗi ngày thanh toán gốc và sẽ thông báo cho Công ty về việc xác định nghĩa vụ trả nợ đó. Trong đó: số đến hạn trả trong năm 2016 là 36.000.000.000 đồng.

(8) Toàn bộ số dư khoản vay dài hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 104-14.09.15/HĐTD/TPBANK.THN ngày /10/2015 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội với mục đích thanh toán bù đắp tiền mua 01 xe ô tô Toyota Land Cruiser VX theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 150905/HĐMB giữa Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1 và Công ty Toyota Thăng Long. Số tiền là 1.950.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo chấp thuận của TPBank. Số dư gốc vay đến 31/12/2015 là 1.885.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo là xe 1 xe ô tô nhãn hiệu Land Cruiser VX biển kiểm soát 30A-834.12. Trong đó: số đến hạn trả trong năm 2016 là 390.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác Thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2014</b>	<b>230.105.360.000</b>	<b>11.073.100</b>	<b>13.108.993.101</b>	<b>500.000.000</b>	<b>39.342.669.630</b>	<b>283.068.095.831</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	-	44.653.573.162	44.653.573.162
- Phân phối lợi nhuận	36.807.830.000	-	74.930.493	-	(39.342.667.230)	(2.459.906.737)
- Chênh lệch tỷ giá	-	(11.073.100)	-	-	-	(11.073.100)
- Phân loại lại quỹ dự phòng tài chính theo Thông tư 200/TT-BTC	-	-	2.918.061.150	-	-	2.918.061.150
<b>31/12/2014</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>16.101.984.744</b>	<b>500.000.000</b>	<b>44.653.575.562</b>	<b>328.168.750.306</b>
<b>01/01/2015</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>16.101.984.744</b>	<b>500.000.000</b>	<b>44.653.575.562</b>	<b>328.168.750.306</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	30.318.636.355	30.318.636.355
- Trích lập các quỹ	-	-	971.496.686	-	(1.073.041.646)	(101.544.960)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(40.036.978.500)	(40.036.978.500)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(3.377.958.354)	(3.377.958.354)
<b>31/12/2015</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>17.073.481.430</b>	<b>500.000.000</b>	<b>30.484.233.417</b>	<b>314.970.904.847</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận trong năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2013 ngày 25/04/2015 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT-TVĐ1-TH ngày 03/07/2015 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	54,34%	145.032.993.439	54,34%	145.032.993.439
Các cổ đông khác	45,66%	121.880.196.561	45,66%	121.880.196.561
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>100%</b>	<b>266.913.190.000</b>

**18.3 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	266.913.190.000	266.913.190.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	266.913.190.000	266.913.190.000

**18.4 Cổ phiếu**

	Tại 31/12/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.691.319	26.691.319
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.691.319	26.691.319
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.691.319	26.691.319
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.691.319	26.691.319
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>499.473.202.804</b>	<b>457.511.478.540</b>
Doanh thu sản xuất điện	158.862.802.479	127.979.191.589
Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	285.049.801.954	262.112.837.574
Doanh thu khác	55.560.598.371	67.419.449.377
<b>Cộng</b>	<b>499.473.202.804</b>	<b>457.511.478.540</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>388.860.283.888</b>	<b>337.210.054.437</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn sản xuất điện	72.652.882.937	64.005.695.997
Giá vốn khảo sát, thiết kế công trình điện	179.151.668.078	136.761.437.512
Giá vốn khác	54.333.501.573	67.419.449.377
<b>Cộng</b>	<b>306.138.052.588</b>	<b>268.186.582.886</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	84.988.364	137.049.233
Lãi tiền ký quỹ	-	18.588.030
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.502.061.007	152.157.524
Lợi nhuận từ các công ty con	4.695.150.272	5.641.550.589
<b>Cộng</b>	<b>8.282.199.643</b>	<b>5.949.345.376</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	103.553.978.019	106.647.040.752
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.171.938.353	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.803.890.683	20.725.063
<b>Cộng</b>	<b>108.529.807.055</b>	<b>106.667.765.815</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>36.790.160.040</b>	<b>26.488.072.756</b>
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	1.857.585.970	3.632.366.604
Chi phí nhân viên quản lý	15.550.216.880	13.675.534.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.945.545	195.805.492
Thuế phí, lệ phí	4.556.800.595	883.241.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.539.492.959	4.172.409.154
Chi phí bằng tiền khác	6.404.484.440	3.096.955.034
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.591.633.651	831.760.546

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.676.416.694	291.131.967
Phạt chậm nộp thuế	12.782.565.590	4.270.759.516
Các khoản chi phí khác	911.575.316	715.569.065
<b>Cộng</b>	<b>15.370.557.600</b>	<b>5.277.460.548</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>40.938.892.074</b>	<b>56.882.124.053</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>13.186.937.614</b>	<b>4.495.906.287</b>
- Các khoản chi phí (phạt chậm nộp thuế)	12.501.142.736	-
- Các khoản chi phí (phạt chậm nộp bảo hiểm)	17.992.245	-
- Khấu hao ô tô phần vượt quá 1,6 tỷ đồng	83.263.514	-
- Thù lao cho thành viên HĐQT không kiêm nhiệm	72.000.000	-
- Chi phí không được trừ khác	512.539.119	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(5.851.940.052)</b>	<b>(5.793.708.113)</b>
- Lợi nhuận Công ty con	(4.695.150.272)	(5.641.550.589)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(56.106.495)	(152.157.524)
- Các khoản thu nhập không chịu thuế khác	(1.100.683.285)	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>48.273.889.636</b>	<b>55.584.322.227</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>10.620.255.719</b>	<b>12.228.550.891</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>10.620.255.719</b>	<b>12.228.550.891</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Tại 31/12/2015</u>	<u>Tại 01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	240.526,27	180.264,89
Nợ khó đòi đã xử lý:	4.186.352.918	4.186.352.918

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.19 - Công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.274.995.809	41.069.026.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	329.713.777.498	351.389.084.271
<b>Cộng</b>	<b>348.988.773.307</b>	<b>392.458.111.070</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.181.467.354.140	1.165.879.944.524
Phải trả người bán và phải trả khác	140.330.670.115	115.245.766.191
Chi phí phải trả	2.787.754.592	1.383.105.008
<b>Cộng</b>	<b>1.324.585.778.847</b>	<b>1.282.508.815.723</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(975.597.005.540)</b>	<b>(890.050.704.653)</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	566.832.910.384	614.634.443.756	1.181.467.354.140
Phải trả người bán và phải trả khác	85.702.507.868	54.628.162.247	140.330.670.115
Chi phí phải trả	2.787.754.592	-	2.787.754.592
<b>Cộng</b>	<b>655.323.172.844</b>	<b>669.262.606.003</b>	<b>1.324.585.778.847</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	480.740.500.768	685.139.443.756	1.165.879.944.524
Phải trả người bán và phải trả khác	99.266.791.404	15.978.974.787	115.245.766.191
Chi phí phải trả	1.383.105.008	-	1.383.105.008
<b>Cộng</b>	<b>581.390.397.180</b>	<b>701.118.418.543</b>	<b>1.282.508.815.723</b>

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.274.995.809	-	19.274.995.809
Phải thu khách hàng và phải thu khác	270.852.632.231	58.861.145.267	329.713.777.498
<b>Cộng</b>	<b>290.127.628.040</b>	<b>58.861.145.267</b>	<b>348.988.773.307</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.069.026.799	-	41.069.026.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	281.179.905.437	70.209.178.834	351.389.084.271
<b>Cộng</b>	<b>322.248.932.236</b>	<b>70.209.178.834</b>	<b>392.458.111.070</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>		
Doanh thu các công trình thuộc EVN	388.860.283.888	337.210.054.437
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu sản xuất điện</i>	<i>158.862.802.479</i>	<i>127.979.191.589</i>
<i>Doanh thu khảo sát thiết kế</i>	<i>229.997.481.409</i>	<i>209.230.862.848</i>
	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng bên có liên quan</b>	<b>346.137.932</b>	<b>462.852.760</b>
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	202.887.082	313.049.035
Trung tâm Công nghệ Thông tin EVN	23.435.952	149.803.725
Công ty Cổ phần Tư vấn điện 3	119.814.898	-
	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận từ các Công ty con</b>	<b>4.695.150.272</b>	<b>5.641.550.589</b>
Công ty TNHH MTV Khảo sát và Thiết kế Xây dựng Điện 1	1.956.454.119	1.579.752.195
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	839.116.626	1.286.173.162
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	1.165.825.476	1.133.427.048
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	733.754.051	1.642.198.184

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan:**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	192.006.773	192.006.773
Ban QLDA Lưới điện_Công ty Điện lực 2	119.210.000	119.210.000
Ban QLDA Nhiệt điện 1	669.187.871	669.187.871
Ban QLDA Lưới điện TP Hải Phòng	2.115.069.500	48.361.924
Ban QL Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Bắc	381.686.048	381.686.048
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	2.264.065.442	
Công ty CP điện Nhiệt điện Quảng Ninh	6.762.323.960	2.061.375.282
Công ty CP tư vấn xây dựng điện 2	159.636.354	159.636.354
Ban QLDA Thủy điện 1	6.931.338.039	3.660.543.560
Ban QLDA Thủy điện 2	10.065.511.218	5.659.126.253
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4	983.545.001	983.545.000
Điện lực Cao Bằng	22.957.590	22.957.590
Ban QLDA Lưới điện - Công ty Điện lực 1	1.804.042.902	1.851.122.715
Công ty CP Thủy điện miền Nam		1.112.653.803
Ban QLDA Lưới điện - Điện lực Hà Nội	1.105.540.073	2.274.220.393
Ban ĐHDA Thủy điện Tuyên Quang	143.960.000	143.960.000
Nhà máy Thủy điện Ialy	398.888.311	1.248.888.311
Ban QLDA Thủy điện Sơn La	17.528.374.541	13.822.398.303
Ban QLDA Thủy điện 3	49.521.858	3.426.423.749
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.389.343.890	5.509.482.325
Ban QLDA Điện lực dầu khí Vũng áng Quảng Trạch		416.108.565
Ban QLDA Điện lực dầu khí Thái Bình 2	298.583.620	1.297.783.620
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	-	1.153.353.737
Công ty mua bán điện	8.866.857.834	5.220.602.190
Công ty CP điện Gia Lai	662.708.191	
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	798.689.160	39.934.458
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	295.300.348	18.328.185
Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 4	424.208.123	424.208.123
Ban QLDA Nhiệt điện 2	-	
Công ty Thủy điện Bản Vẽ	2.587.575.000	1.447.700.000
Ban QLDA Thủy điện sông Bung 2	-	376.242.066

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan (tiếp):**

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
<b>Phải thu khách hàng (tiếp)</b>		
Công ty CP Thủy điện Sông Tranh	-	2.787.014.068
Ban QLDA Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	-	-
Công ty Truyền tải Điện 2	603.959.942	562.407.491
Ban điều hành dự án NMNĐ Thái Bình 2	885.000.000	
Công ty CP Thủy điện A Vương	681.444.540	
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	-	180.780.441
Ban QLDA Phát triển Điện lực Hà nội	6.264.726.573	310.784.740
Công ty CP Cơ điện Thủ Đức	1.412.369.366	512.369.366
Công ty CP Cơ khí Điện lực	3.417.045.425	6.551.845.425
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Phát điện 1	1.454.440.630	9.331.660.089
Trung tâm Công nghệ Thông tin-EVN	342.773.792	-
Công ty Thủy điện An Khê-kanak	564.018.737	33.430.019
Ban QLDA Thủy điện 7	3.111.997.786	3.111.997.786
Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam		3.656.094.313
Công ty CP Cơ điện miền Trung	576.713.101	616.701.515
Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	4.989.193.263	873.720.845
Ban QLDA Thủy điện 6	59.050.559	59.050.559
Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	7.591.345.587	2.118.480.237
Công ty CP Thủy điện Gia Lai	60.000.000	60.000.000
Công ty CP EVN Quốc tế	34.331.574.793	34.331.574.793
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	112.906.092	112.906.092
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bắc Minh	5.433.414.598	5.604.478.876
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa	4.972.332.823	4.317.157.472
Công ty CP Thủy điện sông Ba Hạ	178.925.000	1.628.606.957
Ban QLDA điện hạt nhân Ninh Thuận	235.523.713	235.523.713
Công ty CP Nhiệt điện An Khánh	-	1.361.316.677
Điện lực Nam Định	216.429.201	29.909.091
Công ty Thủy điện Sơn La	-	7.439.315.000
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	8.107.164.442	4.593.070.493
Công ty Thủy điện Sông Tranh	4.477.980.422	
<b>Tổng</b>	<b>180.912.792.865</b>	<b>160.889.286.549</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan (tiếp):**

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Ban QLDA Lưới điện_Công ty Điện lực 2	14.598.834	14.598.834
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	7.143.985.938	16.024.186.938
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	2.131.982.790	2.131.982.790
Ban QLDA Thủy điện 1	376.160.479	406.623.521
Ban QLDA Lưới điện - Công ty Điện lực 1	718.971.613	705.160.946
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	426.391.234	251.990.689
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	166.048.426	246.918.425
Ban QLDA Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	3.873.131.791	1.806.024.313
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	439.734.869	439.734.869
Công ty Truyền tải Điện 1	18.947.146	18.947.146
Ban QLDA các công trình Điện miền Bắc	4.207.992.285	2.561.857.943
Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	3.895.097.448	558.108.203
Công ty Thủy điện Hòa Bình	331.360.000	331.360.000
Công ty CP Xây lắp Điện 1	-	649.755.000
Công ty Thủy điện Sơn La	472.566.000	-
<b>Cộng</b>	<b>24.216.968.853</b>	<b>26.147.249.617</b>
	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Miền trung	205.920.784	205.920.784
Trung tâm công nghệ Thông tin EVN	190.563.645	164.784.098
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4	141.066.154	141.066.154
Ban điều hành Dự án Thủy điện Pleikrong	133.664.300	133.664.300
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3	131.796.388	-
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	-	213.973.886
<b>Cộng</b>	<b>803.011.271</b>	<b>859.409.222</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan (tiếp):**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Phải thu nội bộ</b>		
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	3.937.696.004	2.735.534.696
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	10.035.829.491	11.111.504.776
<b>Cộng</b>	<b>13.973.525.495</b>	<b>13.847.039.472</b>
<b>Phải trả nội bộ</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	35.333.888.711	13.577.548.211
Công ty TNHH MTV Khảo sát và Thiết kế Xây dựng Điện 1	11.440.003.904	14.446.094.722
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	7.281.618.331	8.954.211.658
<b>Cộng</b>	<b>54.055.510.946</b>	<b>36.977.854.591</b>

**30. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Tại ngày 31/12/2014 theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Chênh lệch Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>Bảng Cân đối Kế toán</b>			
<b>Tài sản</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	19.771.411.155	2.502.744.604	(17.268.666.551)
Tài sản thiếu chờ xử lý	447.960.000	-	(447.960.000)
Tài sản ngắn hạn khác	61.924.048	17.778.550.599	17.716.626.551
<b>Nguồn vốn</b>			
Quỹ đầu tư phát triển	16.101.984.744	13.183.923.594	(2.918.061.150)
Quỹ dự phòng tài chính	-	2.918.061.150	-



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hồng Tuấn  
Q. Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hương  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 46

HÀP  
VÀ  
Đ

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tài Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hoài	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/02/2015)
Ông Đặng Hoàng Cầm	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ 10/08/2015)
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Quyền Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 01/01/2015)
Bà Vũ Thị Hải	Quyền Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/01/2015)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 và thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC) hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,**



**Nguyễn Tài Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây được gọi là “Công ty”), được lập ngày 25/03/2016, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám Đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Hà Minh Long

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

1221-2014-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>909.115.116.352</b>	<b>863.469.694.282</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.503.227.538	47.116.944.270
Tiền	111		29.503.227.538	47.116.944.270
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		408.434.737.203	419.965.802.584
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	352.418.631.976	376.125.961.705
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.646.242.724	10.230.108.155
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	39.369.862.503	33.161.772.724
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	447.960.000
Hàng tồn kho	140		471.115.227.563	396.325.023.380
Hàng tồn kho	141	7	471.115.227.563	396.325.023.380
Tài sản ngắn hạn khác	150		61.924.048	61.924.048
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	61.924.048	61.924.048
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.022.602.519.758</b>	<b>1.043.795.918.117</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		85.250.961.567	94.834.840.332
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	72.739.150.073	78.495.859.150
Trả trước cho người bán dài hạn	212		17.409.624.442	21.070.303.130
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(4.897.812.948)	(4.731.321.948)
Tài sản cố định	220		928.023.381.982	934.972.113.930
Tài sản cố định hữu hình	221	9	903.918.026.598	916.541.828.038
- Nguyên giá	222		1.138.618.081.114	1.102.949.531.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.700.054.516)	(186.407.703.784)
Tài sản cố định vô hình	227	10	24.105.355.384	18.430.285.892
- Nguyên giá	228		35.254.648.510	27.544.496.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.149.293.126)	(9.114.210.512)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.280.276.550	4.682.189.912
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.280.276.550	4.682.189.912
Tài sản dài hạn khác	260		7.047.899.659	9.306.773.943
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	7.047.899.659	9.306.773.943
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.931.717.636.110</b>	<b>1.907.265.612.399</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.611.590.306.854</b>	<b>1.573.791.982.644</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>927.758.566.398</b>	<b>858.178.631.156</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	30.220.727.168	62.923.229.831
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44.911.551.317	45.518.522.157
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	39.927.511.592	59.317.240.961
Phải trả người lao động	314		90.969.510.716	85.263.226.625
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	2.874.264.081	2.515.652.748
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		35.333.888.711	13.577.548.211
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	47.356.879.372	46.035.724.916
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	628.981.162.776	537.272.834.396
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.183.070.665	5.754.651.311
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>683.831.740.456</b>	<b>715.613.351.488</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	12	56.036.237.515	17.506.391.883
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		13.161.059.185	12.967.515.849
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	614.634.443.756	685.139.443.756
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>320.127.329.256</b>	<b>333.473.629.755</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>320.127.329.256</b>	<b>333.223.629.755</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		266.913.190.000	266.913.190.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.229.905.839	21.156.864.193
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.484.233.417	44.653.575.562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		165.597.062	44.653.575.562
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.318.636.355	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>250.000.000</b>
Nguồn kinh phí	431		-	250.000.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.931.717.636.110</b>	<b>1.907.265.612.399</b>



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hồng Tuấn  
Q. Kế toán trưởng

Doãn Thị Thu Dung  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	569.550.646.851	538.037.321.808
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>569.550.646.851</b>	<b>538.037.321.808</b>
Giá vốn hàng bán	11	19	353.850.656.667	326.628.838.463
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>215.699.990.184</b>	<b>211.408.483.345</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.627.499.898	360.874.094
Chi phí tài chính	22	21	111.594.333.244	109.766.262.317
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		106.618.504.208	109.745.537.254
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		50.089.514.390	38.198.871.789
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>57.643.642.448</b>	<b>63.804.223.333</b>
Thu nhập khác	31		277.213.157	231.769.031
Chi phí khác	32		15.677.624.626	5.610.834.033
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(15.400.411.469)</b>	<b>(5.379.065.002)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>42.243.230.979</b>	<b>58.425.158.331</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	11.924.594.624	13.771.585.169
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>30.318.636.355</b>	<b>44.653.573.162</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30.318.636.355	44.653.573.162
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>23</b>	<b>1.136</b>	<b>1.670</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>		<b>1.136</b>	<b>1.670</b>



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hồng Tuấn  
Q. Kế toán trưởng

Doãn Thị Thu Dung  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	42.243.230.979	58.425.158.331
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	52.466.311.340	45.324.821.482
Các khoản dự phòng	03	166.491.000	(496.435.425)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.803.890.683	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(136.893.436)	(295.190.272)
Chi phí lãi vay	06	106.618.504.208	109.745.537.254
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>203.161.534.774</b>	<b>212.703.891.370</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	20.001.103.899	11.519.948.648
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(71.148.904.475)	(71.373.300.205)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(19.234.267.103)	(22.737.019.762)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.042.309.487	1.637.164.640
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(106.512.162.808)	(106.430.390.465)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.859.305.988)	(17.532.348.474)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.782.794.630	335.662.875
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.284.602.960)	(12.752.710.873)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>16.948.499.456</b>	<b>(4.629.102.246)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(39.884.785.902)	(66.355.917.283)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	11.454.545	93.177.272
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	125.438.891	5.850.267.159
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(39.747.892.466)</b>	<b>(60.412.472.852)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		511.259.575.842	516.264.334.916
Tiền trả nợ gốc vay	34		(490.056.247.462)	(469.464.700.006)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.114.868.205)	(1.500.674.242)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>5.088.460.175</b>	<b>45.298.960.668</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(17.710.932.835)</b>	<b>(19.742.614.429)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>47.116.944.270</b>	<b>66.785.135.995</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		97.216.103	74.422.705
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>29.503.227.538</b>	<b>47.116.944.270</b>



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hồng Tuấn  
Q. Kế toán trưởng

Doãn Thị Thu Dung  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, tên viết tắt là PECC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103021734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần 8 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 vào ngày 09/09/2014.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 có trụ sở tại: Km 9+200, đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 266.913.190.000 đồng, chia thành 26.691.319 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phần tương ứng 145.042.270.000 đồng, chiếm 54,34% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.187.092 cổ phần tương ứng 121.870.920.000 đồng, chiếm 45,66% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TV1.

**1.2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Khảo sát thiết kế các công trình điện;
- Gia công, thử nghiệm cột điện bằng thép;
- Xây dựng, sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Xây dựng lưới điện từ 35 KV trở xuống;
- Nghiên cứu lập dự án đầu tư;
- Thiết kế các công trình điện tất cả các giai đoạn;
- Khảo sát xây dựng, khảo sát môi trường, thí nghiệm địa chất, vật liệu xây dựng... phục vụ thiết kế;
- Thẩm định đồ án thiết kế công trình điện không do Công ty thiết kế;
- Tổng thầu khảo sát, thiết kế và quản lý dự án các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn EVN;
- Lập hồ sơ vật tư, thiết bị phục vụ cho chào thầu các công trình điện, kiểm định chất lượng xây dựng các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn EVN;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn Hợp đồng kinh tế công trình điện;
- Tư vấn dịch vụ và xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: công tác điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình, lập hồ sơ và dịch vụ tổ chức đấu thầu về thiết kế, mua sắm trang thiết bị, xây lắp công trình, giám sát xây dựng, nhận thầu quản lý xây dựng;
- Gia công thử nghiệm cột điện các loại;
- Tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt;
- Dịch vụ khảo sát và đo vẽ bản đồ (địa hình, địa chính);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1.2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Xây lắp các công trình lưới điện có cấp điện áp đến 110KV;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí điện lực;
- Kiểm định công trình xây dựng và các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu.

**1.3. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT**

Stt	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
1	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	Km 2 Đường Phùng Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 2	Số 8/2, đường Phan Đình Phùng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	100%	100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Xây dựng Điện 1 Đà Nẵng	Số 503 Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	100%	100%
4	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	Số 599, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	100%	100%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**2.2. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Từ ngày 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG**

Tại ngày 31/12/2015, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng tư vấn và các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ và tiền lương nhân công tương ứng với phần công việc dở dang chưa ghi nhận doanh thu trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và lợi thế thương mại. Chi tiết Tài sản cố định vô hình như sau:

- Quyền sử dụng đất: Bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất không thời hạn.
- Phần mềm máy tính: khấu theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong 3 năm.

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí về đầu tư xây dựng công trình Thủy điện Sông Bung 5, công trình này chưa hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Khi công trình này hoàn thành và được Công ty phê duyệt theo phân cấp, các chi phí đầu tư xây dựng dở dang sẽ được tập hợp và ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Các khoản phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Các khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người cung cấp.

Phần phát sinh tăng của các khoản phải trả người bán cho các nhà thầu phụ nước ngoài được hạch toán trên cơ sở số tiền nghiệm thu giữa Chủ đầu tư với Công ty về hạng mục nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện.

**3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu và chi phí của công trình xây lắp được ghi nhận khi công trình đã hoàn thành được bàn giao và khách hàng chấp nhận thanh toán. Ngoài ra, đối với các công trình xây dựng dở dang, doanh thu và chi phí liên quan được xác định tương ứng với các phần công việc (hạng mục) đã nghiệm thu có xác nhận của chủ đầu tư (bên A).

Đối với các công trình đã hoàn thành và ghi nhận doanh thu của các năm trước nhưng khi quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền mà bị cắt giảm giá trị thanh toán sẽ được Công ty điều chỉnh giảm doanh thu và công nợ tương ứng vào năm hiện hành.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các khoản đầu tư mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.14 GHI NHẬN GIÁ VỐN**

Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế được xác định căn cứ theo tỷ lệ hoàn thành của công trình đã nghiệm thu trong năm.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Các khoản tồn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

**3.15 NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán theo tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.16 THUẾ**

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với các hoạt động của Công ty là 0% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 22%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.17 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 là các cá nhân, đơn vị sở hữu cổ phần chi phối tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1.

**3.18 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.19 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.331.899.319	1.275.565.433
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.171.328.219	45.841.378.837
<b>Cộng</b>	<b>29.503.227.538</b>	<b>47.116.944.270</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công ty CP EVN Quốc tế	32.951.013.052	32.951.013.052
- Cty CP Xây lắp NEW TECH Vĩnh Hà	3.308.703.485	-
- Ban điều hành DA TĐ Lai Châu	2.336.224.182	2.261.076.727
- Công ty CP Sông Đà 3	5.385.104.239	5.278.520.275
- Ban QLDA điện nông thôn Miền Trung	4.074.453.074	1.000.747.452
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện Hà Thành	8.120.641.500	8.120.641.500
- Phải thu của khách hàng khác	296.242.492.444	326.513.962.699
<b>Cộng</b>	<b>352.418.631.976</b>	<b>376.125.961.705</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Công ty Truyền tải điện 1	6.879.549.170	4.352.753.245
- Công ty CP thủy điện Văn Chấn	6.360.507.261	6.360.507.261
- Công ty CP BITECO Nho Quế	8.678.878.311	8.678.878.311
- Các khoản phải thu khách hàng khác	50.820.215.331	59.103.720.333
<b>Cộng</b>	<b>72.739.150.073</b>	<b>78.495.859.150</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>425.157.782.049</b>	<b>454.621.820.855</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>315.506.308.018</b>	<b>236.352.250.352</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>39.369.862.503</b>	<b>-</b>	<b>33.161.772.724</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	27.052.047.705	-	25.083.269.462	-
- Thuế giá trị gia tăng tạm hạch toán	409.003.194	-	434.827.730	-
- Thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên	2.399.085.792	-	1.863.773.000	-
- Phải thu cán bộ, công nhân viên	2.056.360.000	-	5.188.279.069	-
- Phải thu tiền bảo hiểm xã hội	1.547.615.846	-	-	-
- Phải thu khác	5.905.749.966	-	591.623.463	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>39.369.862.503</b>	<b>-</b>	<b>33.161.772.724</b>	<b>-</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.052.288.718	-	2.222.668.896	-
Công cụ, dụng cụ	8.452.260	-	35.002.260	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	469.054.486.585	-	394.067.352.224	-
<b>Cộng</b>	<b>471.115.227.563</b>	<b>-</b>	<b>396.325.023.380</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>61.924.048</b>	<b>61.924.048</b>
- Các khoản khác	61.924.048	61.924.048
<b>Dài hạn</b>	<b>7.047.899.659</b>	<b>9.306.773.943</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.534.682.326	2.932.129.386
- Lợi thế thương mại	2.491.904.402	5.904.820.248
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	503.882.015	-
- Chi phí trả trước khác	517.430.917	469.824.309
<b>Cộng</b>	<b>7.109.823.707</b>	<b>9.368.697.991</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>598.370.367.877</b>	<b>418.162.744.808</b>	<b>76.984.211.179</b>	<b>9.191.294.958</b>	<b>240.913.000</b>	<b>1.102.949.531.822</b>
- Mua trong năm	2.026.701.818	4.615.990.655	3.084.610.000	1.315.540.000	-	11.042.842.473
- Đầu tư XDCB hoàn thành	13.797.276.975	17.996.865.650	1.274.594.314	-	-	33.068.736.939
- Tăng khác	-	135.961.628.764	2.640.405.714	-	-	138.602.034.478
- Thanh lý, nhượng bán	-	(357.769.670)	(111.423.000)	(860.690.619)	(32.246.000)	(1.362.129.289)
- Giảm khác	(145.682.935.309)	-	-	-	-	(145.682.935.309)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>468.511.411.361</b>	<b>576.379.460.207</b>	<b>83.872.398.207</b>	<b>9.646.144.339</b>	<b>208.667.000</b>	<b>1.138.618.081.114</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>68.464.795.294</b>	<b>74.501.533.679</b>	<b>35.562.498.334</b>	<b>7.749.884.158</b>	<b>128.992.319</b>	<b>186.407.703.784</b>
- Khấu hao trong năm	14.692.567.887	28.300.925.156	5.879.923.064	746.326.518	34.737.396	49.654.480.021
- Thanh lý, nhượng bán	-	(357.769.670)	(111.423.000)	(860.690.619)	(32.246.000)	(1.362.129.289)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>83.157.363.181</b>	<b>102.444.689.165</b>	<b>41.330.998.398</b>	<b>7.635.520.057</b>	<b>131.483.715</b>	<b>234.700.054.516</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>529.905.572.583</b>	<b>343.661.211.129</b>	<b>41.421.712.845</b>	<b>1.441.410.800</b>	<b>111.920.681</b>	<b>916.541.828.038</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>385.354.048.180</b>	<b>473.934.771.042</b>	<b>42.541.399.809</b>	<b>2.010.624.282</b>	<b>77.183.285</b>	<b>903.918.026.598</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.541.329.496 đồng.

Giá trị còn lại các tài sản cố định cầm cố thế chấp của Công ty tại ngày 31/12/2015: 901.501.031.295 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>17.067.101.984</b>	<b>10.477.394.420</b>	<b>27.544.496.404</b>
- Mua trong năm	7.080.900.831	1.401.800.000	8.482.700.831
- Thanh lý, nhượng bán	-	(772.548.725)	(772.548.725)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>24.148.002.815</b>	<b>11.106.645.695</b>	<b>35.254.648.510</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>1.071.147.000</b>	<b>8.043.063.512</b>	<b>9.114.210.512</b>
- Trích khấu hao trong năm	1.517.854.972	1.293.976.347	2.811.831.319
- Thanh lý, nhượng bán	-	(772.548.725)	(772.548.725)
- Giảm khác	-	(4.199.980)	(4.199.980)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>2.589.001.972</b>	<b>8.560.291.154</b>	<b>11.149.293.126</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>15.995.954.984</b>	<b>2.434.330.908</b>	<b>18.430.285.892</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>21.559.000.843</b>	<b>2.546.354.541</b>	<b>24.105.355.384</b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.280.276.550</b>	<b>2.280.276.550</b>	<b>4.682.189.912</b>	<b>4.682.189.912</b>
Nhà máy thủy điện Sông Bung 5	2.215.718.483	2.215.718.483	4.682.189.912	4.682.189.912
Công trình khác	64.558.067	64.558.067	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.280.276.550</b>	<b>2.280.276.550</b>	<b>4.682.189.912</b>	<b>4.682.189.912</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.220.727.168</b>	<b>30.220.727.168</b>	<b>62.923.229.831</b>	<b>62.923.229.831</b>
Công ty CP Khảo sát và Địa chính	4.549.133.824	4.549.133.824	4.549.133.824	4.549.133.824
Công ty Tractebel Engineering	3.000.033.344	3.000.033.344	2.587.231.256	2.587.231.256
Viện công nghệ khoan	1.222.925.000	1.222.925.000	4.955.396.960	4.955.396.960
Các đối tượng khác	21.448.635.000	21.448.635.000	50.831.467.791	50.831.467.791
<b>Dài hạn</b>	<b>56.036.237.515</b>	<b>56.036.237.515</b>	<b>17.506.391.883</b>	<b>17.506.391.883</b>
Công ty CP Xây dựng 47	33.904.955.578	33.904.955.578	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Điện lực 1	516.133.567	516.133.567	516.133.567	516.133.567
Công ty CP Tư vấn Địa chất và Xây dựng 206	270.587.600	270.587.600	270.587.600	270.587.600
Công ty CP Thương mại Gia đức	230.877.822	230.877.822	262.294.650	262.294.650
Các đối tượng khác	21.113.682.948	21.113.682.948	16.457.376.066	16.457.376.066
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>4.280.867.857</b>	<b>4.280.867.857</b>	<b>6.894.035.560</b>	<b>6.894.035.560</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	30.002.107.399	42.354.331.492	47.949.465.398	24.406.973.493
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.527.985.377	12.438.476.486	13.859.305.988	9.107.155.876
- Thuế thu nhập cá nhân	9.413.883.629	2.427.793.478	8.383.935.710	3.457.741.397
- Thuế tài nguyên	3.298.451.186	11.162.324.336	14.431.941.835	28.833.687
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	237.012.224	476.727.908	713.740.132	-
- Các loại thuế khác	3.897.632.282	1.008.500.501	4.350.970.845	555.161.938
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.940.168.864	14.767.025.901	14.335.549.564	2.371.645.201
<b>Cộng</b>	<b>59.317.240.961</b>	<b>84.635.180.102</b>	<b>104.024.909.472</b>	<b>39.927.511.592</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.874.264.081</b>	<b>2.515.652.748</b>
Thủy điện Hòa Bình - XD mốc hành lang	-	87.272.727
Đánh giá tiềm năng trên sông Nam Et	-	113.830.900
Thủy điện Hạ Sê San 2	-	841.298.969
Nhiệt điện Ninh Thuận - KS lựa chọn địa điểm	-	203.670.632
Trung tâm điện lực Nghệ An	-	78.759.091
Sê San 3A	-	58.272.689
Thủy điện Đasiat	318.856.305	-
Thủy điện Hủa Na	498.991.681	-
Thủy điện A Lưới	365.006.629	-
Thủy điện Sông Đà Giai đoạn 1	1.501.502.577	-
Trích trước chi phí lãi vay	106.341.400	-
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát, Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	35.565.489	1.084.547.740
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.874.264.081</b>	<b>2.515.652.748</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>47.356.879.372</b>	<b>46.035.724.916</b>
Kinh phí công đoàn	2.131.177.013	2.185.200.769
Bảo hiểm xã hội	99.844.100	1.103.666.294
Bảo hiểm thất nghiệp	1.094.372.200	542.722.717
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.027.980.706	42.195.230.402
Lợi nhuận, cổ tức chia cho cổ đông	2.084.996.915	812.925.620
Phải trả, phải nộp khác (*)	41.942.983.791	41.382.304.782
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>47.356.879.372</b>	<b>46.035.724.916</b>

(\*) Các khoản phải trả, phải nộp khác là các khoản chi phí phải trả cán bộ công nhân viên đã hoàn chứng từ về, nhưng Công ty chưa thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	Tại 01/01/2015		Trong năm		Tại 31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND	VND	nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>537.272.834.396</b>	<b>537.272.834.396</b>	<b>545.699.575.842</b>	<b>453.991.247.462</b>	<b>628.981.162.776</b>	<b>628.981.162.776</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (1)	197.289.249.451	197.289.249.451	187.810.428.222	229.289.249.451	155.810.428.222	155.810.428.222
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (11)			36.000.000.000		36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực (2)	81.000.000.000	81.000.000.000	14.000.000.000	25.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long Biên (3)	29.000.000.000	29.000.000.000	49.347.157.184	29.000.000.000	49.347.157.184	49.347.157.184
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (4)			7.410.938.413		7.410.938.413	7.410.938.413
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (12)			390.000.000		390.000.000	390.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (5)			25.056.104.214		25.056.104.214	25.056.104.214
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (6)	8.761.517.399	8.761.517.399	24.825.806.444	21.097.290.268	12.490.033.575	12.490.033.575
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Gia Lai (7)	2.129.508.000	2.129.508.000	3.680.000.000	2.129.508.000	3.680.000.000	3.680.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	2.090.000.000	2.090.000.000	1.200.000.000	3.290.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình (8)	2.603.656.316	2.603.656.316	6.871.917.002	7.916.969.364	1.558.603.954	1.558.603.954
Ngân hàng TMCP Quốc Dân (9)	-	-	1.827.017.205	906.823.149	920.194.056	920.194.056
Vay cá nhân (10)	214.398.903.230	214.398.903.230	187.280.207.158	135.361.407.230	266.317.703.158	266.317.703.158

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	Tại 01/01/2015		Tăng	Trong năm		Tại 31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả	
	VND	nợ VND		VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>685.139.443.756</b>	<b>685.139.443.756</b>	<b>1.950.000.000</b>	<b>72.455.000.000</b>	<b>614.634.443.756</b>	<b>614.634.443.756</b>	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (11)	685.139.443.756	685.139.443.756	-	72.000.000.000	613.139.443.756	613.139.443.756	
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (12)	-	-	1.950.000.000	455.000.000	1.495.000.000	1.495.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.222.412.278.152</b>	<b>1.222.412.278.152</b>	<b>547.649.575.842</b>	<b>526.446.247.462</b>	<b>1.243.615.606.532</b>	<b>1.243.615.606.532</b>	

(1) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTĐHM/NHCT326-PECC1 ngày 04/12/2014 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với mục đích mua nguyên vật liệu, trả lương cán bộ công nhân viên và các chi phí khác để phục vụ hoạt động tư vấn, khảo sát, thiết kế. Hạn mức tín dụng là 240.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ.

(2) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng hạn mức tín dụng số 15/2015/HĐTĐ-HM-DN/TCĐL ngày 11/06/2015 được ký kết giữa Công ty với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng là 95.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ phù hợp với từng phương án kinh doanh cụ thể, khả năng thu hồi vốn vòng quay vốn lưu động nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận nợ và được ghi trên kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Cho vay có bảo đảm bằng nguồn thu từ các Hợp đồng kinh tế, hàng tháng Công ty chuyển doanh thu vào tài khoản do EVNFinance chỉ định tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành tối thiểu 50% tổng dư nợ tại EVNFinance thời điểm thông báo chuyển vốn. Tài sản đảm bảo bổ sung: Toàn bộ giá trị các khoản phải thu khách hàng bình quân của bên B tại mọi thời điểm.

(3) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng cấp tín dụng số 427.15.053.1268888.TD ngày 18/06/2015 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Long Biên với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động tư vấn, thiết kế, giám sát năm 2015 – 2016 của khách hàng và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng văn bản nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là: Quyền đòi nợ/ Khoản phải thu hình thành từ các phương án Ngân hàng tài trợ, các tài sản đảm bảo khác mà Công ty cũng như bên thứ ba đã hoặc sẽ dùng để bảo đảm tại Ngân hàng cũng được sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty theo hợp đồng cấp tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(4) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng cấp tín dụng số 91-21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN ngày 03/09/2015 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hà Nội với mục đích vay thanh toán lương cố định hàng tháng, lương nhân công và các chi phí khác theo từng công trình phục vụ cho hoạt động tư vấn, khảo sát và thiết kế của khách hàng. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng văn bản nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là: Quyền đòi nợ/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bất động sản là trụ sở của khách hàng.

(5) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015/HM/NHNT.TX-TV1 ngày 13/11/2015 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh miễn ký quỹ, phát hành thư tín dụng miễn ký quỹ, chiết khấu có truy đòi, các hình thức tín dụng khác mà Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cho phép. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ phát sinh của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 tối thiểu tương đương với mức dư nợ tại Vietcombank trong kỳ.

(6) Khoản vay ngắn hạn thuộc Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 03/17/HĐHM/104-67 ngày 22/06/2015 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây. Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 đồng. Phương thức sử dụng hạn mức: Mỗi lần cấp tín dụng các bên sẽ ký hợp đồng cấp tín dụng. Các nội dung cụ thể liên quan đến việc cấp tín dụng sẽ được các bên thỏa thuận và ghi vào hợp đồng cấp tín dụng. Tài sản thế chấp là sổ đỏ lô đất Trụ sở Công ty tại KM2, đường Phùng Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội. Giá trị tài sản thế chấp: 8.500.000.000 đồng.

**(7) Bao gồm:**

- Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 357/14/NHNT ngày 17/10/2014 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Gia Lai với tổng hạn mức là 10 tỷ đồng chẵn. Mục đích vay: chi phí thi công, thăm dò, khảo sát địa hình, địa chất. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Thời hạn rút vốn vay cuối cùng là ngày 15/05/2015. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được tính vào ngày 26 hàng tháng, thời hạn trả lãi tối đa là 7 ngày từ ngày tính lãi. Và Phụ lục hợp đồng ngày 19/08/2015: Thay đổi thời hạn rút vốn vay, bên vay được rút vốn một hoặc nhiều lần theo hợp đồng này, thời hạn rút vốn vay cuối cùng là ngày 30/10/2015. Số dư tại 31/12/2015 là 2.300.000.000 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng số 49/15/VCB.KHBL ngày 02/12/2015 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Gia Lai với hạn mức 5 tỷ đồng chẵn. Mục đích: chi phí thi công thăm dò, khảo sát địa hình, địa chất. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày trả nợ xong tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn rút vốn cuối cùng là 10/08/2016. Lãi vay tính vào ngày 26 hàng tháng. Thời hạn trả lãi tối đa là 7 ngày kể từ ngày tính lãi. Số dư tại 31/12/2015 là 1.380.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho cả 2 hợp đồng trên là 1 phần lô đất tại tổ 12, P Hoa Lư, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai với giá trị định giá là 10 tỷ đồng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/10/NHNT ngày 02/10/2013 và Văn bản bảo lãnh trả nợ thay không có tài sản đảm bảo của Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1 theo văn bản bảo lãnh số 860/CV-TVĐ1 ngày 28/04/2014 "v/v bảo lãnh cho công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2 vay vốn kinh doanh" cam kết sẽ thực hiện bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2 được vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN CN Gia Lai với số tiền bảo lãnh 12 tỷ đồng phát sinh trong thời gian bảo lãnh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(8) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng hạn mức tín dụng số 1307/15/TD-TT/II.10 ngày 13.04.2015 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Thanh Xuân. Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 đ. Lãi suất, mức phí và thời điểm nộp phí được quy định cụ thể trong từng phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng cấp hạn mức. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất: Ngõ 33 tổ 20 P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân .TP Hà Nội. Diện tích sử dụng 67.7m<sup>2</sup>. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.286.000.000 đồng.

(9) Khoản vay ngắn hạn thuộc Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 04/15/HĐHM/104-67 ngày 27.03.2015 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Thanh Xuân . Hạn mức cho vay: 2.000.000.000 đ . Phương thức sử dụng hạn mức: Mỗi lần cấp tín dụng các bên sẽ ký hợp đồng cấp tín dụng. Các nội dung cụ thể liên quan đến việc cấp tín dụng sẽ được các bên thỏa thuận và ghi vào hợp đồng cấp tín dụng. Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 04/15/HĐTC-PTVT/104-67 ngày 27.03.2015. Tài sản thế chấp: 01 xe ô tô TOYOTA HIACE 16 chỗ ngồi; 01 xe ô tô TOYOTA FORTUNER 07 chỗ ngồi. Giá trị tài sản thế chấp: 1.880.000.000 đồng.

(10) Là các khoản vay ngắn hạn với cán bộ công nhân viên trong Công ty, có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận.

(11) Toàn bộ số dư khoản vay dài hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với mục đích đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5. Hạn mức tín dụng là 900.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng thời kỳ. Số dư gốc vay đến 31/12/2015 là 649.139.443.756 đồng. Ngân hàng sẽ xác định số dư nợ gốc cụ thể phải thanh toán vào mỗi ngày thanh toán gốc và sẽ thông báo cho Công ty về việc xác định nghĩa vụ trả nợ đó. Trong đó: số đến hạn trả trong năm 2016 là 36.000.000.000 đồng.

(12) Toàn bộ số dư khoản vay dài hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 104-14.09.15/HĐTD/TPBANK.THN ngày /10/2015 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội với mục đích thanh toán bù đắp tiền mua 01 xe ô tô Toyota Land Cruiser VX theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 150905/HĐMB giữa Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1 và Công ty Toyota Thăng Long. Số tiền là 1.950.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo chấp thuận của TPBank. Số dư gốc vay đến 31/12/2015 là 1.885.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo là xe 1 xe ô tô nhãn hiệu Land Cruiser VX biển kiểm soát 30A-834.12. Trong đó: số đến hạn trả trong năm 2016 là 390.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác Thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2014</b>	<b>230.105.360.000</b>	<b>11.073.100</b>	<b>16.936.651.511</b>	<b>500.000.000</b>	<b>39.342.669.630</b>	<b>286.895.754.241</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	-	44.653.573.162	44.653.573.162
- Phân phối lợi nhuận	36.807.830.000	-	126.290.481	-	(39.342.667.230)	(2.408.546.749)
- Chênh lệch tỷ giá	-	(11.073.100)	-	-	-	(11.073.100)
- Phân loại lại quỹ dự phòng tài chính theo Thông tư 200/2014/TT- BTC	-	-	4.093.922.201	-	-	4.093.922.201
<b>31/12/2014</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>21.156.864.193</b>	<b>500.000.000</b>	<b>44.653.575.562</b>	<b>333.223.629.755</b>
<b>01/01/2015</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>21.156.864.193</b>	<b>500.000.000</b>	<b>44.653.575.562</b>	<b>333.223.629.755</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	30.318.636.355	30.318.636.355
- Trích lập các quỹ	-	-	1.073.041.646	-	(1.073.041.646)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(40.036.978.500)	(40.036.978.500)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(3.377.958.354)	(3.377.958.354)
<b>31/12/2015</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>22.229.905.839</b>	<b>500.000.000</b>	<b>30.484.233.417</b>	<b>320.127.329.256</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận trong năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TVDD1 ngày 24/04/2015 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT-TVĐ1-TH ngày 03/07/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.2. CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	54,34%	145.032.993.439	54,34%	145.032.993.439
Các cổ đông khác	45,66%	121.880.196.561	45,66%	121.880.196.561
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>100%</b>	<b>266.913.190.000</b>

**17.3. GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	266.913.190.000	266.913.190.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	266.913.190.000	266.913.190.000

**17.4. CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.691.319	26.691.319
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.691.319	26.691.319
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.691.319	26.691.319
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.691.319	26.691.319
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu sản xuất điện	158.862.802.479	127.979.191.589
Doanh thu xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình điện	387.701.360.216	382.162.288.686
Doanh thu khác	22.986.484.156	27.895.841.533
<b>Cộng</b>	<b>569.550.646.851</b>	<b>538.037.321.808</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>483.371.999.750</b>	<b>418.573.981.023</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn sản xuất điện	99.444.363.341	25.913.394.874
Giá vốn khảo sát, thiết kế công trình điện	231.419.809.170	273.478.362.239
Giá vốn khác	22.986.484.156	27.237.081.350
<b>Cộng</b>	<b>353.850.656.667</b>	<b>326.628.838.463</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	125.438.891	179.055.440
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.502.061.007	11.073.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	152.157.524
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	18.588.030
<b>Cộng</b>	<b>3.627.499.898</b>	<b>360.874.094</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	106.618.504.208	109.745.537.254
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.171.938.353	20.725.063
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.803.890.683	-
<b>Cộng</b>	<b>111.594.333.244</b>	<b>109.766.262.317</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>42.243.230.979</b>	<b>58.425.158.331</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>13.262.886.797</b>	<b>4.833.352.499</b>
- Các khoản chi phí (phạt thuế)	12.501.142.736	-
- Các khoản chi phí (phạt bảo hiểm)	40.488.194	-
- Khấu hao ô tô phần vượt quá 1,6 tỷ đồng	83.263.514	-
- Thù lao cho thành viên HĐQT không kiêm nhiệm	72.000.000	-
- Chi phí không được trừ khác	565.992.353	4.833.352.499
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(1.303.414.935)</b>	<b>(220.374.507)</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(56.106.495)	(152.157.524)
- Các khoản thu nhập không chịu thuế khác	(1.247.308.440)	(68.216.983)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>54.202.702.841</b>	<b>63.038.136.323</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>11.924.594.624</b>	<b>13.868.389.991</b>
<i>Thuế TNDN được giảm các năm trước</i>	-	(111.070.419)
<i>Thuế TNDN truy thu các năm trước</i>	-	14.265.597
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>11.924.594.624</b>	<b>13.771.585.169</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lô phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	30.318.636.355	44.653.573.162
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.530.115.878)
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(3.377.958.354)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	-	(152.157.524)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	26.691.319	24.624.030
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.136</b>	<b>1.670</b>

Trong năm 2015, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại sau khi phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TVDD1 ngày 24/04/2015 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT-TVĐ1-TH ngày 03/07/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	240.526,27	180.264,89
Nợ khó đòi đã xử lý	4.186.352.918	4.186.352.918

0 \* M.S.D.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Năm 2015

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 (khối Cơ quan Công ty)	Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng Điện 1	Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng Điện 2	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng Điện 4	Loại trừ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	499.473.202.804	34.090.386.758	22.667.633.911	22.781.298.619	24.822.285.854	(34.284.161.095)	569.550.646.851
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	54.185.858.420	1.527.298.639	1.220.122.151	696.350.455	1.101.070.057		58.730.699.722
- Chi phí khấu hao	49.579.362.476	973.415.391	1.220.122.151	350.814.992	342.596.330		52.466.311.340
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ	4.606.495.944	553.883.248		345.535.463	758.473.727		6.264.388.382
4. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	51.602.232.492	2.507.594.932	930.973.322	1.470.599.984	1.132.241.718	-	57.643.642.448
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	39.129.716.336	-	755.069.566	-	-		39.884.785.902
6. Tài sản bộ phận	1.794.402.006.761	63.761.666.403	39.134.456.995	45.212.197.863	56.451.455.818	(67.244.147.730)	1.931.717.636.110
<b>Tổng tài sản</b>							<b>1.931.717.636.110</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	1.479.431.101.914	45.257.231.791	33.519.745.018	37.037.592.570	49.039.783.291	(32.695.147.730)	1.611.590.306.854
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>1.611.590.306.854</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.19 - Công cụ tài chính.

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.503.227.538	47.116.944.270
Phải thu khách hàng và phải thu khác	428.631.082.261	456.105.229.169
<b>Cộng</b>	<b>458.134.309.799</b>	<b>503.222.173.439</b>
	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.243.615.606.532	1.222.412.278.152
Phải trả người bán và phải trả khác	165.618.834.100	136.211.305.061
Chi phí phải trả	2.874.264.081	2.515.652.748
<b>Cộng</b>	<b>1.412.108.704.713</b>	<b>1.361.139.235.961</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(953.974.394.914)</b>	<b>(857.917.062.522)</b>

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Quản lý Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	628.981.162.776	614.634.443.756	1.243.615.606.532
Phải trả người bán và phải trả khác	109.582.596.585	56.036.237.515	165.618.834.100
Chi phí phải trả	2.874.264.081	-	2.874.264.081
<b>Cộng</b>	<b>741.438.023.442</b>	<b>670.670.681.271</b>	<b>1.412.108.704.713</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	537.272.834.396	685.139.443.756	1.222.412.278.152
Phải trả người bán và phải trả khác	118.704.913.178	17.506.391.883	136.211.305.061
Chi phí phải trả	2.515.652.748	-	2.515.652.748
<b>Cộng</b>	<b>658.493.400.322</b>	<b>702.645.835.639</b>	<b>1.361.139.235.961</b>

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.503.227.538	-	29.503.227.538
Phải thu khách hàng và phải thu khác	360.789.745.136	67.841.337.125	428.631.082.261
<b>Cộng</b>	<b>390.292.972.674</b>	<b>67.841.337.125</b>	<b>458.134.309.799</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.116.944.270	-	47.116.944.270
Phải thu khách hàng và phải thu khác	382.340.691.967	73.764.537.202	456.105.229.169
<b>Cộng</b>	<b>429.457.636.237</b>	<b>73.764.537.202</b>	<b>503.222.173.439</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. THÔNG TIN KHÁC**

**27.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Giao dịch với các bên liên quan:*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>		
Doanh thu với các đơn vị thuộc EVN		
<i>Khối công ty mẹ</i>	380.386.294.469	337.210.054.437
<i>Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1</i>	50.419.892.449	36.304.040.795
<i>Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2</i>	6.383.277.222	9.284.161.356
<i>Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng</i>	14.452.738.861	12.976.832.685
<i>Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4</i>	31.729.796.749	22.798.891.750
<b>Cộng</b>	<b>483.371.999.750</b>	<b>418.573.981.023</b>

*Số dư với các bên liên quan:*

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	192.006.773	192.006.773
Ban QLDA Lưới điện_Công ty Điện lực 2	119.210.000	119.210.000
Ban QLDA Nhiệt điện 1	669.187.871	669.187.871
Ban QLDA Lưới điện TP Hải Phòng	48.361.924	1.836.588.833
Ban QL Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Bắc	381.686.048	381.686.048
Công ty CP điện Nhiệt điện Quảng Ninh	2.061.375.282	2.165.421.631
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	159.636.354	159.636.354
Ban QLDA Thủy điện 1	3.660.543.560	4.489.499.334
Ban QLDA Thủy điện 2	5.659.126.253	11.771.646.928
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 4	983.545.000	983.545.000
Điện lực Cao Bằng	22.957.590	22.957.590
Công ty CP Thủy điện miền Nam	1.112.653.803	2.513.711.640
Ban QLDA Lưới điện - Điện lực Hà Nội	2.274.220.393	1.105.540.073
Ban ĐHDA Thủy điện Tuyên Quang	143.960.000	143.960.000
Nhà máy Thủy điện Ialy	1.248.888.311	622.162.023
Ban QLDA Thủy điện Sơn La	13.822.398.303	13.347.641.303
Ban QLDA Thủy điện 3	3.426.423.749	1.625.554.651
Ban QLDA các Công trình điện miền Trung	5.509.482.325	3.583.746.325

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**27.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan (tiếp):*

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Phải thu khách hàng (tiếp)</b>		
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng ánh Quảng Trạch	416.108.565	445.657.056
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.297.783.620	1.297.783.620
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	1.153.353.737	-
Công ty Mua bán điện	5.220.602.190	14.612.483.394
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	39.934.458	39.934.458
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	18.328.185	18.328.185
Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 4	424.208.123	424.208.123
Công ty Thủy điện Bản Vẽ	1.447.700.000	1.700.000.000
Ban QLDA Thủy điện sông Bung 2	376.242.066	3.783.821.066
Công ty CP Thủy điện Sông Tranh	2.787.014.068	381.406.290
Ban QLDA Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	-	2.067.107.478
Công ty Truyền tải điện 2	562.407.491	147.491.302
Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia	180.780.441	180.780.441
Công ty Truyền tải điện 1	6.898.496.316	4.352.753.245
Ban QLDA các Công trình điện miền Bắc	9.829.546.977	8.810.944.108
Ban QLDA Phát triển Điện lực Hà nội	310.784.740	310.784.740
Công ty CP Cơ điện Thủ Đức	512.369.366	1.012.369.366
Công ty CP Cơ khí Điện lực	6.551.845.425	3.417.045.425
Công ty TNHH MTV Tổng công ty phát điện 1	9.331.660.089	1.454.440.630
Trung tâm Công nghệ thông tin-EVN	-	401.466.272
Công ty Thủy điện an Khê-kanak	33.430.019	33.430.019
Ban QLDA Thủy điện 7	3.111.997.786	3.111.997.786
Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	3.656.094.313	3.723.305.391
Ban QLDA điện Nông thôn miền Trung	616.701.515	706.638.430
Ban QLDA Phát triển Điện lực	873.720.845	1.019.340.930
Ban QLDA Thủy điện 6	59.050.559	59.050.559
Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	2.118.480.237	5.883.843.083
Công ty CP Thủy điện Gia Lai	60.000.000	60.000.000
Công ty CP EVN Quốc tế	34.331.574.793	34.331.574.793
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	112.906.092	112.906.092
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bắc Minh	5.604.478.876	3.957.512.180
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa	4.317.157.472	4.220.332.823
Công ty CP Thủy điện sông ba hạ	1.628.606.957	472.377.634
Ban QLDA điện Hạt nhân Ninh Thuận	235.523.713	235.523.713
Công ty CP Nhiệt điện An Khánh	1.361.316.677	1.361.316.677

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan (tiếp):*

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng (tiếp)</b>		
Điện lực Nam Định	29.909.091	29.909.091
Công ty Thủy điện Sơn La	7.439.315.000	-
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	4.593.070.493	8.593.070.493
Công ty thủy điện Sơn La	-	4.484.971.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	7.156.769.306	7.156.769.306
Nhà máy Thủy điện Hòa Bình	-	259.336.320
Công ty CP Thủy điện Minh Lương	255.663.791	255.663.791
BQL Thủy điện 1	77.578.425	1.012.345.145
BQL Công trình Thủy điện Sơn La	1.947.152.468	1.907.200.676
BQL Phát triển Điện lực	455.751.008	620.773.307
BQL dự án Lưới điện MB	1.250.558.437	1.436.957.397
Điện lực Nghệ An	852.676.878	852.676.878
Điện lực Thái Nguyên	-	297.399.298
Trung Tâm TVXD điện - Điện Lực I	148.853.568	148.853.568
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 1	2.857.641.865	2.857.641.865
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	-	78.235.550
Ban QLDA Thủy điện 7	245.088.570	245.088.570
Công ty CP Khai thác Thủy điện Sông Giang	454	318.336.454
Công ty Thủy điện YALY	207.862.215	207.862.215
Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	610.464.275	610.464.275
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung	663.636.000	-
Công ty CP Thủy điện Sông Đà 3 Đăclô	833.414.528	1.833.414.528
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 4	314.373.048	314.373.048
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	277.078.873	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1		181.071.085
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	12.530.603.847	1.261.179.361
Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	11.030.528.852	5.070.177.718
Ban QLDA Thủy điện 6	20.653.638.778	9.951.393.785
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	2.357.844.264	694.310.094
Ban QLDA Thủy điện 5	5.760.091.324	5.967.453.817
Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	3.703.657.542	13.125.170.764
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	60.218.240.417	-
Ban QLDA Thủy Điện 1	44.476.695	44.476.695
Ban QLDA Điện Hạt nhân Ninh Thuận	546.203.772	1.000
Ban QLDA Đưa điện lưới ra Huyện đảo Cô Tô	761.052.127	705.245.395
Ban QLDA Trung tâm Điện lực Ô Môn - Chi nhánh	1.584.000	-
Tổng Công ty Phát điện 2		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan (tiếp):*

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Phải thu khách hàng (tiếp)</b>		
Ban QLDA Lưới điện Hà Nội	514.078.835	-
Công ty Truyền tải điện 1	956.276.772	1.047.163.587
Công ty Truyền tải điện 4	4.487.986.247	7.063.641.073
Tổng Công ty Phát Điện 2	1.269.899.610	1.584.000
Công ty Truyền tải điện 2	3.947.842.285	3.654.063.483
Công ty CP EVN Quốc Tế	1.082.330.081	1.082.330.081
Công ty CP Thủy điện An Khê KaNak	2.953.070.776	127.000.000
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	647.761.400	-
Công ty Thủy điện Đồng Nai	473.290.785	-
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bàn Chát	1.221.660.000	908.356.400
Công ty Lưới điện Cao thế TPHCM	67.847.719	-
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Bắc	60.524.303	-
Nhà máy điện Phú Mỹ - Tổng Công ty Phát điện 3 (GENCO3)	354.515.004	-
Công ty Thủy điện Hòa Bình	320.052.895	125.798.171
Công ty Thủy điện Trị An	497.399.430	-
<b>Tổng</b>	<b>315.506.308.018</b>	<b>236.352.250.352</b>
	<b>Tại 31/12/2015 VND</b>	<b>Tại 01/01/2015 VND</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Ban QLDA Lưới Điện_Công ty Điện lực 2	14.598.834	14.598.834
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	16.024.186.938	7.143.985.938
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	2.131.982.790	2.131.982.790
Ban QLDA Thủy điện 1	406.623.521	376.160.479
Ban QLDA Lưới Điện - Công ty Điện lực 1	705.160.946	718.971.613
Ban QLDA các Công trình Điện miền Trung	251.990.689	426.391.234
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	246.918.425	166.048.426
Ban QLDA Lưới Điện TP. Hồ Chí Minh	1.806.024.313	3.873.131.791
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện quốc gia	439.734.869	439.734.869
Công ty Truyền tải điện 1	18.947.146	18.947.146
Ban QLDA các Công trình Điện miền Bắc	2.561.857.943	4.207.992.285
Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	558.108.203	3.895.097.448
Công ty Thủy điện Hòa Bình	331.360.000	331.360.000
Công ty CP Xây lắp điện 1	649.755.000	-
Công ty Thủy điện Sơn La	-	472.566.000
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	3.369.370.246	19.213.669.333
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.180.144.199	3.325.367.146
Ban QLDA Thủy điện 5	232.769.447	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan (tiếp):*

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước (tiếp)		
Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	1.941.445.423	3.105.307.290
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.579.856.283	128.084.117.294
Ban QLDA Điện Hạt nhân Ninh Thuận	87.366.666	651.990.684
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	500.000.000	-
Công ty Truyền tải điện 4	100	-
Tổng Công ty Phát Điện 2	154.850.000	810.490.750
Công ty Truyền tải điện 2	265.440.040	-
Công ty CP Thủy điện An Khê KaNak	124.000.000	124.000.000
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	90.962.109	-
Công ty Lưới điện Cao thế TPHCM	1.092.050.392	-
Nhà máy điện Phú Mỹ - Tổng Công ty Phát điện 3 (GENCO3)	223.693.354	214.693.806
Công ty Thủy điện Hòa Bình	60.000.000	60.000.000
Công ty Thủy điện Trị An	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	-	301.174.578
<b>Cộng</b>	<b>40.744.838.626</b>	<b>180.147.779.734</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan (tiếp):*

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Điện 1	998.944.335	-
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Trung	205.920.784	205.920.784
Trung tâm Công nghệ Thông tin EVN	190.563.645	164.784.098
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4	141.066.154	141.066.154
Ban điều hành Dự án Thủy điện Pleikrong	133.664.300	133.664.300
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3	131.796.388	-
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	-	213.973.886
Điện lực Mường Tè Lai châu	40.459.237	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Điện lực 1	516.133.567	516.133.567
Công ty TNHH Điện tử và TB trắc địa Tiến Đức	-	-
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng điện 2	-	2.820.592.919
Công ty vật liệu điện Duy Tân	145.313.840	145.313.840
Công ty Tư vấn Xây dựng điện lực Miền Bắc	17.830.079	17.830.079
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện Thanh Hóa	10.766.664	10.766.664
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1	-	687.655.352
Công ty CP Thương mại & Xây lắp điện Công nghiệp	202.074.947	-
Công ty CP Đầu tư Điện và Xây dựng công trình	51.360.191	51.360.191
Công ty CP Tư vấn ĐT và Xây dựng điện Thành Nam	41.556.301	41.556.301
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng điện lực 1	38.661.876	38.661.876
Công ty CP Điện lực Miền Bắc	14.146.977	14.146.977
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện và Công nghiệp	24.933.089	24.933.089
<b>Cộng</b>	<b>4.280.867.857</b>	<b>6.894.035.560</b>
	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải trả nội bộ</b>		
Tập đoàn điện lực Việt Nam	35.333.888.711	13.577.548.211
<b>Tổng</b>	<b>35.333.888.711</b>	<b>13.577.548.211</b>

T.N.H.H. 10.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27.2 THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại phù hợp Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Tại ngày 31/12/2014 theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Chênh lệch Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>Bảng Cân đối Kế toán</b>			
<b>Tài sản</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	33.161.772.724	8.524.155.112	(24.637.617.612)
Tài sản thiếu chờ xử lý	447.960.000	-	(447.960.000)
Tài sản ngắn hạn khác	-	25.085.577.612	25.085.577.612
Chi phí trả trước ngắn hạn	61.924.048	145.991.141	84.067.093
Chi phí trả trước dài hạn	9.306.773.943	9.222.706.850	(84.067.093)
<b>Nguồn vốn</b>			
Quỹ đầu tư phát triển	23.863.967.727	19.424.967.727	(4.439.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính	-	4.439.000.000	4.439.000.000
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.670	1.807	137



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hồng Tuấn  
Q. Kế toán trưởng

Doãn Thị Thu Dung  
Người lập biểu